



FROM |



# Danh Mục Thuốc 2024

Có hiệu lực vào ngày 1 tháng 1 năm 2024



[Ambetter.WellCareKy.com](https://Ambetter.WellCareKy.com)

# Giới Thiệu Về Danh Mục Thuốc

## DANH MỤC THUỐC

Danh mục thuốc Ambetter from Wellcare of Kentucky, hay còn gọi là Danh Sách Thuốc Theo Toa, là tài liệu hướng dẫn về các loại thuốc gốc và thuốc biệt dược hiện có đã được Cục Quản Lý Thực Phẩm và Dược Phẩm Hoa Kỳ (FDA) phê duyệt và được đài thọ thông qua quyền lợi thuốc theo toa của quý vị. Thuốc gốc có cùng thành phần hoạt chất như thuốc biệt dược và nên được coi là điều trị bước một. FDA yêu cầu thuốc gốc phải an toàn và có tác dụng giống như thuốc biệt dược. Nếu không có sẵn thuốc gốc, có thể có nhiều hơn một loại thuốc biệt dược để điều trị một bệnh trạng. Thuốc biệt dược ưu tiên được liệt kê ở Bậc 2 giúp xác định các loại thuốc biệt dược là các lựa chọn điều trị phù hợp về mặt lâm sàng, an toàn và tiết kiệm chi phí, nếu thuốc gốc trong danh mục thuốc không phù hợp với bệnh trạng của quý vị.

Vui lòng lưu ý rằng Danh Mục Thuốc không phải là một danh sách đầy đủ các thuốc được quyền lợi thuốc theo toa của quý vị bao trả. Không phải tất cả các dạng bào chế hoặc hàm lượng của một loại thuốc đều có thể được đài thọ. Danh sách này được đánh giá và cập nhật định kỳ và có thể thay đổi. Thuốc có thể được bổ sung hoặc loại ra khỏi danh sách, hoặc yêu cầu bổ sung có thể được đưa vào để có thể phê duyệt việc tiếp tục sử dụng một loại thuốc cụ thể.

Các thiết kế chương trình quyền lợi thuốc theo toa cụ thể có thể không bao gồm một số sản phẩm hoặc danh mục nhất định, bất kể chúng có xuất hiện trong tài liệu này hay không. Vui lòng kiểm tra quyền lợi của quý vị để biết các giới hạn về bảo hiểm và khoản chia sẻ chi phí cho thuốc của quý vị.

### Chú Thích Trong Danh Sách Thuốc:

Thuốc biệt dược được liệt kê bằng CHỮ IN HOA và thuốc gốc được liệt kê bằng chữ in thường.

Các loại thuốc được đài thọ theo các bậc đồng thanh toán khác nhau tùy thuộc vào quyền lợi của quý vị:

- Bậc 0** - Không có khoản đồng thanh toán cho những loại thuốc được sử dụng cho mục đích phòng ngừa và được Đạo luật Bảo Vệ Bệnh Nhân và Chăm Sóc Sức Khỏe Giá Phải Chăng quy định. Các loại thuốc được chọn bao gồm thuốc tránh thai đường uống, vitamin D, axit folic cho phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ, aspirin không cần toa (OTC) và các sản phẩm cai thuốc lá có thể được đài thọ theo bậc này. Có thể áp dụng một số giới hạn về độ tuổi.
- Bậc 1A**- Khoản đồng thanh toán thấp nhất cho các loại thuốc được chọn mang lại giá trị lớn nhất so với các loại thuốc khác được sử dụng để điều trị các bệnh trạng tương tự. Các thuốc không cần toa (OTC) được chọn có thể được đài thọ theo bậc này.
- Bậc 1B**- Khoản đồng thanh toán thấp cho những loại thuốc mang lại giá trị lớn so với các loại thuốc khác được sử dụng để điều trị các bệnh trạng tương tự. Các thuốc không cần toa (OTC) được chọn có thể được đài thọ theo bậc này.
- Bậc 2** - Khoản đồng thanh toán trung bình cho các loại thuốc biệt dược thường có giá cả phải chăng hơn hoặc có thể được ưu tiên hơn so với các loại thuốc khác để điều trị cho cùng bệnh trạng.
- Bậc 3** - Khoản đồng thanh toán cao bao gồm các loại thuốc biệt dược và thuốc gốc không ưu tiên có chi phí cao hơn. Bậc này cũng có thể bao gồm các loại thuốc không phải thuốc chuyên khoa không có trong Danh Sách Thuốc Theo Toa nhưng đã được phê duyệt phạm vi bảo hiểm.
- Bậc 4** - Khoản đồng thanh toán cao nhất dành cho các loại thuốc “chuyên khoa” dùng để điều trị các bệnh trạng phức tạp, mạn tính có thể cần xử lý, bảo quản hoặc quản lý lâm sàng đặc biệt. Các thuốc theo toa được đài thọ theo bậc thuốc chuyên khoa có thể yêu cầu mua thuốc tại nhà thuốc tham gia vào các hệ thống “chuyên khoa” hoặc “bệnh máu khó đông” của Ambetter. Để biết thêm thông tin về các nhà thuốc trong các hệ thống “chuyên khoa” hoặc “bệnh máu khó đông” của chúng tôi, vui lòng tham khảo phần thông tin nhà thuốc trên trang web của Ambetter.

### Sự Chấp Thuận Trước đối với Các Loại Thuốc Không Thuộc Danh Mục Thuốc

Để có được sự chấp thuận trước đối với một loại thuốc không thuộc danh mục thuốc, nhà cung cấp của quý vị phải điền vào mẫu đơn Chấp Thuận Trước. Bộ phận Dịch Vụ Nhà Thuốc sẽ phản hồi qua fax hoặc điện thoại trong vòng 24 giờ kể từ khi nhận được tất cả thông tin cần thiết đối với các yêu cầu khẩn cấp và trong vòng 72 giờ đối với các yêu cầu không khẩn cấp, trừ khi luật tiểu bang yêu cầu phản hồi nhanh hơn. Nếu yêu cầu bị từ chối, thông báo từ chối sẽ có phần giải thích rõ ràng về lý do cụ thể dẫn đến việc từ chối yêu cầu chấp thuận trước hoặc nếu yêu cầu không đầy đủ, phần giải thích sẽ chỉ rõ thông tin quan trọng còn thiếu cần thiết để hoàn thành yêu cầu.

#### Các Từ Viết Tắt Trong Danh Mục Thuốc:

Từ viết tắt	Thuật ngữ	Ý nghĩa
AL	Giới Hạn Độ Tuổi	Một số loại thuốc chỉ được đài thọ cho một số độ tuổi nhất định.
QL	Giới Hạn Số Lượng	Một số loại thuốc chỉ được đài thọ cho một lượng nhất định.
PA	Sự Chấp Thuận Trước	Bác sĩ của quý vị phải xin Ambetter phê duyệt trước khi một số loại thuốc được đài thọ.
ST	Liệu Pháp Từng Bước	Trong một số trường hợp, quý vị trước tiên phải dùng thử một số loại thuốc trước khi Ambetter đài thọ cho một loại thuốc khác để điều trị bệnh trạng của quý vị. Ví dụ: nếu cả Thuốc A và Thuốc B đều điều trị cho bệnh trạng của quý vị, Ambetter có thể không đài thọ cho Thuốc B trừ khi quý vị dùng thử Thuốc A trước.
NF	Không Thuộc Danh Mục Thuốc	Sản phẩm này không được đài thọ trừ phi quý vị hoặc nhà cung cấp của quý vị yêu cầu một trường hợp ngoại lệ. Các loại thuốc thay thế được liệt kê bên cạnh sản phẩm không được đài thọ
RX/OTC	Thuốc Theo Toa và OTC	Những loại thuốc này được sản xuất ở cả dạng theo toa và dạng không cần toa (OTC).
SP	Thuốc Chuyên Khoa	Những sản phẩm này là Thuốc Chuyên Khoa có thể có yêu cầu đặc biệt khi mua thuốc.
SF	Chia Nhỏ Lượng Thuốc	Ban đầu, một số loại thuốc nhất định có thể chỉ được cung cấp với các lượng nhỏ đủ dùng trong 15 ngày cho đến khi tình trạng của quý vị ổn định sau khi dùng thuốc. Sau khi quý vị đã dùng thuốc được 90 ngày, hạn chế này có thể không còn được áp dụng nữa.

#### Nhóm Thuốc Opioid:

Các loại thuốc được xác định trong danh mục thuốc bởi yêu cầu **“Các lần mua thuốc đầu tiên được giới hạn ở lượng thuốc đủ dùng trong 7 ngày”** cho phép tối đa hai lần mua thuốc cho lượng thuốc đủ dùng trong 7 ngày trong khoảng thời gian 28 ngày bất kỳ và tối đa tổng lượng thuốc trong 28 ngày không liên tục trong khoảng thời gian 90 ngày bất kỳ. Giới hạn này áp dụng tích lũy cho tất cả các loại thuốc opioid đã mua. Đối với những lần mua thuốc vượt quá các giới hạn này, nhà cung cấp của quý vị có thể gửi yêu cầu Chấp Thuận Trước.

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<b>ADHD/ANTI-NARCOLEPSY/ANTI-OBESITY/ANOREXIANTS - Drugs to Treat ADHD, Sleep and Eating Disorders</b>		
<b>Amphetamines</b>		
<i>amphetamine-dextroamphetamine CP24 5 MG-5 MG-5 MG-5 MG, 6.25 MG-6.25 MG-6.25 MG-6.25 MG, 7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>amphetamine-dextroamphetamine CP24 1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG, 2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>amphetamine-dextroamphetamine CP24 3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG</i>	1B	
<i>amphetamine-dextroamphetamine TABS 1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG, 1.875 MG-1.875 MG-1.875 MG, 2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG, 3.125 MG-3.125 MG-3.125 MG-3.125 MG, 3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG, 5 MG-5 MG-5 MG-5 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>amphetamine-dextroamphetamine TABS 7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>dextroamphetamine sulfate CP24 10 MG, 15 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>dextroamphetamine sulfate CP24 5 MG</i>	1B	
<i>dextroamphetamine sulfate TABS 2.5 MG, 7.5 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>dextroamphetamine sulfate TABS 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>lisdexamfetamine dimesylate CAPS</i>	1B	QL(1 ea daily); ST
<i>lisdexamfetamine dimesylate CHEW</i>	1B	QL(1 ea daily); ST
<i>methamphetamine hcl</i>	1B	QL(5 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
VYVANSE CAPS	3	QL(1 ea daily); ST
<b>Anorexiants Non-Amphetamine</b>		
<i>phendimetrazine tartrate TABS</i>	1B	PA
<i>phentermine hcl CAPS</i>	1B	PA
<b>Anti-Obesity Agents</b>		
CONTRACE	3	QL(4 ea daily); PA
<b>Attention-Deficit/Hyperactivity Disorder (ADHD) Agents</b>		
<i>atomoxetine hcl 60 MG, 80 MG, 100 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>atomoxetine hcl 10 MG, 18 MG, 25 MG, 40 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>clonidine hcl (adhd) TB12</i>	1B	
<i>guanfacine hcl (adhd)</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<b>Dopamine and Norepinephrine Reuptake Inhibitors (DNRIs)</b>		
SUNOSI 75 MG	3	QL(2 ea daily); PA
SUNOSI 150 MG	3	QL(1 ea daily); PA
<b>Stimulants - Misc.</b>		
<i>armodafinil</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 17 yrs old); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>dexmethylphenidate hcl CP24</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>dexmethylphenidate hcl TABS</i>	1B	QL(2 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl CHEW 2.5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>methylphenidate hcl CHEW 10 MG</i>	1B	QL(5 ea daily)
<i>methylphenidate hcl CHEW 5 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>methylphenidate hcl CP24 20 MG, 40 MG</i>	1B	AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl CP24 10 MG, 60 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl CP24</i>	1B	
<i>methylphenidate hcl CP24 30 MG</i>	1B	QL(3 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl CPCR</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl SOLN</i>	1B	QL(30 ml daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TABS 5 MG</i>	1B	QL(6 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TABS 10 MG, 20 MG</i>	1B	QL(5 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TB24 36 MG, 54 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TB24 18 MG, 27 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TBCR 18 MG, 27 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TBCR 36 MG, 54 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TBCR 10 MG, 20 MG</i>	1B	QL(3 ea daily); AL(At least 6 yrs old)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>methylphenidate PTCH</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
<i>modafinil 200 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); PA
<i>modafinil 100 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
<b>ALLERGENIC EXTRACTS/BIOLOGICALS MISC</b>		
Allergenic Extracts		
GRASTEK SUBL	3	PA
<b>AMEBICIDES</b>		
Amebicides		
SOLOSEC	3	PA
<b>AMINOGLYCOSIDES - Drugs to Treat Bacterial Infections</b>		
Aminoglycosides		
<i>amikacin sulfate SOLN 1 GM/4ML, 500 MG/2ML</i>	1B	
ARIKAYCE	4	PA
<i>gentamicin in saline 0.8 MG/ML-0.9 %, 1 MG/ML-0.9 %, 1.2 MG/ML-0.9 %, 1.6 MG/ML-0.9 %</i>	1B	
<i>gentamicin sulfate IJ 40 MG/ML, 80 MG/2ML</i>	1B	
<i>neomycin sulfate TABS</i>	1B	
<i>streptomycin sulfate SOLR</i>	3	
<i>tobramycin sulfate SOLN IJ 10 MG/ML, 40 MG/ML, 80 MG/2ML</i>	1B	
<i>tobramycin NEBU</i>	4	QL(280 ml per 56 day(s) retail; 280 ml per 56 days mail); PA
<b>ANALGESICS - ANTI-INFLAMMATORY - Drugs to Treat Pain, Swelling, Muscle and Joint Conditions</b>		
Antirheumatic - Enzyme Inhibitors		
RINVOQ LQ SOLN	4	QL(12 ml daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
RINVOQ TB24	4	QL(1 ea daily); PA
XELJANZ XR TB24	4	QL(1 ea daily); PA
XELJANZ SOLN	4	QL(20 ml daily); PA
XELJANZ TABS 5 MG	4	QL(2 ea daily); SP; PA
XELJANZ TABS 10 MG	4	QL(2 ea daily); PA
<b>Antirheumatic Antimetabolites</b>		
METHOTREXATE	4	QL(1.714 ea daily); SP; PA
<b>Anti-TNF-alpha - Monoclonal Antibodies</b>		
ADALIMUMAB-ADAZ SOAJ	4	QL(0.086 ml daily); PA
ADALIMUMAB-ADAZ SOSY	4	QL(0.086 ml daily); PA
CYLTEZO STARTER PACKAGE FOR CROHNS DISEASE/UC/HS AJKT	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA
CYLTEZO STARTER PACKAGE FOR CROHNS DISEASE/UC/HS AJKT	4	QL(0.215 ea daily); PA
CYLTEZO STARTER PACKAGE FOR PSORIASIS/UVEITIS AJKT	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA
CYLTEZO STARTER PACKAGE FOR PSORIASIS AJKT	4	QL(0.143 ea daily); PA
CYLTEZO AJKT	4	QL(0.215 ea daily); PA
CYLTEZO AJKT	4	QL(0.072 ea daily); PA
CYLTEZO PSKT 10 MG/0.2ML, 40 MG/0.4ML	4	QL(0.072 ea daily); PA
CYLTEZO PSKT 20 MG/0.4ML, 40 MG/0.8ML	4	QL(0.215 ea daily); PA
HADLIMA PUSHTOUCH SOAJ	4	QL(0.086 ml daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
HADLIMA PUSHTOUCH SOAJ	4	QL(0.172 ml daily); PA
HADLIMA SOSY	4	QL(0.172 ml daily); PA
HADLIMA SOSY	4	QL(0.086 ml daily); PA
HUMIRA PEDIATRIC CROHNS DISEASE STARTER PACK PSKT	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail; PA
HUMIRA PEN AJKT 80 MG/0.8ML	4	QL(0.072 ea daily); PA
HUMIRA PEN AJKT	4	QL(0.143 ea daily); PA
HUMIRA PEN-CD/UC/HS STARTER AJKT	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail; PA
HUMIRA PEN-PEDIATRIC UC STARTER PACK AJKT	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail; PA
HUMIRA PEN-PS/UV STARTER AJKT	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail; PA
HUMIRA PSKT	4	QL(0.143 ea daily); PA
SIMPONI ARIA SOLN	4	PA
<b>Gold Compounds</b>		
RIDAURA	3	QL(3 ea daily)
<b>Interleukin-1 Blockers</b>		
ARCALYST	4	QL(0.286 ea daily); SP; PA
<b>Interleukin-6 Receptor Inhibitors</b>		
KEVZARA SOAJ	4	QL(0.082 ml daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
KEVZARA SOSY	4	QL(0.082 ml daily); PA
<b>Nonsteroidal Anti-inflammatory Agents (NSAIDs)</b>		
<i>celecoxib</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>diclofenac potassium TABS 50 MG</i>	1B	
<i>diclofenac sodium TB24</i>	1B	
<i>diclofenac sodium TBEC</i>	1B	
<i>diclofenac w/ misoprostol TBEC</i>	1B	
<i>etodolac CAPS</i>	1B	
<i>etodolac TABS</i>	1B	
<i>fenoprofen calcium TABS</i>	1B	QL(4 ea daily); ST
<i>flurbiprofen TABS</i>	1B	
<i>ibuprofen SUSP 100 MG/5ML</i>	1B	RX/OTC
<i>ibuprofen TABS 400 MG, 600 MG</i>	1A	
<i>ibuprofen TABS 800 MG</i>	1B	
<i>indomethacin CAPS 25 MG, 50 MG</i>	1B	
<i>indomethacin CPR</i>	1B	
<i>ketoprofen CAPS 50 MG</i>	1B	
<i>ketorolac tromethamine TABS</i>	1B	QL(0.667 ea daily)
<i>meclofenamate sodium CAPS</i>	1B	
<i>mefenamic acid CAPS</i>	1B	Must try ibuprofen. ; QL(5 ea daily); ST
<i>meloxicam TABS</i>	1A	QL(1 ea daily)
<i>nabumetone</i>	1B	
<i>naproxen sodium TABS 550 MG</i>	1B	
<i>naproxen SUSP</i>	1B	PA
<i>naproxen TABS</i>	1B	
<i>naproxen TBEC 500 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>oxaprozin TABS</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>piroxicam CAPS</i>	1B	
<i>sulindac TABS</i>	1B	
<i>tolmetin sodium CAPS</i>	1B	
<i>tolmetin sodium TABS 600 MG</i>	1B	
<b>Phosphodiesterase 4 (PDE4) Inhibitors</b>		
OTEZLA TABS	4	QL(2 ea daily); PA
OTEZLA TBPK	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA
OTEZLA TBPK	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; PA
<b>Pyrimidine Synthesis Inhibitors</b>		
<i>leflunomide</i>	1B	QL(1 ea daily)
<b>Soluble Tumor Necrosis Factor Receptor Agents</b>		
ENBREL MINI SOCT	4	QL(0.146 ml daily); PA
ENBREL SURECLICK SOAJ	4	QL(0.146 ml daily); PA
ENBREL SOLN	4	QL(0.146 ml daily); PA
ENBREL SOSY 50 MG/ML	4	QL(0.286 ml daily); SP; PA
ENBREL SOSY 25 MG/0.5ML	4	QL(0.146 ml daily); PA
<b>ANALGESICS - NonNarcotic - Drugs to Treat Pain, Muscle and Joint Conditions</b>		
<b>Analgesic Combinations</b>		
<i>butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-325 MG</i>	1B	
<i>butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-300 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>butalbital-acetaminophen-caffeine TABS 40 MG-50 MG-325 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>butalbital-acetaminophen TABS 50 MG-325 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)	<i>hydromorphone hcl TB24 32 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
<i>butalbital-aspirin-caffeine CAPS</i>	1B	QL(4 ea daily)	<i>levorphanol tartrate TABS 2 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply
<b>Salicylates</b>			<i>meperidine hcl SOLN OR 50 MG/5ML</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(500 ml per fill retail)
<i>aspirin CHEW</i>	0	AL(At least 45 yrs old - Up to 79 yrs old)	<i>meperidine hcl SOLN IJ 25 MG/ML, 50 MG/ML, 100 MG/ML</i>	1B	
<i>aspirin TABS 325 MG</i>	0	AL(At least 45 yrs old - Up to 79 yrs old)	<i>meperidine hcl TABS 50 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>aspirin TBEC 325 MG</i>	1A		<i>methadone hcl CONC</i>	1B	QL(10 ml daily)
<i>aspirin TBEC 81 MG</i>	0	AL(At least 45 yrs old - Up to 79 yrs old)	<i>methadone hcl SOLN OR 10 MG/5ML</i>	1B	QL(50 ml daily)
<i>diflunisal TABS</i>	1B		<i>methadone hcl SOLN IJ 10 MG/ML</i>	1B	
<i>salsalate</i>	1B		<i>methadone hcl SOLN OR 5 MG/5ML</i>	1B	QL(100 ml daily)
<b>ANALGESICS - OPIOID - Drugs to Treat Pain, Muscle and Joint Conditions</b>			<b>METHADONE HCL SOLN IJ</b>	1B	
<b>Opioid Agonists</b>			<i>methadone hcl TABS 5 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>codeine sulfate TABS 30 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply	<i>methadone hcl TABS 10 MG</i>	1B	QL(10 ea daily)
<b>CODEINE SULFATE TABS</b>	1B	New starts limited to 7 day supply	<i>methadone hcl TBSO</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>fentanyl citrate LPOP</i>	1B	QL(4 ea daily); PA	<i>morphine sulfate CP24 10 MG, 20 MG, 30 MG, 50 MG, 60 MG, 80 MG, 100 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); PA
<i>fentanyl PT72 12 MCG/HR, 25 MCG/HR, 50 MCG/HR, 75 MCG/HR, 100 MCG/HR</i>	1B	QL(0.34 ea daily)	<i>morphine sulfate SOLN OR 20 MG/5ML</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(50 ml daily)
<i>hydromorphone hcl LIQD</i>	1B	New starts limited to 7 day supply	<i>morphine sulfate SOLN OR 10 MG/5ML</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(100 ml daily)
<i>hydromorphone hcl SOLN IJ 10 MG/ML, 50 MG/5ML, 500 MG/50ML</i>	1B		<i>morphine sulfate SOLN IJ 0.5 MG/ML, 1 MG/ML</i>	1B	
<i>hydromorphone hcl TABS</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(8 ea daily)			
<i>hydromorphone hcl TB24 8 MG, 12 MG, 16 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); PA			



Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>morphine sulfate TABS</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 ea daily)	<i>acetaminophen w/ codeine TABS 60 MG-300 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 ea daily)
<i>morphine sulfate TBCR</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>acetaminophen w/ codeine TABS 15 MG-300 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(13 ea daily)
NUCYNTA ER TB12	2	QL(2 ea daily); PA	<i>acetaminophen-caff-dihydrocod CAPS 30 MG-320.5 MG-16 MG</i>	3	New starts limited to 7 day supply; PA
NUCYNTA TABS	2	QL(6 ea daily); PA	<i>acetaminophen-caff-dihydrocod CAPS 30 MG-320.5 MG-16 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply
<i>oxycodone hcl T12A 10 MG, 20 MG, 40 MG, 80 MG</i>	3	QL(2 ea daily); PA	<i>butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-300 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply
<i>oxycodone hcl TABS</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(12 ea daily)	<i>butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-325 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 ea daily)
<i>oxymorphone hcl TABS</i>	1B	QL(12 ea daily); PA	<i>butalbital-aspirin-caffeine w/cod</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 ea daily)
<i>oxymorphone hcl TB12 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); PA	<i>hydrocodone-acetaminophen SOLN 325 MG/15ML-10 MG/15ML</i>	1B	New starts limited to 7 day supply
<i>oxymorphone hcl TB12 40 MG</i>	1B	QL(4 ea daily); PA	<i>hydrocodone-acetaminophen SOLN 108 MG/5ML-2.5 MG/5ML, 217 MG/10ML-5 MG/10ML, 325 MG/15ML-7.5 MG/15ML</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(180 ml daily)
SUBSYS LIQD 200 MCG, 400 MCG, 600 MCG	3	QL(4 ea daily); PA	<i>hydrocodone-acetaminophen TABS 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(12 ea daily)
SUBSYS LIQD 800 MCG, 1200 MCG, 1600 MCG	3	QL(8 ea daily); PA	<i>hydrocodone-acetaminophen TABS 300 MG-10 MG, 300 MG-5 MG, 300 MG-7.5 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(13 ea daily)
SUBSYS LIQD 100 MCG	3	QL(3 ea daily); PA	<i>hydrocodone-ibuprofen 10 MG-200 MG, 5 MG-200 MG</i>	1B	PA
<i>tramadol hcl TABS 50 MG</i>	1A	New starts limited to 7 day supply; QL(8 ea daily)			
<i>tramadol hcl TB24</i>	1B	QL(1 ea daily)			
XTAMPZA ER	2	QL(2 ea daily); PA			
<b>Opioid Combinations</b>					
<i>acetaminophen w/ codeine SOLN</i>	1A	New starts limited to 7 day supply; QL(75 ml daily)			
<i>acetaminophen w/ codeine TABS 30 MG-300 MG</i>	1A	New starts limited to 7 day supply; QL(12 ea daily)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>hydrocodone-ibuprofen</i> 7.5 MG-200 MG	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(5 ea daily)
<i>oxycodone w/ acetaminophen TABS</i> 325 MG-2.5 MG	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(13 ea daily)
<i>oxycodone w/ acetaminophen TABS</i> 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(12 ea daily)
<i>tramadol-acetaminophen</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(8 ea daily)
<b>Opioid Partial Agonists</b>		
BRIXADI SOSY	3	
<i>buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL</i> 3 MG-12 MG	1B	QL(2 ea daily)
<i>buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL</i> 0.5 MG-2 MG, 1 MG-4 MG, 2 MG-8 MG	1B	QL(3 ea daily)
<i>buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate SUBL</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>buprenorphine hcl SOLN</i>	1B	
<i>buprenorphine hcl SUBL</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>buprenorphine PTWK</i>	1B	QL(0.143 ea daily); PA
<i>butorphanol tartrate NA</i> 10 MG/ML	1B	QL(0.34 ml daily); PA
<i>butorphanol tartrate IJ</i> 1 MG/ML, 2 MG/ML	1B	
<i>nalbuphine hcl</i>	1B	QL(8 ml daily)
<i>pentazocine w/ naloxone hcl</i>	1B	New starts limited to 7 day supply
SUBLOCADE SOSY 300 MG/1.5ML	3	QL(0.06 ml daily); 1 max fill(s) per 26 day(s) retail

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
SUBLOCADE SOSY 100 MG/0.5ML	3	QL(0.02 ml daily); 1 max fill(s) per 26 day(s) retail
ZUBSOLV SUBL 0.71 MG-2.9 MG	3	QL(3 ea daily)
ZUBSOLV SUBL 0.18 MG-0.7 MG, 0.36 MG-1.4 MG, 1.4 MG-5.7 MG, 2.1 MG-8.6 MG, 2.9 MG-11.4 MG	3	QL(1 ea daily)
<b>ANDROGENS-ANABOLIC - Drugs to Regulate Hormones</b>		
<b>Anabolic Steroids</b>		
<i>oxandrolone</i>	1B	
<b>Androgens</b>		
ANDRODERM PT24 2 MG/24HR, 4 MG/24HR	2	QL(1 ea daily); PA
<i>danazol CAPS</i>	1B	
<i>methyltestosterone TABS</i>	1B	
<i>testosterone cypionate SOLN IM</i>	1B	
TESTOSTERONE CYPIONATE SOLN IJ 200 MG/ML	1B	
<i>testosterone enanthate SOLN IM</i>	1B	
<b>ANORECTAL AND RELATED PRODUCTS - Rectal Drugs to Treat Pain, Swelling and Itching</b>		
<b>Intrarectal Steroids</b>		
<i>budesonide (intrarectal)</i>	4	QL(3.2 gm daily); PA
<i>hydrocortisone (intrarectal)</i>	1B	
UCERIS ( <i>budesonide (intrarectal)</i> )	4	QL(3.2 gm daily); PA
<b>Rectal Steroids</b>		
<i>hydrocortisone (rectal) EX</i>	1B	RX/OTC
<i>hydrocortisone acetate (rectal)</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<b>Vasodilating Agents</b>		
<i>nitroglycerin (intra-anal)</i>	1B	QL(2 gm daily)
RECTIV ( <i>nitroglycerin (intra-anal)</i> )	3	QL(2 gm daily)
<b>ANTHELMINTICS - Drugs to Treat Worm Infections</b>		
<b>Anthelmintics</b>		
<i>albendazole</i>	1B	PA
EMVERM CHEW	2	QL(2 ea daily; 6 ea per fill retail; 6 per fill mail); 1 max fill(s) per 60 day(s) retail; 1 max fill(s) per 60 day(s) mail
<i>ivermectin</i>	1B	QL(9 ea per fill retail; 9 per fill mail); 1 max fill(s) per 75 day(s) retail; 1 max fill(s) per 75 day(s) mail
<i>praziquantel</i>	1B	PA
<b>ANTIANGINAL AGENTS - Drugs to Treat Chest Pain</b>		
<b>Antianginals-Other</b>		
<i>ranolazine TB12 1000 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>ranolazine TB12 500 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<b>Nitrates</b>		
<i>isosorbide dinitrate TABS 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG</i>	1B	
<i>isosorbide mononitrate TABS</i>	1B	
<i>isosorbide mononitrate TB24</i>	1B	
NITRO-BID OINT	3	
<i>nitroglycerin CPCR</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>nitroglycerin PT24</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
NITROGLYCERIN SOLN IV	1B	
<i>nitroglycerin SUBL</i>	1B	
<b>ANTIANKXIETY AGENTS - Drugs to Treat Anxiety</b>		
<b>Antianxiety Agents - Misc.</b>		
<i>bupirone hcl 5 MG</i>	1A	
<i>bupirone hcl 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 30 MG</i>	1B	
<i>hydroxyzine hcl SOLN 50 MG/ML</i>	1B	
<i>hydroxyzine hcl SYRP</i>	1B	
<i>hydroxyzine hcl TABS</i>	1B	
<i>hydroxyzine pamoate CAPS</i>	1B	
<i>meprobamate</i>	1B	QL(6 ea daily)
<b>Benzodiazepines</b>		
<i>alprazolam TABS 2 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>alprazolam TABS 0.25 MG, 0.5 MG, 1 MG</i>	1A	QL(4 ea daily)
<i>alprazolam TB24</i>	1B	
<i>alprazolam TBDP</i>	1B	
<i>chlordiazepoxide hcl CAPS</i>	1B	
<i>clorazepate dipotassium TABS</i>	1B	
<i>diazepam CONC</i>	1B	
<i>diazepam SOLN OR 5 MG/5ML</i>	1B	
<i>diazepam TABS</i>	1A	QL(4 ea daily)
<i>lorazepam CONC</i>	1B	
<i>lorazepam TABS 1 MG</i>	1A	QL(4 ea daily)
<i>lorazepam TABS 0.5 MG, 2 MG</i>	1A	QL(3 ea daily)
<i>oxazepam CAPS</i>	1B	
<b>ANTIARRHYTHMICS - Drugs to treat abnormal heart rhythms</b>		
<b>Antiarrhythmics Type I-A</b>		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>disopyramide phosphate CAPS</i>	1B	
<i>procainamide hcl SOLN 500 MG/ML</i>	1B	
<i>quinidine sulfate TABS</i>	1B	
Antiarrhythmics Type I-B		
<i>mexiletine hcl</i>	1B	
Antiarrhythmics Type I-C		
<i>flecainide acetate</i>	1B	
<i>propafenone hcl CP12</i>	1B	
<i>propafenone hcl TABS</i>	1B	
Antiarrhythmics Type III		
<i>amiodarone hcl SOLN 50 MG/ML</i>	1B	
<i>amiodarone hcl TABS</i>	1B	
<i>dofetilide</i>	1B	
<b>ANTIASTHMATIC AND BRONCHODILATOR AGENTS - Drugs to Treat Lung Conditions</b>		
Antiasthmatic - Monoclonal Antibodies		
FASENRA PEN SOAJ	4	QL(0.036 ml daily); PA
FASENRA SOSY 30 MG/ML	4	QL(0.036 ml daily); PA
NUCALA SOAJ	4	QL(0.1073 ml daily); PA
NUCALA SOLR	4	QL(0.1073 ea daily); PA
NUCALA SOSY 40 MG/0.4ML	4	QL(0.0144 ml daily); PA
NUCALA SOSY 100 MG/ML	4	QL(0.1073 ml daily); PA
XOLAIR SOAJ 75 MG/0.5ML	4	QL(0.036 ml daily); PA
XOLAIR SOAJ 150 MG/ML, 300 MG/2ML	4	QL(0.286 ml daily); PA
XOLAIR SOLR	4	QL(0.286 ea daily); PA
XOLAIR SOSY 75 MG/0.5ML	4	QL(0.036 ml daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
XOLAIR SOSY 150 MG/ML, 300 MG/2ML	4	QL(0.286 ml daily); PA
Anti-Inflammatory Agents		
<i>cromolyn sodium NEBU</i>	1B	QL(8 ml daily)
Bronchodilators - Anticholinergics		
ATROVENT HFA	3	QL(0.44 gm daily)
INCRUSE ELLIPTA	2	QL(1 ea daily)
<i>ipratropium bromide SOLN 0.02 %</i>	1B	QL(15 ml daily)
SPIRIVA HANDIHALER CAPS ( <i>tiotropium bromide monohydrate</i> )	2	QL(1 ea daily)
SPIRIVA RESPIMAT AERS	2	QL(0.14 gm daily)
<i>tiotropium bromide monohydrate CAPS</i>	1B	QL(1 ea daily)
Leukotriene Modulators		
<i>montelukast sodium CHEW</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>montelukast sodium PACK</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>montelukast sodium TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>zafirlukast</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>zileuton TB12</i>	1B	QL(4 ea daily)
Selective Phosphodiesterase 4 (PDE4) Inhibitors		
<i>roflumilast</i>	3	QL(1 ea daily)
Steroid Inhalants		
ALVESCO	3	3 package(s) per 30 day(s) retail; 9 package(s) per 90 day(s) mail; PA
ARNUIITY ELLIPTA	2	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>budesonide (inhalation) SUSP</i>	1B	QL(4 ml daily); PA
<i>fluticasone propionate (inhalation) AEPB</i>	1B	
<i>fluticasone propionate hfa</i>	1B	QL(0.8 gm daily)
PULMICORT FLEXHALER AEPB	2	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail
QVAR REDHALER	2	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail
<b>Sympathomimetics</b>		
<i>albuterol sulfate AERS</i>	1B	
<i>albuterol sulfate NEBU 0.083 %, 0.63 MG/3ML, 1.25 MG/3ML</i>	1B	QL(15 ml daily)
<i>albuterol sulfate NEBU 0.5 %, 2.5 MG/0.5ML</i>	1B	
<i>albuterol sulfate SYRP</i>	1B	
<i>albuterol sulfate TABS</i>	1B	
ANORO ELLIPTA	2	QL(2 ea daily)
<i>arformoterol tartrate</i>	1B	QL(4 ml daily)
BREO ELLIPTA ( <i>fluticasone furoate-vilanterol</i> )	2	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail
BREO ELLIPTA	2	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail
BREZTRI AEROSPHERE	2	QL(0.38 gm daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>budesonide-formoterol fumarate dihydrate</i>	1B	1 package(s) per 30 day(s) retail; 1 max fill(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail; 1 max fill(s) per 30 day(s) mail
DULERA	2	
<i>fluticasone furoate-vilanterol</i>	1B	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail
<i>fluticasone-salmeterol AEPB 100 MCG/ACT-50 MCG/ACT, 250 MCG/ACT-50 MCG/ACT, 500 MCG/ACT-50 MCG/ACT</i>	1B	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail
<i>fluticasone-salmeterol AERO</i>	1B	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail
<i>formoterol fumarate NEBU</i>	1B	QL(4 ml daily)
<i>ipratropium-albuterol SOLN</i>	1B	QL(18 ml daily)
<i>levalbuterol hcl</i>	1B	QL(12 ml daily)
<i>levalbuterol hcl 1.25 MG/0.5ML</i>	1B	
<i>levalbuterol tartrate</i>	1B	QL(0.5 gm daily)
SEREVENT DISKUS	2	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail
STIOLTO RESPIMAT	2	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail
STRIVERDI RESPIMAT	2	
<i>terbutaline sulfate SOLN</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>terbutaline sulfate</i> TABS	1B		<i>enoxaparin sodium</i> SOSY 40 MG/0.4ML	4	QL(0.8 ml daily; 30 Day(s) limit); SP
TRELEGY ELLIPTA	2	QL(2 ea daily)	<i>fondaparinux sodium</i> 2.5 MG/0.5ML, 5 MG/0.4ML, 7.5 MG/0.6ML	4	SP
<b>Xanthines</b>			<i>fondaparinux sodium</i> 10 MG/0.8ML	4	QL(7.2 ml per 180 day(s) retail; 7 ml per 180 days mail); SP
<i>aminophylline</i> SOLN	1B		FRAGMIN SOSY	4	SP; PA
<i>theophylline</i> ELIX	1B		<i>heparin sodium (porcine)</i> SOLN IJ 5000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML	1B	
<i>theophylline</i> SOLN	1B	QL(56 ml daily)	HEPARIN SODIUM/NACL 0.45% SOLN IV 0.45 %-12500 UNIT/250ML	1B	
<i>theophylline</i> TB12	1B		<b>Thrombin Inhibitors</b>		
<i>theophylline</i> TB24	1B		<i>dabigatran etexilate mesylate</i> CAPS	1B	
<b>ANTICOAGULANTS - Blood Thinners</b>			<b>ANTICONVULSANTS - Drugs to Treat Seizures</b>		
<b>Coumarin Anticoagulants</b>			<b>AMPA Glutamate Receptor Antagonists</b>		
<i>warfarin sodium</i> TABS	1B		FYCOMPA TABS 4 MG	3	QL(3 ea daily); PA
<b>Direct Factor Xa Inhibitors</b>			FYCOMPA TABS 6 MG	3	QL(2 ea daily); PA
ELIQUIS STARTER PACK TBPK	2	QL(2.47 ea daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FYCOMPA TABS 2 MG	3	QL(6 ea daily); PA
ELIQUIS TABS	2	QL(2 ea daily)	FYCOMPA TABS 8 MG, 10 MG, 12 MG	3	QL(1 ea daily); PA
XARELTO STARTER PACK TBPK	2	1 max fill(s) per 365 day(s) retail	<b>Anticonvulsants - Benzodiazepines</b>		
XARELTO SUSR	2	QL(900 ml per 30 day(s) retail; 900 ml per 30 days mail)	<i>clobazam</i> SUSP	1B	QL(16 ml daily); PA
XARELTO TABS 10 MG, 20 MG	2	QL(1 ea daily)	<i>clobazam</i> TABS	1B	QL(2 ea daily); PA
XARELTO TABS 2.5 MG, 15 MG	2	QL(2 ea daily)	<i>clonazepam</i> TABS	1A	
<b>Heparins And Heparinoid-Like Agents</b>			<i>diazepam (anticonvulsant)</i> GEL	3	5 package(s) per 30 day(s) retail; 5 package(s) per 30 day(s) mail
<i>enoxaparin sodium</i> SOLN IJ 300 MG/3ML	4	QL(6 ml daily)			
<i>enoxaparin sodium</i> SOSY 30 MG/0.3ML	4	QL(0.6 ml daily); SP			
<i>enoxaparin sodium</i> SOSY 100 MG/ML, 150 MG/ML	4	QL(2 ml daily)			
<i>enoxaparin sodium</i> SOSY 60 MG/0.6ML	4	QL(1.2 ml daily; 30 Day(s) limit); SP			
<i>enoxaparin sodium</i> SOSY 80 MG/0.8ML, 120 MG/0.8ML	4	QL(1.6 ml daily)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
NAYZILAM	3	QL(10 ea per 30 day(s) retail); PA	DIACOMIT PACK 250 MG	4	QL(12 ea daily); PA
VALTOCO 10 MG DOSE LIQD	4	QL(10 ea per 30 day(s) retail); PA	DIACOMIT PACK 500 MG	4	QL(6 ea daily); PA
VALTOCO 15 MG DOSE LQPK	4	QL(10 ea per 30 day(s) retail); PA	EPIDIOLEX	3	PA
VALTOCO 20 MG DOSE LQPK	4	QL(10 ea per 30 day(s) retail); PA	<i>gabapentin CAPS</i>	1B	
VALTOCO 5 MG DOSE LIQD	4	QL(10 ea per 30 day(s) retail); PA	<i>gabapentin SOLN</i>	1B	QL(60 ml daily)
Anticonvulsants - Misc.			<i>gabapentin TABS 600 MG, 800 MG</i>	1B	
APTIOM	3	QL(2 ea daily); ST	<i>lacosamide SOLN IV 200 MG/20ML</i>	1B	QL(40 ml daily)
BANZEL TABS 200 MG ( <i>rufinamide</i> )	2	QL(2 ea daily); PA	<i>lacosamide TABS</i>	1B	QL(2 ea daily)
BANZEL TABS 400 MG ( <i>rufinamide</i> )	2	QL(8 ea daily); PA	<i>lamotrigine CHEW 25 MG</i>	1B	QL(20 ea daily)
BRIVIACT SOLN OR 10 MG/ML	3	QL(20 ml daily); PA	<i>lamotrigine CHEW 5 MG</i>	1B	QL(100 ea daily)
BRIVIACT TABS	3	QL(2 ea daily); PA	<i>lamotrigine TABS</i>	1B	
<i>carbamazepine CHEW 100 MG</i>	1B		<i>lamotrigine TBDP</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>carbamazepine CP12 100 MG</i>	1B		<i>levetiracetam SOLN IV 500 MG/5ML</i>	1B	QL(30 ml daily)
<i>carbamazepine CP12 300 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)	<i>levetiracetam TABS 500 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>carbamazepine CP12 200 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)	<i>levetiracetam TABS 1000 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>carbamazepine SUSP</i>	1B		<i>levetiracetam TABS 250 MG, 750 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>carbamazepine TABS</i>	1B		<i>levetiracetam TB24</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>carbamazepine TB12 100 MG, 400 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)	<i>oxcarbazepine SUSP</i>	1B	QL(40 ml daily)
<i>carbamazepine TB12 200 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)	<i>oxcarbazepine TABS 150 MG, 300 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
DIACOMIT CAPS 500 MG	4	QL(6 ea daily); PA	<i>oxcarbazepine TABS 600 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
DIACOMIT CAPS 250 MG	4	QL(12 ea daily); PA	<i>pregabalin CAPS 25 MG, 50 MG, 75 MG, 100 MG, 150 MG, 200 MG</i>	3	QL(3 ea daily); PA
			<i>pregabalin CAPS 225 MG, 300 MG</i>	3	QL(2 ea daily); PA
			<i>pregabalin SOLN</i>	3	QL(30 ml daily); PA
			<i>primidone 50 MG, 250 MG</i>	1B	
			<i>rufinamide SUSP</i>	1B	QL(80 ml daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>rufinamide TABS 200 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); PA	<i>phenytoin SUSP</i>	1B	
<i>rufinamide TABS 400 MG</i>	1B	QL(8 ea daily); PA	Succinimides		
TEGRETOL SUSP ( <i>carbamazepine</i> )	2		CELONTIN ( <i>methsuximide</i> )	3	QL(4 ea daily)
TEGRETOL TABS ( <i>carbamazepine</i> )	2		<i>ethosuximide CAPS</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>topiramate CPSP 15 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)	<i>ethosuximide SOLN</i>	1B	QL(30 ml daily)
<i>topiramate CPSP 25 MG</i>	1B	QL(8 ea daily)	<i>methsuximide</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>topiramate CS24</i>	3	PA	ZARONTIN CAPS ( <i>ethosuximide</i> )	2	QL(6 ea daily)
<i>topiramate TABS 200 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	Valproic Acid		
<i>topiramate TABS 25 MG, 100 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)	<i>divalproex sodium TB24</i>	1B	
<i>topiramate TABS 50 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)	<i>divalproex sodium TBEC</i>	1B	
<i>zonisamide CAPS</i>	1B	QL(6 ea daily)	<i>valproate sodium SOLN OR 250 MG/5ML, 500 MG/10ML</i>	1B	
Carbamates			<i>valproic acid CAPS</i>	1B	
<i>felbamate SUSP</i>	1B	QL(30 ml daily)	<b>ANTIDEPRESSANTS - Drugs to Treat Depression</b>		
<i>felbamate TABS 400 MG</i>	1B	QL(9 ea daily)	Alpha-2 Receptor Antagonists (Tetracyclics)		
<i>felbamate TABS 600 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)	<i>mirtazapine TABS 7.5 MG, 45 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
GABA Modulators			<i>mirtazapine TABS 15 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>tiagabine hcl</i>	1B		<i>mirtazapine TABS 30 MG</i>	1B	QL(1.5 ea daily)
<i>vigabatrin PACK</i>	4	QL(6 ea daily); SP; PA	<i>mirtazapine TBDP 45 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>vigabatrin TABS</i>	4	QL(6 ea daily); SP; PA	<i>mirtazapine TBDP 15 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
Hydantoins			<i>mirtazapine TBDP 30 MG</i>	1B	QL(1.5 ea daily)
DILANTIN ( <i>phenytoin sodium extended</i> )	2		Antidepressants - Misc.		
DILANTIN	2		<i>bupropion hcl TABS</i>	1B	QL(3 ea daily)
DILANTIN INFATABS CHEW ( <i>phenytoin</i> )	2		<i>bupropion hcl TB12 200 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
DILANTIN-125 SUSP ( <i>phenytoin</i> )	2		<i>bupropion hcl TB12 150 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>fosphenytoin sodium</i>	1B		<i>bupropion hcl TB12 100 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>phenytoin sodium extended 100 MG, 200 MG, 300 MG</i>	1B		<i>bupropion hcl TB24 300 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>phenytoin sodium SOLN</i>	1B		<i>bupropion hcl TB24 150 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>phenytoin CHEW</i>	1B				



Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<b>Monoamine Oxidase Inhibitors (MAOIs)</b>		
EMSAM	3	QL(1 ea daily)
MARPLAN	2	QL(6 ea daily)
<i>phenelzine sulfate</i>	1B	
<i>tranylcypromine sulfate</i>	1B	
<b>N-Methyl-D-aspartic acid (NMDA) Receptor Antagonists</b>		
SPRAVATO 56MG DOSE	4	PA
SPRAVATO 84MG DOSE	4	PA
<b>Selective Serotonin Reuptake Inhibitors (SSRIs)</b>		
<i>citalopram hydrobromide SOLN</i>	1B	QL(20 ml daily)
<i>citalopram hydrobromide TABS 40 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>citalopram hydrobromide TABS 10 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>citalopram hydrobromide TABS 20 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>escitalopram oxalate SOLN</i>	1B	QL(20 ml daily)
<i>escitalopram oxalate TABS 20 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>escitalopram oxalate TABS 10 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>escitalopram oxalate TABS 5 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>fluoxetine hcl CAPS 40 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>fluoxetine hcl CAPS 10 MG</i>	1A	QL(1 ea daily)
<i>fluoxetine hcl CAPS 20 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>fluoxetine hcl CPDR</i>	1B	
<i>fluoxetine hcl SOLN</i>	1B	QL(20 ml daily)
<i>fluoxetine hcl TABS 10 MG, 60 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>fluoxetine hcl TABS 20 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>fluvoxamine maleate TABS 25 MG, 50 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>fluvoxamine maleate TABS 100 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>paroxetine hcl SUSP</i>	1B	QL(30 ml daily)
<i>paroxetine hcl TABS 30 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>paroxetine hcl TABS 40 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>paroxetine hcl TABS 20 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>paroxetine hcl TABS 10 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>paroxetine hcl TB24 12.5 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>paroxetine hcl TB24 25 MG, 37.5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>sertraline hcl CONC</i>	1B	QL(10 ml daily)
<i>sertraline hcl TABS 100 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>sertraline hcl TABS 25 MG, 50 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<b>Serotonin Modulators</b>		
<i>nefazodone hcl</i>	1B	
<i>trazodone hcl TABS</i>	1B	
TRINTELLIX	3	QL(1 ea daily); PA
VIIBRYD STARTER PACK KIT	3	1 package(s) per 180 day(s) retail
<i>vilazodone hcl TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)
<b>Serotonin-Norepinephrine Reuptake Inhibitors (SNRIs)</b>		
<i>desvenlafaxine succinate 25 MG, 50 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>desvenlafaxine succinate 100 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>duloxetine hcl CPEP 40 MG</i>	1B	
<i>duloxetine hcl CPEP 20 MG, 30 MG, 60 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
FETZIMA TITRATION PACK C4PK	3	PA	<i>alogliptin-pioglitazone 30 MG-12.5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); PA
FETZIMA CP24	3	QL(1 ea daily); PA	<i>dapagliflozin propanediol-metformin hcl 1000 MG-5 MG</i>	2	QL(2 ea daily)
<i>venlafaxine hcl CP24 75 MG</i>	1B	QL(5 ea daily)	<i>dapagliflozin propanediol-metformin hcl 1000 MG-10 MG</i>	2	QL(1 ea daily)
<i>venlafaxine hcl CP24 37.5 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)	<i>glipizide-metformin hcl 500 MG-5 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>venlafaxine hcl CP24 150 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>glipizide-metformin hcl 250 MG-2.5 MG, 500 MG-2.5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>venlafaxine hcl TABS</i>	1B	QL(3 ea daily)	<i>glyburide-metformin 500 MG-2.5 MG, 500 MG-5 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>venlafaxine hcl TB24 150 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>glyburide-metformin 250 MG-1.25 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>venlafaxine hcl TB24 37.5 MG, 75 MG, 225 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	GLYXAMBI	2	QL(1 ea daily)
Tricyclic Agents			JANUMET XR TB24 1000 MG-100 MG	2	QL(1 ea daily)
<i>amitriptyline hcl TABS</i>	1B		JANUMET XR TB24 1000 MG-50 MG, 500 MG-50 MG	2	QL(2 ea daily)
<i>amoxapine</i>	1B		JANUMET TABS	2	QL(2 ea daily)
<i>clomipramine hcl</i>	1B		<i>pioglitazone hcl-glimepiride</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>desipramine hcl TABS</i>	1B		<i>pioglitazone hcl-metformin hcl TABS</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>doxepin hcl CAPS</i>	1B		<i>saxagliptin-metformin hcl 1000 MG-2.5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>doxepin hcl CONC</i>	1B		<i>saxagliptin-metformin hcl 1000 MG-5 MG, 500 MG-5 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>imipramine hcl TABS</i>	1B		SOLQUA 100/33	2	QL(0.5 ml daily); PA
<i>imipramine pamoate</i>	1B		SYNJARDY XR TB24 1000 MG-10 MG, 1000 MG-12.5 MG, 1000 MG-5 MG	2	QL(2 ea daily)
<i>nortriptyline hcl CAPS</i>	1B		SYNJARDY XR TB24 1000 MG-25 MG	2	QL(1 ea daily)
<i>nortriptyline hcl SOLN</i>	1B		SYNJARDY TABS	2	QL(2 ea daily)
<i>protriptyline hcl</i>	1B				
<i>trimipramine maleate CAPS</i>	1B				
<b>ANTIDIABETICS - Drugs to Regulate Blood Sugar</b>					
Alpha-Glucosidase Inhibitors					
<i>acarbose</i>	1B	QL(3 ea daily)			
<i>miglitol</i>	1B	QL(3 ea daily)			
Antidiabetic Combinations					
<i>alogliptin-metformin hcl</i>	1B	QL(2 ea daily); PA			
<i>alogliptin-pioglitazone 15 MG-25 MG, 30 MG-25 MG, 45 MG-25 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); PA			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
TRIJARDY XR 1000 MG-5 MG-10 MG, 1000 MG-5 MG-25 MG	2	QL(1 ea daily)	OZEMPIC SOPN 2 MG/1.5ML	2	QL(0.054 ml daily); PA
TRIJARDY XR 1000 MG-2.5 MG-12.5 MG, 1000 MG-2.5 MG-5 MG	2	QL(2 ea daily)	OZEMPIC SOPN	2	QL(0.108 ml daily); PA
XIGDUO XR (dapagliflozin propanediol-metformin hcl)	2	QL(2 ea daily)	RYBELSUS TABS	2	QL(1 ea daily); PA
XIGDUO XR (dapagliflozin propanediol-metformin hcl)	2	QL(1 ea daily)	TRULICITY	2	QL(0.143 ml daily); PA
XIGDUO XR 1000 MG-2.5 MG, 1000 MG-5 MG	2	QL(2 ea daily)	VICTOZA (liraglutide)	2	QL(0.3 ml daily); PA
XIGDUO XR 1000 MG-10 MG, 500 MG-10 MG, 500 MG-5 MG	2	QL(1 ea daily)	<b>Insulin</b>		
XULTOPHY 100/3.6	2	QL(0.5 ml daily); PA	APIDRA SOLOSTAR SOPN	3	PA
<b>Biguanides</b>			APIDRA SOLN	3	PA
<i>metformin hcl TABS 1000 MG</i>	1B	QL(2.5 ea daily)	BASAGLAR KWIKPEN SOPN	2	
<i>metformin hcl TABS 500 MG</i>	1B	QL(5 ea daily)	HUMULIN R U-500 (CONCENTRATED) SOLN SC	2	QL(1.34 ml daily)
<i>metformin hcl TABS 850 MG</i>	0	QL(3 ea daily)	HUMULIN R U-500 KWIKPEN SOPN SC	2	QL(1.34 ml daily)
<i>metformin hcl TB24 750 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)	INSULIN ASPART FLEXPEN SOPN	1B	
<i>metformin hcl TB24 500 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)	INSULIN ASPART PENFILL SOCT	1B	
<b>Diabetic Other</b>			INSULIN ASPART PROTAMINE/INSULIN ASPART FLEXPEN SUPN	1B	
<i>diazoxide</i>	3		INSULIN ASPART PROTAMINE/INSULIN ASPART SUSP	1B	
<i>glucagon (rdna)</i>	1B	QL(0.035 ea daily)	INSULIN ASPART SOLN IJ	1B	
<b>Dipeptidyl Peptidase-4 (DPP-4) Inhibitors</b>			INSULIN DEGLUDEC FLEXTOUCH SOPN	2	
<i>alogliptin benzoate 12.5 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	INSULIN DEGLUDEC SOLN	2	
<i>alogliptin benzoate 25 MG</i>	1B		LEVEMIR FLEXPEN SOPN	3	PA
JANUVIA	2	QL(1 ea daily)	LEVEMIR FLEXTOUCH SOPN	3	PA
<i>saxagliptin hcl</i>	1B	QL(1 ea daily)	LEVEMIR SOLN	3	PA
<b>Incretin Mimetic Agents</b>					

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
NOVOLIN 70/30 FLEXPEN SUPN	2	
NOVOLIN 70/30 SUSP	2	
NOVOLIN N FLEXPEN SUPN	2	
NOVOLIN N SUSP	2	
NOVOLIN R FLEXPEN SOPN IJ	2	
NOVOLIN R SOLN IJ	2	
Insulin Sensitizing Agents		
<i>pioglitazone hcl</i>	1B	QL(1 ea daily)
Meglitinide Analogues		
<i>nateglinide</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>repaglinide 2 MG</i>	1B	QL(8 ea daily)
<i>repaglinide 0.5 MG, 1 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
Sodium-Glucose Co-Transporter 2 (SGLT2) Inhibitors		
<i>dapagliflozin propanediol</i>	2	QL(1 ea daily)
FARXIGA ( <i>dapagliflozin propanediol</i> )	2	QL(1 ea daily)
FARXIGA	2	QL(1 ea daily)
JARDIANCE	2	QL(1 ea daily)
Sulfonylureas		
<i>glimepiride 4 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>glimepiride 1 MG, 2 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>glipizide TABS 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>glipizide TB24</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>glyburide micronized 1.5 MG, 3 MG, 6 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>glyburide TABS</i>	1B	QL(4 ea daily)
<b>ANTIDIARRHEAL/PROBIOTIC AGENTS - Drugs to Treat Diarrhea</b>		
Antiperistaltic Agents		
<i>diphenoxylate w/ atropine LIQD</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>diphenoxylate w/ atropine TABS</i>	1B	
<i>loperamide hcl CAPS</i>	1B	RX/OTC
MOTOFEN	3	
<b>ANTIDOTES AND SPECIFIC ANTAGONISTS</b>		
Antidotes - Chelating Agents		
CHEMET	3	
<i>deferasirox PACK</i>	4	PA
<i>deferasirox TABS</i>	4	SP; PA
<i>deferasirox TBSO</i>	4	SP; PA
<i>deferiprone TABS 500 MG</i>	1B	
Antidotes and Specific Antagonists		
VISTOGARD	4	PA
Opioid Antagonists		
KLOXXADO LIQD	3	
<i>naloxone hcl LIQD</i>	1B	QL(2 ea per fill retail); 2 max fill(s) per 30 day(s) retail; RX/OTC
<i>naloxone hcl SOLN 0.4 MG/ML, 4 MG/10ML</i>	1B	
<i>naltrexone hcl</i>	1B	
OPVEE NA	3	
VIVITROL	3	1 max fill(s) per 30 day(s) retail
ZIMHI SOSY	3	
<b>ANTIEMETICS - Drugs to Treat Nausea and Vomiting</b>		
5-HT3 Receptor Antagonists		
ANZEMET TABS 50 MG	3	QL(0.167 ea daily); PA
<i>granisetron hcl SOLN IV 1 MG/ML</i>	1B	
<i>granisetron hcl TABS</i>	1B	QL(0.34 ea daily)
<i>ondansetron hcl SOLN IJ 4 MG/2ML</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>ondansetron hcl SOLN OR 4 MG/5ML</i>	1B	QL(3.34 ml daily)
<i>ondansetron hcl SOSY</i>	1B	
<i>ondansetron hcl TABS 4 MG</i>	1B	QL(4 ea daily; 60 ea per fill retail; 60 per fill mail)
<i>ondansetron hcl TABS 8 MG</i>	1B	QL(3 ea daily; 45 ea per fill retail; 45 per fill mail)
<i>ondansetron hcl TABS 24 MG</i>	1B	QL(0.143 ea daily)
<i>ondansetron TBDP 4 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>ondansetron TBDP 8 MG</i>	1B	
<i>palonosetron hcl SOLN</i>	1B	
<b>Antiemetics - Anticholinergic</b>		
<i>meclizine hcl TABS 12.5 MG</i>	1A	RX/OTC
<i>meclizine hcl TABS 25 MG</i>	1B	RX/OTC
<i>scopolamine</i>	1B	QL(0.34 ea daily)
<i>trimethobenzamide hcl CAPS</i>	1B	
<b>Antiemetics - Miscellaneous</b>		
AKYNZEO	3	PA
<i>doxylamine-pyridoxine TBEC</i>	1B	QL(4 ea daily); 3 max fill(s) per 365 day(s) retail; 3 max fill(s) per 365 day(s) mail; PA
<i>dronabinol CAPS</i>	1B	
<b>Substance P/Neurokinin 1 (NK1) Receptor Antagonists</b>		
<i>aprepitant CAPS 40 MG, 125 MG</i>	1B	QL(0.067 ea daily)
<i>aprepitant CAPS 80 MG</i>	1B	QL(0.134 ea daily)
<i>aprepitant CAPS</i>	1B	PA
<i>aprepitant MISC</i>	1B	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
VARUBI TBPB	3	PA
<b>ANTIFUNGALS - Drugs to Treat Fungal Infections</b>		
<b>Antifungal - Glucan Synthesis Inhibitors</b>		
<i>caspofungin acetate</i>	1B	
ERAXIS	3	
<i>micafungin sodium</i>	1B	PA
<b>Antifungals</b>		
ABELCET	3	
<i>amphotericin b IV</i>	3	
<i>amphotericin b liposome</i>	3	
<i>flucytosine</i>	1B	
<i>griseofulvin microsize SUSP</i>	1B	AL(At least 2 yrs old)
<i>griseofulvin microsize TABS</i>	1B	
<i>griseofulvin ultramicrosize</i>	1B	
<i>nystatin TABS</i>	1B	
<i>terbinafine hcl TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)
<b>Imidazole-Related Antifungals</b>		
CRESEMBA CAPS 186 MG	3	PA
<i>fluconazole SUSP</i>	1B	
<i>fluconazole TABS</i>	1B	
<i>itraconazole CAPS</i>	1B	QL(4 ea daily); PA
<i>itraconazole SOLN</i>	1B	QL(20 ml daily); PA
<i>ketoconazole</i>	1B	
NOXAFIL SUSP ( <i>posaconazole</i> )	3	QL(20 ml daily)
<i>posaconazole SUSP</i>	1B	QL(20 ml daily)
TOLSURA CAPS	4	PA
<i>voriconazole TABS</i>	1B	QL(4 ea daily)
<b>ANTI-HISTAMINES - Drugs to Treat Allergies</b>		
<b>Antihistamines - Alkylamines</b>		
<i>dexchlorpheniramine maleate SOLN</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Antihistamines - Ethanolamines			Antihistamines - Piperidines		
<i>carbinoxamine maleate SOLN</i>	1B		<i>cyproheptadine hcl SYRP</i>	1B	
<i>carbinoxamine maleate TABS 4 MG</i>	1B		<i>cyproheptadine hcl TABS</i>	1B	
Antihistamines - Non-Sedating			<b>ANTIHYPERSLIPIDEMICS - Drugs to Treat High Cholesterol</b>		
<i>clemastine fumarate SYRP</i>	1B		Antihyperlipidemics - Combinations		
<i>clemastine fumarate TABS 2.68 MG</i>	1B		<i>ezetimibe-simvastatin</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>diphenhydramine hcl CAPS 50 MG</i>	1A		Antihyperlipidemics - Misc.		
<i>diphenhydramine hcl ELIX 12.5 MG/5ML</i>	1B		<i>icosapent ethyl 1 GM</i>	1B	QL(4 ea daily); PA
<i>diphenhydramine hcl LIQD 12.5 MG/5ML</i>	1B		<i>omega-3-acid ethyl esters</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>diphenhydramine hcl SOLN 50 MG/ML</i>	1B		Bile Acid Sequestrants		
Antihistamines - Phenothiazines			<i>cholestyramine light PACK</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>promethazine hcl SOLN OR 6.25 MG/5ML</i>	1B		<i>cholestyramine light POWD</i>	1B	QL(24 gm daily)
<i>promethazine hcl SUPP 50 MG</i>	1B		<i>cholestyramine PACK</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>promethazine hcl SUPP 12.5 MG, 25 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)	<i>cholestyramine POWD</i>	1B	QL(25.2 gm daily)
<i>promethazine hcl TABS</i>	1B		<i>colesevelam hcl PACK</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
Antihistamines - Ethanolamines			<i>colesevelam hcl TABS</i>	1B	QL(7 ea daily)
<i>carbinoxamine maleate SOLN</i>	1B		<i>colestipol hcl GRAN</i>	1B	QL(6 gm daily)
<i>carbinoxamine maleate TABS 4 MG</i>	1B		<i>colestipol hcl PACK</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>clemastine fumarate SYRP</i>	1B		<i>colestipol hcl TABS</i>	1B	QL(16 ea daily)
<i>clemastine fumarate TABS 2.68 MG</i>	1B		Fibric Acid Derivatives		
<i>diphenhydramine hcl CAPS 50 MG</i>	1A		<i>choline fenofibrate</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>diphenhydramine hcl ELIX 12.5 MG/5ML</i>	1B		<i>fenofibrate micronized 43 MG, 67 MG, 130 MG, 134 MG, 200 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>diphenhydramine hcl LIQD 12.5 MG/5ML</i>	1B		<i>fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145 MG, 160 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>diphenhydramine hcl SOLN 50 MG/ML</i>	1B		<i>gemfibrozil TABS</i>	1B	QL(2 ea daily)
Antihistamines - Non-Sedating			HMG CoA Reductase Inhibitors		
<i>cetirizine hcl TABS</i>	1A	QL(1 ea daily)	<i>atorvastatin calcium TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>desloratadine TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>fluvastatin sodium CAPS 40 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>desloratadine TBDP 2.5 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)			
<i>levocetirizine dihydrochloride SOLN</i>	1B	QL(10 ml daily); RX/OTC			
<i>levocetirizine dihydrochloride TABS</i>	1B	QL(1 ea daily); RX/OTC			
<i>loratadine CAPS</i>	1B				
<i>loratadine CHEW</i>	1B				
<i>loratadine SOLN</i>	1B				
<i>loratadine TABS</i>	1A				
<i>loratadine TBDP</i>	1B				

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>fluvastatin sodium CAPS 20 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>lovastatin TABS 10 MG, 20 MG</i>	1B	\$0 copay for generic only, age 40 to 76; QL(1 ea daily); PV
<i>lovastatin TABS 40 MG</i>	1B	\$0 copay for generic only, age 40 to 76; QL(2 ea daily); PV
<i>pravastatin sodium</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>rosuvastatin calcium TABS</i>	3	QL(1 ea daily)
<i>simvastatin TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)
<b>Intestinal Cholesterol Absorption Inhibitors</b>		
<i>ezetimibe</i>	1B	QL(1 ea daily)
<b>Nicotinic Acid Derivatives</b>		
<i>niacin (antihyperlipidemic) TBCR</i>	1B	QL(2 ea daily)
<b>Proprotein Convertase Subtilisin/Kexin Type 9 Inhibitors</b>		
REPATHA PUSHTRONEX SYSTEM SOCT	4	QL(0.25 ml daily); PA
REPATHA SURECLICK SOAJ	4	QL(0.0714 ml daily); PA
REPATHA SOSY	4	QL(0.0714 ml daily); PA
<b>ANTIHYPERTENSIVES - Drugs to Treat High Blood Pressure</b>		
<b>ACE Inhibitors</b>		
<i>benazepril hcl</i>	1B	
<i>captopril 25 MG, 50 MG, 100 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>captopril 12.5 MG</i>	1B	
<i>enalapril maleate TABS</i>	1B	
<i>fosinopril sodium</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>lisinopril TABS 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG</i>	1B	
<i>moexipril hcl</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>perindopril erbumine 2 MG, 8 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>perindopril erbumine 4 MG</i>	1B	
<i>quinapril hcl 20 MG, 40 MG</i>	1B	
<i>quinapril hcl 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>ramipril CAPS</i>	1B	
<i>trandolapril 4 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>trandolapril 1 MG, 2 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<b>Agents for Pheochromocytoma</b>		
<i>phenoxybenzamine hcl</i>	3	PA
<b>Angiotensin II Receptor Antagonists</b>		
<i>candesartan cilexetil</i>	1B	QL(1 ea daily)
EDARBI	3	QL(1 ea daily); ST
<i>irbesartan</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>losartan potassium</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>olmesartan medoxomil</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>telmisartan</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>valsartan TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)
<b>Antiadrenergic Antihypertensives</b>		
<i>clonidine hcl TABS</i>	1B	QL(8 ea daily)
<i>clonidine PTWK</i>	3	QL(0.15 ea daily)
<i>doxazosin mesylate</i>	1B	
<i>guanfacine hcl</i>	1B	
<i>methyl dopa TABS</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>prazosin hcl CAPS</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>terazosin hcl</i>	1B	
<b>Antihypertensive Combinations</b>		
<i>amlodipine besylate-benazepril hcl</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>amlodipine besylate-olmesartan medoxomil</i>	1B	ST
<i>amlodipine besylate-valsartan</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>amlodipine-valsartan-hydrochlorothiazide</i>	3	
<i>atenolol &amp; chlorthalidone</i>	1B	
<i>benazepril &amp; hydrochlorothiazide 12.5 MG-20 MG, 6.25 MG-5 MG</i>	1B	
<i>benazepril &amp; hydrochlorothiazide 12.5 MG-10 MG, 25 MG-20 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>bisoprolol &amp; hydrochlorothiazide</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>candesartan cilexetil-hydrochlorothiazide</i>	1B	
<i>enalapril maleate &amp; hydrochlorothiazide 25 MG-10 MG</i>	1B	
<i>enalapril maleate &amp; hydrochlorothiazide 12.5 MG-5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>fosinopril sodium &amp; hydrochlorothiazide</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>irbesartan-hydrochlorothiazide</i>	1B	
<i>lisinopril &amp; hydrochlorothiazide</i>	1B	
<i>losartan potassium &amp; hydrochlorothiazide 12.5 MG-100 MG, 25 MG-100 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>losartan potassium &amp; hydrochlorothiazide 12.5 MG-50 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>metoprolol &amp; hydrochlorothiazide TABS 25 MG-50 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>metoprolol &amp; hydrochlorothiazide TABS 25 MG-100 MG, 50 MG-100 MG</i>	1B	
<i>olmesartan medoxomil-amlodipine-hydrochlorothiazide</i>	1B	ST
<i>olmesartan medoxomil-hydrochlorothiazide</i>	1B	
<i>quinapril-hydrochlorothiazide 25 MG-20 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>quinapril-hydrochlorothiazide 12.5 MG-20 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>quinapril-hydrochlorothiazide 12.5 MG-10 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>telmisartan-amlodipine</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>telmisartan-hydrochlorothiazide</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>trandolapril-verapamil hcl 240 MG-2 MG, 240 MG-4 MG</i>	3	QL(1 ea daily)
<i>trandolapril-verapamil hcl 180 MG-2 MG, 240 MG-1 MG</i>	3	
<i>valsartan-hydrochlorothiazide</i>	1B	QL(1 ea daily)
Antihypertensives - Misc.		
VECAMYL	3	PA
Direct Renin Inhibitors		
<i>aliskiren fumarate</i>	1B	QL(1 ea daily)
Selective Aldosterone Receptor Antagonists (SARAs)		
<i>eplerenone</i>	1B	
Vasodilators		
<i>hydralazine hcl SOLN</i>	1B	
<i>hydralazine hcl TABS</i>	1B	
<i>minoxidil 2.5 MG, 10 MG</i>	1B	



Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<b>ANTI-INFECTIVE AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Bacterial Infections</b>		
Anti-infective Agents - Misc.		
<i>bacitracin</i>	3	
IMPAVIDO	3	QL(3 ea daily); PA
<i>metronidazole TABS</i>	1B	
<i>trimethoprim TABS</i>	1B	
XIFAXAN 200 MG	3	QL(3 ea daily; 9 ea per 3 day(s) retail; 9 ea per 3 days mail); AL(At least 12 yrs old); PA
XIFAXAN 550 MG	3	QL(3 ea daily); AL(At least 12 yrs old); PA
Anti-infective Misc. - Combinations		
<i>sulfamethoxazole-trimethoprim SOLN</i>	1B	
<i>sulfamethoxazole-trimethoprim SUSP</i>	1B	
<i>sulfamethoxazole-trimethoprim TABS</i>	1A	
Antiprotozoal Agents		
ALINIA SUSR	2	PA
<i>atovaquone</i>	1B	
<i>nitazoxanide TABS</i>	1B	PA
Carbapenems		
<i>ertapenem sodium IJ</i>	1B	
<i>imipenem-cilastatin IV</i>	1B	
<i>meropenem</i>	1B	
Chloramphenicols		
<i>chloramphenicol sodium succinate</i>	4	SP; PA
Cyclic Lipopeptides		
<i>daptomycin 500 MG</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Glycopeptides		
<i>vancomycin hcl CAPS</i>	1B	QL(4 ea daily; 40 ea per fill retail)
<i>vancomycin hcl SOLR OR 25 MG/ML, 50 MG/ML, 250 MG/5ML</i>	1B	QL(300 ml per fill retail)
<i>vancomycin hcl SOLR IV 1 GM, 10 GM, 500 MG, 1000 MG</i>	1B	
Leprostatics		
<i>dapsone</i>	1B	
Lincosamides		
<i>clindamycin hcl</i>	1B	
<i>clindamycin palmitate hydrochloride</i>	1B	
<i>clindamycin phosphate SOLN IJ 9 GM/60ML, 300 MG/2ML, 600 MG/4ML, 900 MG/6ML, 9000 MG/60ML</i>	1B	
<i>lincomycin hcl</i>	1B	
Monobactams		
CAYSTON	4	QL(3 ml daily); PA
Oxazolidinones		
<i>linezolid SUSR</i>	1B	
<i>linezolid TABS</i>	1B	QL(2 ea daily); PA
SIVEXTRO TABS	3	PA
Polymyxins		
<i>polymyxin b sulfate SOLR</i>	1B	
Urinary Anti-infectives		
<i>fosfomycin tromethamine</i>	1B	
<i>methenamine hippurate</i>	1B	
<i>nitrofurantoin</i>	1B	
<i>nitrofurantoin macrocrystal 50 MG, 100 MG</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>nitrofurantoin monohyd macro</i>	1B	
<b>ANTIMALARIALS - Drugs to Treat Malaria (Parasitic Infections)</b>		
Antimalarial Combinations		
<i>atovaquone-proguanil hcl</i>	1B	Covered for malaria treatment only. Limit 1 fill every 180 days; QL(12 ea per fill retail; 12 per fill mail); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
COARTEM	2	Covered for malaria treatment only. Limit 1 fill every 180 days; QL(24 ea per fill retail; 24 per fill mail); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
Antimalarials		
<i>chloroquine phosphate TABS 250 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>chloroquine phosphate TABS 500 MG</i>	1B	
<i>hydroxychloroquine sulfate 200 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>hydroxychloroquine sulfate 100 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>hydroxychloroquine sulfate 400 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
KRINTAFEL	3	QL(2 ea per 30 day(s) retail)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>mefloquine hcl</i>	1B	Covered for malaria treatment only. Limit 1 fill every 180 days; QL(5 ea daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
<i>primaquine phosphate TABS</i>	3	
<i>pyrimethamine</i>	1B	QL(3 ea daily); PA
<i>quinine sulfate CAPS 324 MG</i>	1B	PA
<b>ANTIMYASTHENIC/CHOLINERGIC AGENTS</b>		
Antimyasthenic/Cholinergic Agents		
FIRDAPSE	4	PA
<i>neostigmine methylsulfate SOSY</i>	3	PA
<i>pyridostigmine bromide SOLN OR</i>	1B	
<i>pyridostigmine bromide TABS 60 MG</i>	1B	
<i>pyridostigmine bromide TBCR</i>	1B	
<b>ANTIMYCOBACTERIAL AGENTS - Drugs to Treat Tuberculosis (Bacterial Infections)</b>		
Antimycobacterial Agents		
<i>cycloserine</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>ethambutol hcl TABS</i>	1B	
<i>isoniazid SOLN</i>	1B	
<i>isoniazid SYRP</i>	1B	
<i>isoniazid TABS</i>	1B	
PASER PACK	3	QL(3 ea daily)
PRIFTIN	3	
<i>pyrazinamide</i>	1B	
<i>rifabutin</i>	1B	PA
<i>rifampin CAPS</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>rifampin SOLR</i>	1B		<i>decitabine</i>	4	SP; PA
SIRTURO	3	PA	<i>floxuridine</i>	4	SP; PA
TRECTOR	3	QL(4 ea daily)	<i>fludarabine phosphate SOLN</i>	4	SP; PA
<b>ANTINEOPLASTICS AND ADJUNCTIVE THERAPIES - Drugs to Treat Cancer</b>			<i>fludarabine phosphate SOLR</i>	4	SP; PA
<b>Alkylating Agents</b>			<i>fluorouracil 500 MG/10ML</i>	4	SP; PA
<i>bendamustine hcl SOLR</i>	4	SP; PA	<i>gemcitabine hcl SOLR 2 GM, 200 MG</i>	4	SP; PA
<i>busulfan SOLN</i>	4	SP; PA	<i>mercaptopurine TABS</i>	1B	
<i>carboplatin SOLN 50 MG/5ML</i>	4	SP; PA	<i>methotrexate sodium SOLN 50 MG/2ML, 250 MG/10ML</i>	1B	
<i>carmustine</i>	4	SP; PA	<i>methotrexate sodium SOLR</i>	1B	SP
<i>cisplatin SOLN 100 MG/100ML</i>	4	SP; PA	<i>methotrexate sodium TABS 2.5 MG</i>	1B	SP
<i>cyclophosphamide CAPS</i>	1B	PA	<i>nelarabine</i>	4	SP; PA
<i>cyclophosphamide SOLR IJ</i>	4	SP; PA	<i>pemetrexed disodium SOLR 500 MG</i>	4	SP; PA
GLEOSTINE 40 MG, 100 MG	4	PA	<i>pralatrexate 20 MG/ML TABLOID</i>	4	SP; PA
GLEOSTINE 10 MG	4	SP; PA	TREXALL TABS 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG	4	SP; PA
<i>ifosfamide SOLN 1 GM/20ML</i>	4	SP; PA	<b>Antineoplastic - Angiogenesis Inhibitors</b>		
<i>ifosfamide SOLR</i>	4	SP; PA	INLYTA	4	QL(2 ea daily); SP; PA
LEUKERAN	4	SP; PA	LENVIMA 10 MG DAILY DOSE	4	QL(1 ea daily); PA
<i>melphalan</i>	1B		LENVIMA 12MG DAILY DOSE	4	QL(3 ea daily); PA
<i>melphalan hcl IV</i>	1B		LENVIMA 14 MG DAILY DOSE	4	QL(2 ea daily); PA
MYLERAN TABS	4	SP; PA	LENVIMA 18 MG DAILY DOSE	4	QL(3 ea daily); PA
<i>oxaliplatin SOLN 50 MG/10ML, 100 MG/20ML</i>	4	SP; PA	LENVIMA 20 MG DAILY DOSE	4	QL(2 ea daily); PA
TEMODAR SOLR	4	SP; PA	LENVIMA 24 MG DAILY DOSE	4	QL(3 ea daily); PA
<i>temozolomide CAPS</i>	4	SP; PA	LENVIMA 4 MG DAILY DOSE	4	QL(1 ea daily); PA
<i>thiotepa 15 MG</i>	4	SP; PA			
ZANOSAR	4	SP; PA			
<b>Antimetabolites</b>					
<i>azacitidine SUSR</i>	4	SP; PA			
<i>capecitabine</i>	4	SP; PA			
<i>clofarabine</i>	4	SP; PA			
<i>cytarabine SOLN</i>	4	SP; PA			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
LENVIMA 8 MG DAILY DOSE	4	QL(2 ea daily); PA	Antineoplastic - Hormonal and Related Agents		
MVASI	4	PA	<i>abiraterone acetate 250 MG</i>	4	QL(4 ea daily); SP; PA
ZALTRAP 100 MG/4ML	4	SP; PA	<i>abiraterone acetate 500 MG</i>	4	QL(2 ea daily); SP; PA
ZIRABEV	4	PA	<i>anastrozole</i>	1B	QL(1 ea daily)
Antineoplastic - Antibodies			<i>bicalutamide</i>	1B	QL(1 ea daily); SP
ADCETRIS	4	SP; PA	ELIGARD SC 22.5 MG, 30 MG, 45 MG	4	SP; PA
ARZERRA	4	SP; PA	ELIGARD KIT SC 7.5 MG	4	QL(0.0089 ea daily); SP; PA
RUXIENCE	4	PA	EMCYT	4	SP; PA
TRUXIMA	4	PA	ERLEADA 60 MG	4	QL(4 ea daily); PA
YERVOY	4	SP; PA	ERLEADA 240 MG	4	QL(1 ea daily); PA
Antineoplastic - Anti-HER2 Agents			<i>exemestane</i>	4	QL(1 ea daily); SP
KANJINTI	4	PA	FIRMAGON	4	QL(0.143 ea daily); SP; PA
OGIVRI	4	PA	<i>flutamide</i>	4	QL(6 ea daily); SP; PA
PERJETA	4	SP; PA	<i>fulvestrant SOSY</i>	4	QL(0.357 ml daily); PA
TRAZIMERA	4	PA	<i>letrozole</i>	1B	
TUKYSA	4	PA	<i>leuprolide acetate KIT IJ 1 MG/0.2ML</i>	4	SP; PA
Antineoplastic - EGFR Inhibitors			LUPRON DEPOT (1-MONTH) KIT IM	4	QL(0.0357 ea daily); SP; PA
ERBITUX	4	SP; PA	LUPRON DEPOT (3-MONTH) KIT IM	4	SP; PA
<i>erlotinib hcl</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA	LUPRON DEPOT (4-MONTH) IM	4	QL(0.1339 ea daily); SP; PA
<i>gefitinib</i>	4	QL(2 ea daily); PA	LUPRON DEPOT (6-MONTH) IM	4	QL(0.0089 ea daily); SP; PA
GILOTRIF	4	QL(1 ea daily); PA	LYSODREN	4	SP; PA
IRESSA ( <i>gefitinib</i> )	4	QL(2 ea daily); PA	<i>megestrol acetate SUSP</i>	1B	
TAGRISSE 80 MG	4	QL(1 ea daily); PA	<i>megestrol acetate TABS</i>	1B	
TAGRISSE 40 MG	4	QL(2 ea daily); PA	<i>nilutamide</i>	1B	QL(2 ea daily)
VECTIBIX 100 MG/5ML	4	SP; PA	NUBEQA	4	QL(4 ea daily); PA
VIZIMPRO	4	QL(1 ea daily); PA	ORGOVYX	4	PA
Antineoplastic - Hedgehog Pathway Inhibitors					
DAURISMO	4	PA			
ERIVEDGE	4	QL(1 ea daily); SP; PA			
ODOMZO	4	QL(1 ea daily); PA			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>tamoxifen citrate TABS</i>	0	
<i>tamoxifen citrate TABS</i>	0	
<i>toremifene citrate</i>	1B	
TRELSTAR MIXJECT	4	SP; PA
XTANDI CAPS	4	QL(4 ea daily); SP; PA
XTANDI TABS 80 MG	4	QL(2 ea daily); PA
XTANDI TABS 40 MG	4	QL(4 ea daily); PA
YONSA	4	QL(4 ea daily); PA
ZOLADEX 3.6 MG	4	QL(0.0357 ea daily); SP; PA
ZOLADEX 10.8 MG	4	QL(0.0119 ea daily); SP; PA
Antineoplastic - Immunomodulators		
POMALYST	4	QL(1 ea daily); PA
Antineoplastic - PDGFR-alpha Inhibitors		
AYVAKIT	4	QL(1 ea daily); PA
Antineoplastic - XPO1 Inhibitors		
XPOVIO	4	PA
XPOVIO 60 MG TWICE WEEKLY	4	PA
XPOVIO 80 MG TWICE WEEKLY	4	PA
Antineoplastic Antibiotics		
<i>bleomycin sulfate 15 UNIT</i>	4	SP; PA
<i>dactinomycin</i>	4	SP; PA
<i>doxorubicin hcl liposomal SUSP</i>	4	SP; PA
<i>doxorubicin hcl SOLN</i>	4	SP; PA
<i>doxorubicin hcl SOLR 10 MG, 50 MG</i>	4	SP; PA
<i>idarubicin hcl 5 MG/5ML, 10 MG/10ML</i>	4	SP; PA
<i>idarubicin hcl 20 MG/20ML</i>	4	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>mitomycin SOLR IV 20 MG</i>	4	SP; PA
<i>mitoxantrone hcl 2 MG/ML</i>	4	SP; PA
<i>valrubicin</i>	4	SP; PA
Antineoplastic Combinations		
KISQALI FEMARA 200 DOSE	4	PA
KISQALI FEMARA 400 DOSE	4	PA
KISQALI FEMARA 600 DOSE	4	PA
Antineoplastic Enzyme Inhibitors		
ALECENSA	4	QL(4 ea daily); PA
ALUNBRIG TABS	4	QL(1 ea daily); PA
ALUNBRIG TBPk	4	QL(1 ea daily); PA
BALVERSA	4	PA
<i>bortezomib SOLR IJ</i>	4	SP; PA
BORTEZOMIB SOLR IV 3.5 MG	4	SP; PA
BOSULIF TABS 400 MG	4	QL(1 ea daily); PA
BOSULIF TABS 100 MG, 500 MG	4	QL(1 ea daily); SP; PA
BRAFTOVI 75 MG	4	SP; PA
BRUKINSA	4	PA
CABOMETYX TABS	4	QL(1 ea daily); PA
CALQUENCE	4	QL(2 ea daily); PA
CALQUENCE	4	QL(2 ea daily); PA
CAPRELSA	4	QL(1 ea daily); SP; PA
COMETRIQ KIT	4	QL(3 ea daily); SP; PA
COMETRIQ KIT	4	QL(2 ea daily); SP; PA
COMETRIQ KIT	4	QL(4 ea daily); SP; PA
COPIKTRA	4	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>dasatinib</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA	QINLOCK	4	PA
<i>everolimus TABS</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA	RETEVMO CAPS	4	PA
IBRANCE CAPS	4	QL(1 ea daily); PA	<i>romidepsin SOLR</i>	4	SP; PA
IBRANCE TABS	4	QL(1 ea daily); PA	ROZLYTREK CAPS	4	PA
ICLUSIG	4	QL(1 ea daily); PA	RUBRACA	4	QL(4 ea daily); PA
<i>imatinib mesylate</i>	4	QL(2 ea daily); SP; PA	SCEMBLIX 20 MG	4	QL(2 ea daily); PA
IMBRUVICA CAPS 140 MG	4	QL(3 ea daily); PA	SCEMBLIX 40 MG	4	QL(10 ea daily); PA
IMBRUVICA CAPS 70 MG	4	QL(1 ea daily); PA	SCEMBLIX 100 MG	4	QL(4 ea daily); PA
IMBRUVICA SUSP	4	QL(8 ml daily); PA	<i>sorafenib tosylate</i>	4	QL(4 ea daily); SP; PA
IMBRUVICA TABS	4	QL(1 ea daily); PA	SPRYCEL ( <i>dasatinib</i> )	4	QL(1 ea daily); SP; PA
INREBIC	4	PA	STIVARGA	4	QL(4 ea daily); SP; PA
JAKAFI	4	QL(2 ea daily); SP; PA	<i>sunitinib malate 37.5 MG</i>	4	QL(1 ea daily); PA
KISQALI	4	PA	<i>sunitinib malate 12.5 MG, 25 MG, 50 MG</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA
KOSELUGO	4	PA	TABRECTA	4	PA
KYPROLIS	4	PA	TAFINLAR CAPS	4	PA
<i>lapatinib ditosylate</i>	4	QL(6 ea daily); SP; PA	TALZENNA	4	QL(1 ea daily); PA
LORBRENA	4	QL(1 ea daily); PA	TALZENNA	4	QL(1 ea daily); PA
LYNPARZA TABS	4	QL(4 ea daily); PA	TASIGNA 50 MG	4	QL(4 ea daily); PA
MEKINIST TABS	4	PA	TASIGNA 150 MG, 200 MG	4	QL(4 ea daily); SP; PA
MEKTOVI	4	SP; PA	TAZVERIK	4	PA
NINLARO	4	QL(0.143 ea daily); PA	<i>temsirolimus</i>	4	QL(0.143 ml daily); SP; PA
<i>pazopanib hcl</i>	4	QL(4 ea daily); SP; PA	TIBSOVO	4	PA
PEMAZYRE	4	QL(1 ea daily); PA	TURALIO	4	PA
PIQRAY 200MG DAILY DOSE	4	PA	TURALIO	4	AC; PA
PIQRAY 250MG DAILY DOSE	4	PA	VERZENIO	4	PA
PIQRAY 300MG DAILY DOSE	4	PA	VITRAKVI CAPS	4	PA
			VITRAKVI SOLN	4	PA
			VOTRIENT ( <i>pazopanib hcl</i> )	4	QL(4 ea daily); SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
XALKORI CAPS	4	QL(2 ea daily); SP; PA
XOSPATA	4	PA
ZEJULA CAPS	4	QL(3 ea daily); PA
ZEJULA TABS 100 MG	4	QL(3 ea daily); PA
ZEJULA TABS 200 MG, 300 MG	4	QL(1 ea daily); PA
ZELBORAF	4	SP; PA
ZOLINZA	4	QL(4 ea daily); SP; PA
ZYDELIG	4	QL(2 ea daily); PA
<b>Antineoplastic Enzymes</b>		
ONCASPAR	4	SP; PA
<b>Antineoplastics Misc.</b>		
ACTIMMUNE 100 MCG/0.5ML	4	SP; PA
<i>arsenic trioxide 10 MG/10ML</i>	4	SP; PA
<i>bexarotene</i>	4	SP; PA
<i>dacarbazine SOLR 200 MG</i>	4	SP; PA
<i>hydroxyurea</i>	1B	
MATULANE	4	SP; PA
NIPENT	4	SP; PA
PHOTOFRIN	4	SP; PA
PROLEUKIN	4	SP; PA
SYNRIBO	4	SP; PA
<i>tretinoin (chemotherapy)</i>	1B	
UVADEX	4	SP; PA
<b>Chemotherapy Adjuncts</b>		
KEPIVANCE 6.25 MG	4	SP; PA
<b>Chemotherapy Rescue/Antidote/Protective Agents</b>		
<i>leucovorin calcium SOLR</i>	1B	
<i>leucovorin calcium TABS</i>	1B	
VORAXAZE	4	SP; PA
<b>Mitotic Inhibitors</b>		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>docetaxel CONC 20 MG/ML</i>	4	SP; PA
<i>docetaxel SOLN 20 MG/2ML</i>	4	SP; PA
<i>eribulin mesylate</i>	4	SP; PA
ETOPOPHOS	4	SP; PA
<i>etoposide CAPS</i>	4	SP; PA
<i>etoposide SOLN 1 GM/50ML, 100 MG/5ML, 500 MG/25ML</i>	4	SP; PA
HALAVEN ( <i>eribulin mesylate</i> )	4	SP; PA
IXEMPRA KIT 15 MG	4	SP; PA
JEVTANA	4	SP; PA
<i>paclitaxel 6 MG/ML, 100 MG/16.7ML, 150 MG/25ML</i>	4	SP; PA
<i>paclitaxel protein-bound particles</i>	4	SP; PA
<i>vincristine sulfate</i>	4	SP; PA
<i>vinorelbine tartrate 10 MG/ML</i>	4	SP; PA
<b>Topoisomerase I Inhibitors</b>		
HYCANTIN CAPS	4	SP; PA
<i>irinotecan hcl 40 MG/2ML, 100 MG/5ML</i>	4	SP; PA
<i>topotecan hcl SOLR</i>	4	SP; PA
<b>ANTIPARKINSON AND RELATED THERAPY AGENTS - Drugs to Treat Parkinson's Disease</b>		
<b>Antiparkinson Adjunctive Therapy</b>		
<i>carbidopa</i>	1B	
<b>Antiparkinson Anticholinergics</b>		
<i>benztropine mesylate SOLN</i>	1B	
<i>benztropine mesylate TABS</i>	1B	
<i>trihexyphenidyl hcl SOLN</i>	1B	
<i>trihexyphenidyl hcl TABS</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
Antiparkinson COMT Inhibitors		
<i>entacapone</i>	1B	QL(8 ea daily)
<i>tolcapone</i>	1B	
Antiparkinson Dopaminergics		
<i>amantadine hcl CAPS</i>	1B	
<i>amantadine hcl SOLN</i>	1B	
<i>amantadine hcl TABS</i>	1B	
<i>apomorphine hydrochloride SOCT</i>	4	PA
<i>bromocriptine mesylate CAPS</i>	1B	
<i>bromocriptine mesylate TABS 2.5 MG</i>	1B	
<i>carbidopa-levodopa-entacapone</i>	1B	
<i>carbidopa-levodopa TABS</i>	1B	
<i>carbidopa-levodopa TBCR</i>	1B	
<i>carbidopa-levodopa TBDP</i>	1B	
NEUPRO	2	
<i>pramipexole dihydrochloride TABS 0.125 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>pramipexole dihydrochloride TABS 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG, 1 MG, 1.5 MG</i>	1B	
<i>ropinirole hydrochloride TABS</i>	1B	
<i>ropinirole hydrochloride TB24 8 MG, 12 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); ST
<i>ropinirole hydrochloride TB24 2 MG, 4 MG, 6 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); ST
Antiparkinson Monoamine Oxidase Inhibitors		
<i>rasagiline mesylate</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
<i>selegiline hcl CAPS</i>	1B	
<i>selegiline hcl TABS</i>	1B	

**ANTIPSYCHOTICS/ANTIMANIC AGENTS - Drugs to Treat Mood Disorders**

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
Antimanic Agents		
<i>lithium</i>	1B	
<i>lithium carbonate CAPS</i>	1B	
<i>lithium carbonate TABS</i>	1B	
<i>lithium carbonate TBCR</i>	1B	
Antipsychotics - Misc.		
EQUETRO 300 MG	3	QL(4 ea daily); ST
EQUETRO 200 MG	3	QL(8 ea daily); ST
EQUETRO 100 MG	3	QL(2 ea daily); ST
<i>lurasidone hcl 80 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>lurasidone hcl 20 MG, 40 MG, 60 MG, 120 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>ziprasidone hcl</i>	1B	QL(2 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
Benzisoxazoles		
FANAPT	2	QL(2 ea daily); PA
FANAPT TITRATION PACK	2	PA
<i>paliperidone 6 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>paliperidone 1.5 MG, 3 MG, 9 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
PERSERIS PRSY	2	QL(0.072 ea daily); PA
RISPERDAL CONSTA ( <i>risperidone microspheres</i> )	2	QL(0.072 ea daily); PA
<i>risperidone microspheres</i>	1B	QL(0.072 ea daily); PA
<i>risperidone SOLN</i>	1B	QL(8 ml daily)
<i>risperidone TABS</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>risperidone TBDP</i>	1B	QL(4 ea daily)
Butyrophenones		
<i>haloperidol decanoate</i>	1B	QL(0.036 ml daily)
<i>haloperidol lactate CONC</i>	1B	
<i>haloperidol lactate SOLN</i>	1B	



Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>haloperidol TABS</i>	1B	
<b>Dibenzapines</b>		
<i>asenapine maleate 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); PA
<i>asenapine maleate 2.5 MG</i>	1B	QL(4 ea daily); PA
<i>clozapine TABS</i>	1B	
<i>clozapine TBDP 100 MG</i>	1B	QL(9 ea daily)
<i>clozapine TBDP 25 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>clozapine TBDP 12.5 MG, 150 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>loxapine succinate</i>	1B	
<i>olanzapine SOLR</i>	1B	QL(0.215 ea daily)
<i>olanzapine TABS 2.5 MG, 5 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>olanzapine TABS 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>olanzapine TBDP 20 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>olanzapine TBDP 5 MG, 10 MG, 15 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>quetiapine fumarate TABS 25 MG, 50 MG, 100 MG, 200 MG</i>	1B	QL(4 ea daily); AL(At least 10 yrs old)
<i>quetiapine fumarate TABS 300 MG, 400 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); AL(At least 10 yrs old)
<i>quetiapine fumarate TB24 50 MG, 150 MG, 200 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>quetiapine fumarate TB24 300 MG, 400 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<b>Phenothiazines</b>		
<i>chlorpromazine hcl SOLN</i>	3	
<i>chlorpromazine hcl TABS</i>	1B	
<i>fluphenazine hcl CONC</i>	1B	
<i>fluphenazine hcl ELIX</i>	1B	
<i>fluphenazine hcl SOLN</i>	1B	
<i>fluphenazine hcl TABS</i>	1B	
<i>perphenazine TABS</i>	1B	
<i>prochlorperazine</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>prochlorperazine maleate TABS</i>	1B	
<i>thioridazine hcl</i>	1B	
<i>trifluoperazine hcl TABS</i>	1B	
<b>Quinolinone Derivatives</b>		
<i>aripiprazole SOLN OR</i>	1B	QL(30 ml daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>aripiprazole TABS</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
REXULTI	3	PA
<b>Thioxanthenes</b>		
<i>thiothixene</i>	1B	
<b>ANTIVIRALS - Drugs to Treat Viral Infections</b>		
<b>Antiretrovirals</b>		
<i>abacavir sulfate-lamivudine</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>abacavir sulfate SOLN</i>	1B	QL(32 ml daily)
<i>abacavir sulfate TABS</i>	1B	QL(2 ea daily)
APTIVUS CAPS	3	QL(4 ea daily)
<i>atazanavir sulfate CAPS 150 MG, 300 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>atazanavir sulfate CAPS 200 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
BIKTARVY	3	QL(1 ea daily)
CIMDUO	3	QL(1 ea daily); ST
COMPLERA	3	QL(1 ea daily)
<i>darunavir TABS 600 MG</i>	3	QL(2 ea daily)
<i>darunavir TABS 800 MG</i>	3	QL(1 ea daily)
DELSTRIGO	3	QL(1 ea daily)
DOVATO	3	QL(1 ea daily)
EDURANT	3	QL(1 ea daily)
<i>efavirenz CAPS 200 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>efavirenz CAPS 50 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>efavirenz-emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate</i>	1B	QL(1 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>efavirenz-lamivudine-tenofovir disoproxil fumarate</i>	1B	QL(1 ea daily)	NORVIR CAPS	2	QL(12 ea daily)
<i>efavirenz TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)	NORVIR PACK	3	QL(12 ea daily)
<i>emtricitabine CAPS</i>	1B	QL(1 ea daily)	NORVIR SOLN	3	QL(15 ml daily)
<i>emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate 100 MG-150 MG, 133 MG-200 MG, 167 MG-250 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	ODEFSEY	3	QL(1 ea daily)
<i>emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate 200 MG-300 MG</i>	0	QL(1 ea daily)	PIFELTRO	3	QL(1 ea daily)
EMTRIVA SOLN	3	QL(24 ml daily)	PREZCOBIX	3	QL(1 ea daily)
<i>etravirine 200 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	PREZISTA SUSP	3	QL(12 ml daily)
<i>etravirine 100 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)	PREZISTA TABS 800 MG ( <i>darunavir</i> )	3	QL(1 ea daily)
EVOTAZ	3	QL(1 ea daily)	PREZISTA TABS ( <i>darunavir</i> )	3	QL(2 ea daily)
<i>fosamprenavir calcium TABS</i>	1B	QL(4 ea daily)	PREZISTA TABS 75 MG, 150 MG, 600 MG	3	QL(2 ea daily)
FUZEON SOLR	4	SP; PA	RETROVIR IV INFUSION SOLN	3	
GENVOYA	3	QL(1 ea daily)	<i>ritonavir TABS</i>	1B	QL(12 ea daily)
INTELENCE 25 MG	3	QL(8 ea daily)	RUKOBIA	4	PA
ISENTRESS HD TABS	3	QL(2 ea daily)	SELZENTRY SOLN	3	QL(30 ml daily)
ISENTRESS CHEW	3	QL(6 ea daily)	SELZENTRY TABS 25 MG, 75 MG	3	QL(2 ea daily)
ISENTRESS TABS	3	QL(2 ea daily)	<i>stavudine CAPS</i>	1B	QL(2 ea daily)
JULUCA	3	QL(1 ea daily)	STRIBILD	3	QL(1 ea daily)
<i>lamivudine SOLN</i>	1B	QL(30 ml daily)	<i>tenofovir disoproxil fumarate TABS</i>	1B	
<i>lamivudine TABS 300 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	TIVICAY TABS	3	QL(2 ea daily)
<i>lamivudine TABS 150 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	TRIUMEQ TABS	3	QL(1 ea daily)
<i>lamivudine-zidovudine</i>	1B	QL(2 ea daily)	TRIZIVIR	3	QL(2 ea daily)
LEXIVA SUSP	3	QL(56 ml daily)	TYBOST	3	QL(1 ea daily)
<i>lopinavir-ritonavir SOLN</i>	1B	QL(12.5 ml daily)	VIRACEPT TABS 250 MG	3	QL(10 ea daily)
<i>lopinavir-ritonavir TABS</i>	1B	QL(4 ea daily)	VIRACEPT TABS 625 MG	3	QL(4 ea daily)
<i>maraviroc TABS 300 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)	VIREAD POWD	3	QL(7.5 gm daily)
<i>maraviroc TABS 150 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	VIREAD TABS 150 MG, 200 MG, 250 MG	3	QL(1 ea daily)
<i>nevirapine SUSP</i>	1B	QL(40 ml daily)	<i>zidovudine CAPS</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>nevirapine TABS</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>zidovudine SYRP</i>	1B	QL(60 ml daily)
<i>nevirapine TB24 400 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>zidovudine TABS</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>nevirapine TB24 100 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)	CMV Agents		
			<i>cidofovir</i>	3	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>ganciclovir sodium SOLR</i>	1B	
<i>valganciclovir hcl TABS</i>	1B	QL(4 ea daily); PA
<b>Hepatitis Agents</b>		
<i>adefovir dipivoxil</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA
BARACLUDE SOLN	4	QL(20 ml daily); SP; PA
<i>entecavir TABS</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA
EPIVIR HBV SOLN	4	QL(60 ml daily); SP; PA
<i>lamivudine (hcv) TABS</i>	1B	QL(3 ea daily); SP
PEGASYS SOLN	4	QL(0.0714 ml daily); SP; PA
PEGASYS SOSY	4	QL(0.072 ml daily); PA
<i>ribavirin (hepatitis c) CAPS</i>	1B	QL(7 ea daily)
<i>ribavirin (hepatitis c) TABS 200 MG</i>	1B	QL(7 ea daily)
SOFOSBUVIR/VELPATA SVIR TABS	4	QL(1 ea daily); PA
VOSEVI	4	QL(1 ea daily); PA
<b>Herpes Agents</b>		
<i>acyclovir CAPS</i>	1A	QL(5 ea daily; 50 ea per fill retail; 50 per fill mail)
<i>acyclovir SUSP</i>	1B	QL(13.34 ml daily)
<i>acyclovir TABS OR</i>	1B	QL(5 ea daily)
<i>famciclovir 125 MG, 250 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>famciclovir 500 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>valacyclovir hcl 500 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>valacyclovir hcl 1 GM, 1000 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<b>Influenza Agents</b>		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>oseltamivir phosphate CAPS</i>	1B	Limit 1 fill every 90 days.; QL(10 ea per fill retail; 10 per fill mail); 1 max fill(s) per 90 day(s) retail; 1 max fill(s) per 90 day(s) mail
<i>oseltamivir phosphate SUSR</i>	1B	Limit 1 fill every 90 days.; QL(125 ml per fill retail); 1 max fill(s) per 90 day(s) retail
RELENZA DISKHALER	2	1 package(s) per 30 day(s) retail
<i>rimantadine hydrochloride TABS</i>	1B	QL(2 ea daily)
<b>BETA BLOCKERS - Drugs to Treat High Blood Pressure</b>		
<b>Alpha-Beta Blockers</b>		
<i>carvedilol</i>	1B	
<i>carvedilol phosphate</i>	3	QL(1 ea daily)
<i>labetalol hcl SOLN</i>	1B	
<i>labetalol hcl TABS 100 MG, 200 MG</i>	1B	
<i>labetalol hcl TABS 300 MG</i>	1B	QL(8 ea daily)
<b>Beta Blockers Cardio-Selective</b>		
<i>acebutolol hcl CAPS</i>	1B	
<i>atenolol TABS</i>	1B	
<i>betaxolol hcl</i>	1B	
<i>bisoprolol fumarate</i>	1B	
<i>metoprolol succinate TB24 200 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>metoprolol succinate TB24 25 MG, 50 MG, 100 MG</i>	1B	
<i>metoprolol tartrate SOLN IV 5 MG/5ML</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>metoprolol tartrate TABS 25 MG, 50 MG, 100 MG</i>	1B	
<i>nebivolol hcl 20 MG</i>	3	QL(2 ea daily)
<i>nebivolol hcl 2.5 MG, 5 MG, 10 MG</i>	3	QL(1 ea daily)
<b>Beta Blockers Non-Selective</b>		
<i>HEMANGEOL SOLN OR</i>	4	QL(75 ml daily); PA
<i>nadolol TABS 40 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>nadolol TABS 80 MG</i>	1B	
<i>nadolol TABS 20 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>pindolol TABS</i>	1B	
<i>propranolol hcl CP24</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>propranolol hcl SOLN OR 20 MG/5ML, 40 MG/5ML</i>	1B	
<i>propranolol hcl TABS</i>	1B	
<i>sotalol hcl (afib/af)</i>	1B	
<i>sotalol hcl TABS 80 MG, 120 MG, 160 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>sotalol hcl TABS 240 MG</i>	1B	
<i>timolol maleate TABS</i>	1B	
<b>CALCIUM CHANNEL BLOCKERS - Drugs to Treat High Blood Pressure</b>		
<b>Calcium Channel Blockers</b>		
<i>amlodipine besylate TABS</i>	1B	
<i>diltiazem hcl coated beads CP24 180 MG, 240 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>diltiazem hcl coated beads CP24 120 MG, 300 MG, 360 MG</i>	1B	
<i>diltiazem hcl extended release beads</i>	1B	
<i>diltiazem hcl CP12</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>diltiazem hcl CP24</i>	1B	
<i>diltiazem hcl SOLN 50 MG/10ML</i>	1B	
<i>DILTIAZEM HCL SOLR</i>	1B	
<i>diltiazem hcl TABS</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>diltiazem hcl TB24</i>	1B	
<i>felodipine</i>	1B	
<i>isradipine CAPS</i>	1B	
<i>nicardipine hcl CAPS</i>	1B	
<i>nicardipine hcl SOLN</i>	1B	
<i>nifedipine CAPS 10 MG</i>	1B	
<i>nifedipine CAPS 20 MG</i>	1B	QL(9 ea daily)
<i>nifedipine TB24 60 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>nifedipine TB24 90 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>nifedipine TB24</i>	1B	
<i>nimodipine CAPS</i>	1B	
<i>nisoldipine</i>	1B	
<i>verapamil hcl CP24 120 MG, 180 MG, 240 MG, 360 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>verapamil hcl CP24 100 MG, 200 MG, 300 MG</i>	1B	
<i>verapamil hcl SOLN 2.5 MG/ML</i>	1B	
<i>verapamil hcl TABS</i>	1B	
<i>verapamil hcl TBCR</i>	1B	
<b>CARDIOTONICS - Drugs to Treat Heart Failure and Abnormal Heart Rhythm</b>		
<b>Cardiac Glycosides</b>		
<i>digoxin SOLN OR 0.05 MG/ML</i>	1B	
<i>digoxin TABS 0.0625 MG, 0.125 MG, 0.25 MG, 62.5 MCG, 125 MCG, 250 MCG</i>	1B	
<i>LANOXIN SOLN IJ (digoxin)</i>	2	
<i>LANOXIN TABS 62.5 MCG, 125 MCG, 250 MCG (digoxin)</i>	2	
<b>CARDIOVASCULAR AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Heart and Circulation Conditions</b>		
<b>Cardiovascular Agents Misc. - Combinations</b>		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>amlodipine besylate-atorvastatin calcium</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>isosorbide dinitrate-hydralazine hcl</i>	1B	
Impotence Agents		
<i>avanafil</i>	1B	QL(0.134 ea daily)
<i>sildenafil citrate</i>	1B	QL(0.1334 ea daily); PA
STENDRA	3	QL(0.134 ea daily)
<i>tadalafil 5 MG</i>	1B	BPH Only; QL(1 ea daily); PA
Prostaglandin Vasodilators		
<i>epoprostenol sodium</i>	4	PA
ORENITRAM TBCR	4	PA
<i>treprostinil SOLN IJ</i>	4	SP; PA
TYVASO REFILL KIT SOLN IN	4	PA
TYVASO STARTER KIT SOLN IN	4	PA
TYVASO SOLN IN	4	PA
Pulmonary Hypertension - Endothelin Receptor Antagonists		
<i>ambrisentan</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA
<i>bosentan TABS 62.5 MG</i>	4	QL(2 ea daily); PA
<i>bosentan TABS 125 MG</i>	4	QL(2 ea daily); SP; PA
OPSUMIT	4	QL(1 ea daily); PA
TRACLEER TBSO	4	QL(2 ea daily); SP; PA
Pulmonary Hypertension - Phosphodiesterase Inhibitors		
<i>sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SOLN</i>	4	QL(37.5 ml daily); SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SUSR</i>	4	QL(6 ml daily); PA
<i>sildenafil citrate (pulmonary hypertension) TABS</i>	4	QL(3 ea daily); SP; PA
<i>tadalafil (pulmonary hypertension) TABS</i>	4	QL(2 ea daily); SP; PA
Pulmonary Hypertension - Prostacyclin Receptor Agonist		
UPTRAVI TITRATION PACK TBPk	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; PA
UPTRAVI TABS 400 MCG, 600 MCG, 800 MCG, 1000 MCG, 1200 MCG, 1400 MCG, 1600 MCG	4	QL(2 ea daily); PA
UPTRAVI TABS 200 MCG	4	PA
Pulmonary Hypertension - Sol Guanylate Cyclase Stimulator		
ADEMPAS	4	QL(3 ea daily); PA
Sinus Node Inhibitors		
CORLANOR SOLN	3	QL(15 ml daily); PA
CORLANOR TABS ( <i>ivabradine hcl</i> )	3	QL(2 ea daily); PA
<i>ivabradine hcl TABS</i>	1B	QL(2 ea daily); PA
Transthyretin Stabilizers		
VYNDAMAX	4	QL(1 ea daily); PA
VYNDAQEL	4	QL(4 ea daily); PA
<b>CEPHALOSPORINS - Drugs to Treat Bacterial Infections</b>		
Cephalosporins - 1st Generation		
<i>cefadroxil CAPS</i>	1B	
<i>cefadroxil SUSR</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>cefadroxil TABS</i>	1B	
<i>cefazolin sodium SOLR IJ 1 GM, 10 GM, 500 MG</i>	1B	
<i>cephalexin CAPS</i>	1B	
<i>cephalexin SUSR</i>	1B	
<b>Cephalosporins - 2nd Generation</b>		
<i>cefaclor CAPS</i>	1B	
<i>cefaclor SUSR 125 MG/5ML, 250 MG/5ML, 375 MG/5ML</i>	1B	
<i>cefotetan disodium IJ 1 GM, 2 GM</i>	1B	
<i>cefoxitin sodium IV 1 GM, 2 GM</i>	1B	
<i>cefprozil SUSR</i>	1B	
<i>cefprozil TABS</i>	1B	
<i>cefuroxime axetil TABS</i>	1B	
<i>cefuroxime sodium IJ 750 MG</i>	1B	
<b>Cephalosporins - 3rd Generation</b>		
<i>cefdinir CAPS</i>	1B	
<i>cefdinir SUSR</i>	1B	
<i>cefixime CAPS</i>	1B	
<i>cefixime SUSR</i>	1B	ST
<i>cefotaxime sodium IJ 1 GM, 2 GM</i>	1B	
<i>cefpodoxime proxetil SUSR</i>	1B	
<i>cefpodoxime proxetil TABS</i>	1B	
<i>ceftazidime IJ 1 GM, 6 GM</i>	1B	
<i>ceftriaxone sodium IJ 250 MG</i>	1A	
<i>ceftriaxone sodium IJ 1 GM, 2 GM, 500 MG</i>	1B	
<b>Cephalosporins - 4th Generation</b>		
<i>cefepime hcl SOLR IV 2 GM</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<b>Cephalosporins - 5th Generation</b>		
TEFLARO	3	
<b>CONTRACEPTIVES - Drugs to Prevent Pregnancy</b>		
<b>Combination Contraceptives - Oral</b>		
BALCOLTRA ( <i>levonorgestrel-ethinyl estradiol-iron</i> )	0	
<i>desogestrel &amp; ethinyl estradiol</i>	0	
<i>desogestrel-ethinyl estradiol (biphasic)</i>	0	
<i>desogestrel-ethinyl estradiol (triphasic)</i>	0	
<i>drospirenone-ethinyl estradiol</i>	0	
<i>drospirenone-ethinyl estradiol-levomefolate calcium</i>	0	
<i>ethynodiol diacet &amp; eth estrad</i>	0	
FEMLYV TBDP	0	
<i>levonorgestrel &amp; eth estradiol TABS</i>	0	
<i>levonorgestrel-eth estradiol (triphasic)</i>	0	
<i>levonorgestrel-ethinyl estradiol (91-day) 0.03 MG-0.15 MG</i>	0	
<i>levonorgestrel-ethinyl estradiol (continuous)</i>	0	
<i>levonorgestrel-ethinyl estradiol-iron</i>	0	
LO LOESTRIN FE TABS	0	
NATAZIA	0	
NEXTSTELLIS	0	
<i>norethin acet &amp; estrad-fe CAPS</i>	0	
<i>norethin acet &amp; estrad-fe CHEW</i>	0	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>norethin acet &amp; estrad-fe TABS 1 MG-20 MCG-75 MG, 1.5 MG-30 MCG-75 MG</i>	0	
<i>norethindrone &amp; eth estradiol</i>	0	
<i>norethindrone &amp; ethinyl estradiol-fe</i>	0	
<i>norethindrone acet &amp; eth estra TABS</i>	0	
<i>norethindrone acetate-ethinyl estradiol-fe</i>	0	
<i>norethindrone-eth estradiol (triphasic)</i>	0	
<i>norgestimate-ethinyl estradiol</i>	0	
<i>norgestimate-ethinyl estradiol (triphasic)</i>	0	
<i>norgestrel &amp; ethinyl estradiol 30 MCG-0.3 MG</i>	0	
TYBLUME CHEW	0	
Combination Contraceptives - Transdermal		
<i>norelgestromin-ethinyl estradiol</i>	0	
TWIRLA	0	QL(3 ea per 28 day(s) retail)
Combination Contraceptives - Vaginal		
ANNOVERA	0	
<i>etonogestrel-ethinyl estradiol</i>	0	QL(0.05 ea daily)
Emergency Contraceptives		
ELLA	0	
<i>levonorgestrel (emergency oc) 1.5 MG</i>	0	
Progestin Contraceptives - Injectable		
DEPO-SUBQ PROVERA 104 SUSY SC	0	
<i>medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSP IM</i>	0	QL(1 ml per 90 day(s) retail)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSY IM</i>	0	QL(1 ml per 90 day(s) retail)
Progestin Contraceptives - Oral		
<i>norethindrone (contraceptive)</i>	0	
OPILL	0	
SLYND	0	QL(1 ea daily)
<b>CORTICOSTEROIDS - Steroid Hormone Drugs to Treat Systemic Swelling Conditions</b>		
Glucocorticosteroids		
<i>budesonide CPEP</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>deflazacort SUSP</i>	4	PA
<i>deflazacort TABS</i>	4	PA
DEPO-MEDROL SUSP	3	
DEXAMETHASONE INTENSOL CONC	1B	
<i>dexamethasone sodium phosphate SOLN IJ 4 MG/ML, 20 MG/5ML, 120 MG/30ML</i>	1B	
<i>dexamethasone sodium phosphate SOSY IJ 4 MG/ML</i>	1B	
<i>dexamethasone ELIX</i>	1B	
<i>dexamethasone SOLN</i>	1B	
<i>dexamethasone TABS 1 MG, 1.5 MG, 2 MG, 4 MG, 6 MG</i>	1B	
<i>dexamethasone TABS 0.5 MG, 0.75 MG</i>	1A	
EMFLAZA SUSP ( <i>deflazacort</i> )	4	PA
EMFLAZA TABS ( <i>deflazacort</i> )	4	PA
<i>hydrocortisone sod succinate 100 MG</i>	1B	2 max fill(s) per 30 day(s) retail
<i>hydrocortisone TABS</i>	1B	
MEDROL TABS	3	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>methylprednisolone acetate SUSP</i>	1B	
<i>methylprednisolone sod succ 40 MG, 125 MG, 500 MG, 1000 MG</i>	1B	
<i>methylprednisolone TABS</i>	1B	
<i>methylprednisolone TBPK</i>	1B	
<i>prednisolone sodium phosphate SOLN 5 MG/5ML, 6.7 MG/5ML, 10 MG/5ML, 15 MG/5ML, 25 MG/5ML</i>	1B	
<i>prednisolone sodium phosphate TBDP</i>	3	
<i>prednisolone SOLN</i>	1B	
<i>prednisolone TABS</i>	1B	
<i>prednisone SOLN</i>	1B	
<i>prednisone TABS 1 MG, 5 MG</i>	1B	
<i>prednisone TABS 2.5 MG, 10 MG, 20 MG, 50 MG</i>	1A	
<i>prednisone TBPK</i>	1B	
SOLU-CORTEF 250 MG	3	
SOLU-CORTEF 100 MG, 500 MG, 1000 MG	3	2 max fill(s) per 30 day(s) retail
SOLU-MEDROL 2 GM	3	
<i>triamcinolone acetonide SUSP 40 MG/ML, 200 MG/5ML, 400 MG/10ML</i>	1B	
<b>Mineralocorticoids</b>		
<i>fludrocortisone acetate TABS</i>	1B	
<b>COUGH/COLD/ALLERGY - Drugs to Treat Cough, Cold and Allergy Symptoms</b>		
<b>Antitussives</b>		
<i>benzonatate 150 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>benzonatate 100 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>benzonatate 200 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<b>Cough/Cold/Allergy Combinations</b>		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>hydrocodone polistirex-chlorpheniramine polistirex SUER</i>	1B	
TUZISTRA XR	2	PA
<b>Misc. Respiratory Inhalants</b>		
HYPERSAL NEBU	1B	
NEBUSAL NEBU	1B	
<i>sodium chloride (inhalant) NEBU 7 %</i>	1B	
<b>Mucolytics</b>		
<i>acetylcysteine SOLN</i>	1B	
<b>DERMATOLOGICALS - Drugs to Treat Skin Conditions</b>		
<b>Acne Products</b>		
<i>adapalene-benzoyl peroxide GEL 2.5 %-0.1 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); ST
<i>adapalene CREA</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); ST
<i>adapalene GEL</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); ST; RX/OTC
AZELEX	3	QL(50 gm per 30 day(s) retail; 50 gm per 30 days mail); AL(At least 12 yrs old); ST
BENZEPRO CREAMY WASH LIQD	2	AL(At least 12 yrs old); RX/OTC
BENZEPRO FOAM 5.3 %	2	AL(At least 12 yrs old); RX/OTC
<i>benzoyl peroxide-erythromycin GEL</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); PA
<i>benzoyl peroxide FOAM 5.3 %, 9.8 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); RX/OTC
<i>benzoyl peroxide GEL 5 %</i>	1B	QL(3 gm daily); AL(At least 12 yrs old)



Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>benzoyl peroxide GEL 10 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>benzoyl peroxide LIQD 4 %, 7 %, 10 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>clindamycin phosphate (topical) FOAM</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); PA
<i>clindamycin phosphate (topical) GEL</i>	1B	QL(8 gm daily)
<i>clindamycin phosphate (topical) LOTN</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>clindamycin phosphate (topical) SOLN</i>	1B	QL(4 ml daily); AL(At least 12 yrs old)
<i>clindamycin phosphate (topical) SWAB</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>clindamycin phosphate-benzoyl peroxide (refrigerate)</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); PA
<i>clindamycin phosphate-benzoyl peroxide GEL 5 %-1 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); PA
<i>clindamycin phosphate-tretinoin</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); ST
DIFFERIN LOTN	2	AL(At least 12 yrs old); ST
<i>erythromycin (acne aid) PADS</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>erythromycin (acne aid) SOLN</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>isotretinoin 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG</i>	3	AL(At least 12 yrs old); PA
PR BENZOYL PEROXIDE WASH LIQD	2	AL(At least 12 yrs old); RX/OTC
<i>sulfacetamide sodium (acne)</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>sulfacetamide sodium w/ sulfur CREA 10 %-5 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 9 %-4.5 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); ST
<i>sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 10 %-5 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>sulfacetamide sodium-sulfur in urea vehicle EMUL 10 %-10 %-4 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>tretinoin microsphere 0.1 %</i>	1B	QL(3 gm daily); AL(At least 12 yrs old - Up to 30 yrs old); PA
<i>tretinoin CREA 0.025 %, 0.05 %, 0.1 %</i>	1B	QL(3 gm daily); AL(At least 12 yrs old - Up to 30 yrs old); PA
<i>tretinoin GEL 0.01 %, 0.025 %</i>	1B	QL(3 gm daily); AL(At least 12 yrs old - Up to 30 yrs old); PA
<b>Agents for External Genital and Perianal Warts</b>		
VEREGEN	3	QL(1 gm daily)
<b>Antibiotics - Topical</b>		
ALTABAX	2	QL(15 gm per 30 day(s) retail; 15 gm per 30 days mail)
<i>gentamicin sulfate (topical) CREA</i>	1B	QL(1 gm daily)
<i>gentamicin sulfate (topical) OINT</i>	1B	
<i>mupirocin OINT</i>	1B	QL(6 gm daily)
NEO-SYNALAR	3	QL(60 gm per 30 day(s) retail; 60 gm per 30 days mail); PA
<b>Antifungals - Topical</b>		
<i>butenafine hcl</i>	1B	QL(6 gm daily); RX/OTC
<i>ciclopirox olamine CREA</i>	1B	QL(90 gm per fill retail); 1 max fill(s) per 30 day(s) retail
<i>ciclopirox olamine SUSP</i>	1B	
<i>ciclopirox GEL</i>	1B	QL(3.35 gm daily)
<i>ciclopirox SHAM</i>	1B	QL(10 ml daily)
<i>ciclopirox SOLN</i>	1B	QL(0.22 ml daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>clotrimazole (topical) CREA</i>	1B	QL(4.5 gm daily); RX/OTC	<i>oxiconazole nitrate CREA</i>	1B	Limit 1 Fill per 180 days; QL(3 gm daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
<i>clotrimazole (topical) SOLN</i>	1B	QL(10 ml daily); RX/OTC			
<i>clotrimazole w/ betamethasone CREA</i>	1B	QL(8 gm daily)			
<i>clotrimazole w/ betamethasone LOTN</i>	1B				
<i>econazole nitrate CREA</i>	1B	QL(85 gm per fill retail; 85 per fill mail)	OXISTAT LOTN	2	Limit 1 Fill per 180 days; QL(2 ml daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
ERTACZO	3	QL(2.15 gm daily)	<i>sulconazole nitrate CREA</i>	1B	
<i>ketoconazole (topical) CREA</i>	1B	QL(10 gm daily)	<i>sulconazole nitrate SOLN</i>	1B	1 max fill(s) per 90 day(s) retail; 1 max fill(s) per 90 day(s) mail
<i>ketoconazole (topical) SHAM 2 %</i>	1B	QL(20 ml daily)	<i>tavaborole</i>	1B	PA
<i>luliconazole</i>	1B	PA	Anti-inflammatory Agents - Topical		
<i>naftifine hcl CREA 2 %</i>	1B	QL(2 gm daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail	<i>diclofenac epolamine PTCH EX</i>	1B	QL(2 ea daily); PA
<i>naftifine hcl CREA 1 %</i>	1B	QL(3 gm daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail	<i>diclofenac sodium (topical) GEL EX</i>	1B	QL(3.34 gm daily); RX/OTC
<i>nystatin (topical) CREA</i>	1B	QL(10 gm daily)	Antineoplastic or Premalignant Lesion Agents - Topical		
<i>nystatin (topical) OINT</i>	1B	QL(6 gm daily)	<i>bexarotene (topical)</i>	4	SP; PA
<i>nystatin (topical) POWD EX</i>	1B	QL(10 gm daily)	<i>diclofenac sodium (actinic keratoses) EX</i>	1B	QL(3.34 gm daily); PA
<i>nystatin-triamcinolone CREA</i>	1B	QL(10 gm daily)	<i>fluorouracil (topical) CREA 5 %</i>	1B	QL(4 gm daily)
<i>nystatin-triamcinolone OINT</i>	1B	QL(4 gm daily)	<i>fluorouracil (topical) SOLN</i>	1B	QL(2 ml daily)
			PANRETIN	3	QL(60 gm per 30 day(s) retail; 60 gm per 30 days mail)
			Antipruritics - Topical		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>doxepin hcl (antipruritic)</i>	3	QL(45 gm per fill retail; 45 per fill mail); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA
<b>Antipsoriatics</b>		
<i>acitretin 10 MG, 17.5 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>acitretin 25 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>calcipotriene CREA</i>	1B	QL(4 gm daily); PA
<i>calcipotriene OINT</i>	1B	QL(4 gm daily); PA
<i>calcipotriene SOLN</i>	1B	QL(4 ml daily); PA
<i>calcitriol (topical)</i>	1B	QL(3.34 gm daily)
COSENTYX SENSOREADY PEN SOAJ	4	QL(0.072 ml daily); PA
COSENTYX UNOREADY SOAJ	4	QL(0.072 ml daily); PA
COSENTYX SOSY 150 MG/ML	4	QL(0.072 ml daily); PA
COSENTYX SOSY 150 MG/ML	4	QL(0.036 ml daily); PA
COSENTYX SOSY 75 MG/0.5ML	4	QL(0.18 ml daily); PA
<i>methoxsalen rapid</i>	1B	QL(4 ea daily)
SKYRIZI PEN SOAJ	4	QL(0.025 ml daily); PA
SKYRIZI SOSY	4	QL(0.025 ml daily); PA
STELARA SOLN 45 MG/0.5ML	4	QL(0.012 ml daily); PA
STELARA SOSY 45 MG/0.5ML	4	QL(0.012 ml daily); PA
STELARA SOSY 90 MG/ML	4	QL(0.018 ml daily); SP; PA
<i>tazarotene CREA 0.1 %</i>	1B	QL(1 gm daily)
TREMFYA SOAJ 100 MG/ML	4	QL(0.018 ml daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
TREMFYA SOAJ 200 MG/2ML	4	QL(0.072 ml daily); PA
TREMFYA SOLN	4	QL(0.72 ml daily); PA
TREMFYA SOSY 100 MG/ML	4	QL(0.018 ml daily); PA
TREMFYA SOSY 200 MG/2ML	4	QL(0.072 ml daily); PA
<b>Antiseborrheic Products</b>		
<i>selenium sulfide LOTN 2.5 %</i>	1B	
<b>Antivirals - Topical</b>		
<i>acyclovir topical CREA</i>	1B	1 package(s) per fill retail; 1 package(s) per fill mail
<i>acyclovir topical OINT</i>	1B	1 package(s) per fill retail; 1 package(s) per fill mail
<i>penciclovir</i>	3	QL(0.18 gm daily)
<b>Burn Products</b>		
<i>mafenide acetate PACK</i>	3	
<i>silver sulfadiazine</i>	1B	QL(20 gm daily)
SULFAMYLON CREA	3	
<b>Corticosteroids - Topical</b>		
<i>alclometasone dipropionate CREA</i>	1B	QL(2 gm daily)
<i>alclometasone dipropionate OINT</i>	1B	QL(3 gm daily)
<i>amcinonide CREA</i>	1B	QL(60 gm per fill retail; 60 per fill mail); 1 max fill(s) per 30 day(s) retail; 1 max fill(s) per 30 day(s) mail
<i>amcinonide LOTN</i>	3	
<i>amcinonide OINT</i>	3	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>betamethasone dipropionate (topical) CREA</i>	1B	QL(3 gm daily)	<i>clocortolone pivalate</i>	3	QL(3 gm daily)
<i>betamethasone dipropionate (topical) LOTN</i>	1B		CORDRAN TAPE	3	1 package(s) per 30 day(s) retail; 1 package(s) per 30 day(s) mail
<i>betamethasone dipropionate (topical) OINT</i>	1B	QL(3 gm daily)	<i>desonide CREA</i>	1B	QL(4 gm daily)
<i>betamethasone dipropionate augmented CREA</i>	1B	QL(3.5 gm daily)	<i>desonide LOTN</i>	1B	QL(4 ml daily)
<i>betamethasone dipropionate augmented LOTN</i>	1B	QL(5 ml daily)	<i>desonide OINT</i>	1B	QL(3 gm daily)
<i>betamethasone dipropionate augmented OINT</i>	1B	QL(3.5 gm daily)	<i>desoximetasone CREA 0.25 %</i>	1B	QL(4 gm daily)
<i>betamethasone valerate CREA</i>	1B	QL(2.5 gm daily)	<i>desoximetasone GEL</i>	1B	QL(3 gm daily)
<i>betamethasone valerate FOAM</i>	1B	QL(1.67 gm daily)	<i>desoximetasone OINT 0.25 %</i>	1B	QL(4 gm daily)
<i>betamethasone valerate LOTN</i>	1B	QL(5 ml daily)	<i>diflorasone diacetate CREA</i>	1B	PA
<i>betamethasone valerate OINT</i>	1B	QL(3 gm daily)	<i>diflorasone diacetate OINT</i>	1B	PA
<i>calcipotriene-betamethasone dipropionate OINT</i>	1B	ST	<i>fluocinolone acetonide CREA 0.01 %</i>	1B	
<i>calcipotriene-betamethasone dipropionate SUSP</i>	1B	ST	<i>fluocinolone acetonide CREA 0.025 %</i>	1B	QL(4 gm daily)
<i>clobetasol propionate emollient base 0.05 %</i>	1B	QL(1 gm daily); PA	<i>fluocinolone acetonide OIL</i>	1B	QL(8 ml daily)
<i>clobetasol propionate CREA 0.05 %</i>	1B	QL(3 gm daily); PA	<i>fluocinolone acetonide OINT</i>	1B	QL(4 gm daily)
<i>clobetasol propionate FOAM</i>	1B	QL(3 gm daily); ST	<i>fluocinolone acetonide SOLN</i>	1B	QL(4 ml daily)
<i>clobetasol propionate GEL 0.05 %</i>	1B	QL(2 gm daily); ST	<i>fluocinonide emulsified base</i>	1B	QL(2 gm daily)
<i>clobetasol propionate OINT 0.05 %</i>	1B	QL(1 gm daily); PA	<i>fluocinonide CREA 0.1 %</i>	1B	QL(4 gm daily)
<i>clobetasol propionate SOLN 0.05 %</i>	1B	QL(3.34 ml daily); PA	<i>fluocinonide CREA 0.05 %</i>	1B	QL(2 gm daily)
			<i>fluocinonide GEL</i>	1B	
			<i>fluocinonide OINT</i>	1B	QL(2 gm daily)
			<i>fluocinonide SOLN</i>	1B	QL(2 ml daily)
			<i>flurandrenolide CREA</i>	2	QL(2 gm daily)
			<i>flurandrenolide LOTN</i>	2	QL(2 ml daily)
			<i>fluticasone propionate CREA 0.05 %</i>	1B	QL(4 gm daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>fluticasone propionate</i> LOTN	1B	QL(6 ml daily)
<i>fluticasone propionate</i> OINT	1B	QL(4 gm daily)
<i>halcinonide</i> CREA	1B	PA
<i>halobetasol propionate</i> CREA	1B	QL(3.5 gm daily)
<i>halobetasol propionate</i> OINT	1B	QL(3.5 gm daily)
HALOG OINT	3	PA
<i>hydrocortisone (topical)</i> CREA 1 %, 2.5 %	1B	QL(15.15 ea daily); RX/OTC
<i>hydrocortisone (topical)</i> LOTN 2.5 %	1B	
<i>hydrocortisone (topical)</i> OINT 1 %, 2.5 %	1B	QL(15.15 gm daily); RX/OTC
<i>hydrocortisone butyrate</i> CREA	1B	QL(3 gm daily)
<i>hydrocortisone butyrate</i> OINT	1B	QL(3 gm daily)
<i>hydrocortisone butyrate</i> SOLN	1B	QL(5 ml daily)
<i>hydrocortisone valerate</i> CREA	1B	
<i>hydrocortisone valerate</i> OINT	1B	
<i>mometasone furoate</i> CREA	1B	QL(3 gm daily)
<i>mometasone furoate</i> OINT	1B	QL(4 gm daily)
<i>mometasone furoate</i> SOLN	1B	QL(5 ml daily)
<i>prednicarbate</i> OINT	1B	
<i>triamcinolone acetonide (topical)</i> CREA 0.5 %	1B	QL(5 gm daily)
<i>triamcinolone acetonide (topical)</i> CREA 0.025 %	1B	QL(15.15 gm daily)
<i>triamcinolone acetonide (topical)</i> CREA 0.1 %	1B	QL(3.34 gm daily)
<i>triamcinolone acetonide (topical)</i> LOTN 0.025 %	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>triamcinolone acetonide (topical)</i> LOTN 0.1 %	1B	QL(6 ml daily)
<i>triamcinolone acetonide (topical)</i> OINT 0.5 %	1B	QL(6 gm daily)
<i>triamcinolone acetonide (topical)</i> OINT 0.025 %, 0.1 %	1B	QL(15.15 gm daily)
<b>Eczema Agents</b>		
DUPIXENT SOAJ 200 MG/1.14ML	4	QL(0.082 ml daily); PA
DUPIXENT SOAJ 300 MG/2ML	4	QL(0.29 ml daily); PA
DUPIXENT SOSY 100 MG/0.67ML	4	QL(0.048 ml daily); PA
DUPIXENT SOSY 300 MG/2ML	4	QL(0.29 ml daily); PA
DUPIXENT SOSY 200 MG/1.14ML	4	QL(0.082 ml daily); PA
<b>Emollients</b>		
<i>lactic acid (ammonium lactate)</i> CREA	1B	QL(12.9 gm daily); RX/OTC
<i>lactic acid (ammonium lactate)</i> LOTN 12 %	1B	RX/OTC
<b>Enzymes - Topical</b>		
SANTYL OINT	3	PA
<b>Immunomodulating Agents - Topical</b>		
<i>imiquimod</i> 5 %	1B	QL(12 ea per fill retail; 12 per fill mail)
<b>Immunosuppressive Agents - Topical</b>		
<i>pimecrolimus</i>	1B	QL(3 gm daily); AL(At least 2 yrs old); PA
<i>tacrolimus (topical)</i> OINT	1B	AL(At least 2 yrs old); PA
<b>Keratolytic/Antimitotic/Vesicant Agents</b>		
<i>podofilox</i> SOLN	1B	
<b>Local Anesthetics - Topical</b>		
<i>lidocaine hcl</i> GEL 2 %	1B	QL(4 ml daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>lidocaine hcl PRSY</i>	1B	QL(4 ml daily)	GLUCAGEN DIAGNOSTIC	3	QL(0.035 ea daily)
<i>lidocaine hcl SOLN</i>	1B	QL(10 ml daily)	THYROGEN 0.9 MG	3	1 max fill(s) per 365 day(s) retail; 1 max fill(s) per 365 day(s) mail; PA
<i>lidocaine-prilocaine CREA</i>	1B	QL(1 gm daily)	<b>Diagnostic Tests</b>		
<i>lidocaine PTCH 5 %</i>	1B	PA	CHEMSTRIP-K STRP	1B	
SYNERA PTCH	3	QL(10 ea per fill retail; 10 per fill mail); 1 max fill(s) per 30 day(s) retail; 1 max fill(s) per 30 day(s) mail	FORA GTEL BLOOD KETONE TEST STRIPS	1B	
<b>Phosphodiesterase 4 (PDE4) Inhibitors - Topical</b>			FORA TEST N' GO ADVANCE/VOICE/6 CONNECT	1B	
EUCRISA	3	QL(2 gm daily); PA	GOJJI BLOOD KETONE TEST STRIPS	1B	
<b>Rosacea Agents</b>			KETONE TEST STRIPS STRP	1B	
<i>azelaic acid GEL</i>	1B	QL(1.67 gm daily)	KETONE STRP	1B	
<i>brimonidine tartrate (topical)</i>	3	QL(1 gm daily); PA	KETOSTIX STRP	1B	
<i>metronidazole (topical) CREA</i>	1B	QL(3 gm daily)	NOVA MAX PLUS KETONE TESTSTRIPS	1B	
<i>metronidazole (topical) GEL 1 %</i>	1B	QL(5 gm daily)	PRECISION XTRA	1B	
<i>metronidazole (topical) GEL 0.75 %</i>	1B	QL(3 gm daily)	RELION KETONE TEST STRIPS STRP	1B	
<i>metronidazole (topical) LOTN</i>	1B		RELION TRUE METRIX BLOODGLUCOSE TEST STRIPS STRP	1B	QL(3.34 ea daily); RX/OTC
<b>Scabicides &amp; Pediculicides</b>			TRUE METRIX BLOOD GLUCOSE TEST STRIPS STRP	1B	Limit 100 per month; QL(3.34 ea daily); RX/OTC
<i>crotamiton LOTN</i>	1B	PA	TRUE METRIX SELF MONITORING BLOOD GLUCOSE STRIPS STRP	1B	QL(3.34 ea daily); RX/OTC
<i>ivermectin (pediculicide)</i>	1B	PA	TRUETRACK TEST STRP	1B	Limit 100 per month; QL(3.34 ea daily); RX/OTC
<i>malathion</i>	1B		<b>DIGESTIVE AIDS - Drugs to Treat Low Digestive Enzymes</b>		
<i>permethrin CREA</i>	1B		<b>Digestive Enzymes</b>		
<i>permethrin LIQD EX</i>	1B				
<i>spinosad</i>	1B	PA			
<b>Wound Care Products</b>					
REGRANEX	3	QL(0.5 gm daily)			
<b>DIAGNOSTIC PRODUCTS</b>					
<b>Diagnostic Drugs</b>					

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
CREON CPEP	2	Non-FDA approved uses require Prior Authorization	<i>amiloride &amp; hydrochlorothiazide</i>	1B	
PANCREAZE CPEP 149900 UNIT-97300 UNIT-37000 UNIT, 15200 UNIT-8800 UNIT-2600 UNIT, 24600 UNIT-14200 UNIT-4200 UNIT, 61500 UNIT-35500 UNIT-10500 UNIT, 83900 UNIT-54700 UNIT-21000 UNIT, 98400 UNIT-56800 UNIT-16800 UNIT	3	Non-FDA approved uses require Prior Authorization	<i>spironolactone &amp; hydrochlorothiazide</i>	1B	
ZENPEP CPEP 105000 UNIT-79000 UNIT-25000 UNIT, 14000 UNIT-10000 UNIT-3000 UNIT, 168000 UNIT-126000 UNIT-40000 UNIT, 24000 UNIT-17000 UNIT-5000 UNIT, 42000 UNIT-32000 UNIT-10000 UNIT, 63000 UNIT-47000 UNIT-15000 UNIT, 84000 UNIT-63000 UNIT-20000 UNIT	2	Non-FDA approved uses require Prior Authorization	<i>triamterene &amp; hydrochlorothiazide CAPS 25 MG-37.5 MG</i>	1B	
ZENPEP CPEP 252600 UNIT-189600 UNIT-60000 UNIT	2		<i>triamterene &amp; hydrochlorothiazide TABS</i>	1B	
<b>DIURETICS - Drugs to Treat Heart, Circulation Conditions and Blood Pressure</b>			<b>Loop Diuretics</b>		
<b>Carbonic Anhydrase Inhibitors</b>			<i>bumetanide SOLN 0.25 MG/ML</i>		
<i>acetazolamide sodium</i>	1B		<i>bumetanide TABS</i>	1B	QL(5 ea daily)
<i>acetazolamide CP12</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>ethacrynic acid</i>	1B	QL(16 ea daily)
<i>acetazolamide TABS 125 MG</i>	1B	QL(8 ea daily)	<i>furosemide SOLN OR 10 MG/ML, 40 MG/5ML</i>	1B	
<i>acetazolamide TABS 250 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)	<i>furosemide TABS</i>	1B	
<i>dichlorphenamide</i>	4	QL(4 ea daily); PA	<i>torseamide TABS</i>	1B	
<i>methazolamide TABS</i>	1B	QL(6 ea daily)	<b>Potassium Sparing Diuretics</b>		
<b>Diuretic Combinations</b>			<i>amiloride hcl TABS</i>	1B	
			<i>spironolactone TABS</i>	1B	
			<i>triamterene CAPS</i>	1B	QL(3 ea daily)
			<b>Thiazides and Thiazide-Like Diuretics</b>		
			<i>chlorthalidone 25 MG, 50 MG</i>	1B	
			<i>hydrochlorothiazide CAPS</i>	1B	QL(2 ea daily)
			<i>hydrochlorothiazide TABS 12.5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
			<i>hydrochlorothiazide TABS 25 MG, 50 MG</i>	1A	QL(2 ea daily)
			<i>indapamide TABS 1.25 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
			<i>indapamide TABS 2.5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
			<i>metolazone</i>	1B	QL(2 ea daily)
			<b>ENDOCRINE AND METABOLIC AGENTS - MISC.</b>		
			<b>- Drugs to Treat Bone Disease and Regulate Hormones</b>		
			<b>Bone Density Regulators</b>		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>alendronate sodium TABS 35 MG, 70 MG</i>	1B	QL(0.143 ea daily)
<i>alendronate sodium TABS 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>calcitonin (salmon) NA</i>	1B	QL(0.14 ml daily)
FORTEO SOPN ( <i>teriparatide</i> )	4	QL(0.09 ml daily); SP; PA
FOSAMAX PLUS D	3	QL(0.143 ea daily); PA
<i>ibandronate sodium SOLN</i>	4	SP; PA
<i>ibandronate sodium TABS</i>	1B	QL(0.036 ea daily)
<i>pamidronate disodium SOLN 30 MG/10ML, 90 MG/10ML</i>	4	SP; PA
PAMIDRONATE DISODIUM SOLN	4	SP; PA
PROLIA SOSY	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; SP; PA
<i>risedronate sodium TABS 35 MG</i>	1B	QL(0.143 ea daily); PA
<i>risedronate sodium TABS 5 MG, 30 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
<i>risedronate sodium TABS 150 MG</i>	1B	QL(0.036 ea daily); PA
<i>risedronate sodium TBEC</i>	1B	PA
<i>teriparatide SOPN</i>	4	QL(0.09 ml daily); SP; PA
TERIPARATIDE SOPN	4	QL(0.09 ml daily); PA
TYMLOS	4	PA
XGEVA SOLN	4	SP; PA
<i>zoledronic acid CONC</i>	4	SP; PA
<i>zoledronic acid SOLN</i>	4	SP; PA
Corticotropin		
ACTHAR GEL	3	PA
Fertility Regulators		
CHORIONIC GONADOTROPIN IM	4	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
GnRH/LHRH Antagonists		
<i>ganirelix acetate</i>	4	PA
ORLISSA	2	PA
Growth Hormone Receptor Antagonists		
SOMAVERT 10 MG, 15 MG, 20 MG	4	SP; PA
Growth Hormone Releasing Hormones (GHRH)		
EGRIFTA 2 MG	4	PA
EGRIFTA SV	4	PA
Growth Hormones		
GENOTROPIN MINIQUICK PRSY	4	PA
GENOTROPIN CART SC	4	PA
HUMATROPE CART IJ	4	SP; PA
NORDITROPIN FLEXPRO SOPN 30 MG/3ML	4	PA
NORDITROPIN FLEXPRO SOPN 5 MG/1.5ML, 10 MG/1.5ML, 15 MG/1.5ML	4	SP; PA
ZORBTIVE SC	4	SP; PA
Hormone Receptor Modulators		
OSPHENA	3	PA
<i>raloxifene hcl</i>	0	QL(1 ea daily)
Insulin-Like Growth Factors (Somatomedins)		
INCRELEX	4	SP; PA
LHRH/GnRH Agonist Analog Pituitary Suppressants		
FENSOLVI SC	4	SP; PA
LUPRON DEPOT-PED (1-MONTH)	4	SP; PA
LUPRON DEPOT-PED (3-MONTH) 11.25 MG	4	PA
LUPRON DEPOT-PED (3-MONTH) 30 MG	4	SP; PA
SYNAREL	4	SP; PA
Metabolic Modifiers		



Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ALDURAZYME	4	SP; PA
<i>betaine</i>	4	SP; PA
<i>calcitriol CAPS</i>	1B	
<i>calcitriol SOLN IV</i>	1B	
<i>cinacalcet hcl</i>	4	QL(4 ea daily); SP; PA
<i>doxercalciferol CAPS</i>	1B	
<i>doxercalciferol SOLN</i>	1B	
ELAPRASE	4	SP; PA
GALAFOLD	4	QL(0.5 ea daily); PA
LUMIZYME	4	SP; PA
MYALEPT	4	PA
NAGLAZYME	4	SP; PA
<i>nitisinone CAPS</i>	4	PA
<i>paricalcitol CAPS</i>	1B	
<i>paricalcitol SOLN</i>	1B	
PHEBURANE PLLT	4	PA
<i>sapropterin dihydrochloride PACK</i>	4	PA
<i>sapropterin dihydrochloride TABS</i>	4	PA
<i>sodium phenylbutyrate POWD</i>	1B	PA
<i>sodium phenylbutyrate TABS</i>	1B	PA
STRENSIQ	4	PA
Posterior Pituitary Hormones		
<i>desmopressin acetate spray</i>	1B	
<i>desmopressin acetate spray refrigerated</i>	1B	
<i>desmopressin acetate SOLN IJ</i>	1B	PA
DESMOPRESSIN ACETATE SOLN NA	4	SP; PA
<i>desmopressin acetate TABS 0.2 MG</i>	1B	QL(8 ea daily)
<i>desmopressin acetate TABS 0.1 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Prolactin Inhibitors		
<i>cabergoline</i>	1B	
Somatostatic Agents		
<i>octreotide acetate KIT</i>	4	PA
<i>octreotide acetate SOLN</i>	4	SP; PA
SANDOSTATIN LAR DEPOT KIT	4	PA
SANDOSTATIN LAR DEPOT KIT ( <i>octreotide acetate</i> )	4	PA
SIGNIFOR	4	PA
Vasopressin Receptor Antagonists		
JYNARQUE TBPK	4	SP; PA
<i>tolvaptan TABS</i>	4	QL(2 ea daily); SP; PA
<b>ESTROGENS - Hormone Replacement/Modifying Drugs</b>		
Estrogen Combinations		
CLIMARA PRO	3	
DUAVEE	3	PA
<i>norethindrone acetate-ethinyl estradiol</i>	1B	
PREMPHASE	2	
PREMPRO	2	QL(1 ea daily)
Estrogens		
DELESTROGEN 10 MG/ML ( <i>estradiol valerate</i> )	1B	
DEPO-ESTRADIOL	3	
ELESTRIN GEL	3	
<i>estradiol valerate</i>	1B	
<i>estradiol GEL 0.06 %</i>	3	
<i>estradiol GEL 0.25 MG/0.25GM, 0.5 MG/0.5GM, 0.75 MG/0.75GM, 1 MG/GM, 1.25 MG/1.25GM</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>estradiol PTTW</i>	1B	QL(0.286 ea daily)
<i>estradiol PTWK</i>	1B	
<i>estradiol TABS</i>	1B	
ESTROGEL GEL ( <i>estradiol</i> )	3	
EVAMIST SOLN	3	
MENEST	3	
MENOSTAR PTWK	3	
PREMARIN SOLR	2	
PREMARIN TABS	2	QL(1 ea daily)
<b>FLUOROQUINOLONES - Drugs to Treat Bacterial Infections</b>		
Fluoroquinolones		
BAXDELA SOLR	3	PA
BAXDELA TABS	3	PA
<i>ciprofloxacin hcl TABS</i>	1B	
<i>ciprofloxacin in d5w 5 %-200 MG/100ML</i>	3	
<i>ciprofloxacin SUSR 5 GM/100ML, 500 MG/5ML</i>	1B	2 max fill(s) per 30 day(s) retail
CIPRO SUSR	2	2 max fill(s) per 30 day(s) retail
<i>levofloxacin in d5w 5 %-500 MG/100ML</i>	1B	
<i>levofloxacin SOLN OR</i>	1B	
<i>levofloxacin TABS 250 MG, 750 MG</i>	1B	
<i>levofloxacin TABS 500 MG</i>	1A	
<i>moxifloxacin hcl in sodium chloride</i>	1B	
<i>moxifloxacin hcl TABS</i>	1B	
<i>ofloxacin 300 MG, 400 MG</i>	1B	
<b>GASTROINTESTINAL AGENTS - MISC. - Miscellaneous Gastrointestinal Drugs</b>		
Bile Acid Synthesis Disorder Agents		
CHOLBAM	4	SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Gallstone Solubilizing Agents		
<i>ursodiol CAPS</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>ursodiol TABS</i>	1B	
Gastrointestinal Chloride Channel Activators		
<i>lubiprostone</i>	1B	QL(2 ea daily)
Gastrointestinal Stimulants		
<i>metoclopramide hcl SOLN OR 5 MG/5ML, 10 MG/10ML</i>	1B	QL(60 ml daily)
<i>metoclopramide hcl SOLN IJ 5 MG/ML</i>	1B	
<i>metoclopramide hcl TABS</i>	1A	QL(6 ea daily)
Inflammatory Bowel Agents		
<i>balsalazide disodium CAPS</i>	1B	QL(9 ea daily)
DIPENTUM	2	
INFLECTRA SOLR	4	PA
<i>mesalamine CP24</i>	1B	
<i>mesalamine CPDR</i>	1B	
<i>mesalamine ENEM</i>	3	
<i>mesalamine SUPP</i>	3	
<i>mesalamine TBEC 800 MG</i>	3	QL(6 ea daily)
<i>mesalamine TBEC 1.2 GM</i>	3	
RENFLEXIS	4	PA
SKYRIZI SOCT	4	QL(0.043 ml daily); PA
SKYRIZI SOLN	4	QL(0.36 ml daily); PA
STELARA 130 MG/26ML	4	QL(3.47 ml daily); PA
<i>sulfasalazine TABS</i>	1B	
<i>sulfasalazine TBEC</i>	1B	
Intestinal Acidifiers		
<i>lactulose (encephalopathy)</i>	1B	
Irritable Bowel Syndrome (IBS) Agents		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>alosetron hcl</i>	1B	QL(2 ea daily)
LINZESS	2	QL(1 ea daily)
Peripheral Opioid Receptor Antagonists		
<i>alvimopan</i>	1B	
MOVANTIK	3	QL(1 ea daily); PA
Phosphate Binder Agents		
<i>calcium acetate (phosphate binder) CAPS</i>	1B	
<i>calcium acetate (phosphate binder) TABS</i>	1B	RX/OTC
<i>lanthanum carbonate CHEW</i>	1B	
PHOSLYRA SOLN	2	
<i>sevelamer carbonate PACK</i>	1B	
<i>sevelamer carbonate TABS</i>	1B	
<b>GENITOURINARY AGENTS - MISCELLANEOUS -</b>		
Miscellaneous Drugs to Treat Reproductive Organs and Urinary System		
Alkalinizers		
<i>potassium citrate (alkalinizer) TBCR</i>	1B	
<i>sodium citrate &amp; citric acid</i>	1B	RX/OTC
Cystinosis Agents		
CYSTAGON CAPS	3	PA
Genitourinary Irrigants		
<i>acetic acid 0.25 %</i>	1B	
<i>glycine (gu irrigant) SOLN 1.5 %</i>	1B	
<i>sodium chloride (gu irrigant) 0.9 %</i>	1B	
SORBITOL 3 %	1B	
SORBITOL/MANNITOL IRRIGATION	1B	
Interstitial Cystitis Agents		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ELMIRON CAPS	2	QL(3 ea daily)
Prostatic Hypertrophy Agents		
<i>alfuzosin hcl</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>dutasteride</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>finasteride</i>	1B	5 mg only
<i>silodosin</i>	1B	
<i>tamsulosin hcl</i>	1B	
Urinary Analgesics		
<i>phenazopyridine hcl TABS 100 MG, 100 MG, 200 MG</i>	1B	
Urinary Stone Agents		
THIOLA EC TBEC 300 MG ( <i>tiopronin</i> )	3	QL(10 ea daily); PA
THIOLA EC TBEC 100 MG ( <i>tiopronin</i> )	3	QL(3 ea daily); PA
<i>tiopronin TBEC 300 MG</i>	3	QL(10 ea daily); PA
<i>tiopronin TBEC 100 MG</i>	3	QL(3 ea daily); PA
<b>GOUT AGENTS - Drugs to Treat Gout</b>		
Gout Agent Combinations		
<i>colchicine w/ probenecid</i>	1B	
Gout Agents		
<i>allopurinol 100 MG, 300 MG</i>	1B	
<i>colchicine TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>febuxostat</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
Uricosurics		
<i>probenecid</i>	1B	
<b>HEMATOLOGICAL AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Blood Disorders</b>		
Antihemophilic Products		
ADVATE	4	PA
ADYNOVATE	4	PA
AFSTYLA	4	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ALPROLIX	4	PA
ALTUVIIIIO	4	PA
BENEFIX KIT	4	PA
ELOCTATE	4	PA
ESPEROCT	4	PA
IDELVION	4	PA
JIVI	4	PA
KOGENATE FS KIT	4	PA
KOVALTRY	4	PA
NOVOEIGHT	4	PA
XYNTHA	4	PA
XYNTHA SOLOFUSE	4	PA
Bradykinin B2 Receptor Antagonists		
<i>icatibant acetate SOLN</i>	4	QL(9 ml daily); PA
<i>icatibant acetate SOSY</i>	4	QL(9 ml daily); PA
Complement Inhibitors		
HAEGARDA SOLR SC	4	PA
Hemataologic - Tyrosine Kinase Inhibitors		
TAVALISSE	4	QL(2 ea daily); SP; PA
Hematorheologic Agents		
<i>pentoxifylline</i>	1B	QL(3 ea daily)
Plasma Kallikrein Inhibitors		
ORLADEYO	4	PA
TAKHZYRO SOLN	4	PA
TAKHZYRO SOSY	4	PA
Platelet Aggregation Inhibitors		
<i>anagrelide hcl</i>	1B	
<i>aspirin-dipyridamole</i>	1B	QL(2 ea daily); PA
BRILINTA	2	QL(2 ea daily)
CABLIVI	4	PA
<i>cilostazol</i>	1B	
<i>clopidogrel bisulfate 300 MG</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>clopidogrel bisulfate 75 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>dipyridamole</i>	1B	
<i>prasugrel hcl</i>	1B	QL(1 ea daily)
ZONTIVITY	3	PA
<b>HEMATOPOIETIC AGENTS - Drugs to Treat Blood Disorders</b>		
Agents for Gaucher Disease		
CERDELGA	4	QL(2 ea daily); PA
CEREZYME 400 UNIT	4	SP; PA
<i>miglustat</i>	4	QL(3 ea daily); SP; PA
Agents for Sickle Cell Disease		
DROXIA CAPS	3	
OXBRYTA TABS 500 MG	4	PA
Cobalamins		
<i>cyanocobalamin SOLN IJ 1000 MCG/ML</i>	1B	QL(1 ml daily)
Folic Acid/Folates		
<i>folic acid TABS</i>	0	
Hematopoietic Growth Factors		
ARANESP ALBUMIN FREE SOLN 25 MCG/ML	4	SP
ARANESP ALBUMIN FREE SOLN 40 MCG/ML, 60 MCG/ML, 100 MCG/ML	4	SP; PA
ARANESP ALBUMIN FREE SOSY 150 MCG/0.3ML, 200 MCG/0.4ML, 300 MCG/0.6ML, 500 MCG/ML	4	SP; PA
DOPTELET	4	QL(3 ea daily); PA
EPOGEN 2000 UNIT/ML, 3000 UNIT/ML, 4000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML	4	SP; PA
LEUKINE SOLR IJ	4	SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
MIRCERA	4	PA
MULPLETA	4	QL(1 ea daily); PA
NYVEPRIA	4	PA
PROCRIT 40000 UNIT/ML	4	SP; PA
PROCRIT 2000 UNIT/ML, 3000 UNIT/ML, 4000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML	4	SP; PA
PROCRIT 2000 UNIT/ML, 3000 UNIT/ML, 4000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML	4	SP; PA
PROMACTA PACK	4	QL(1 ea daily); PA
PROMACTA TABS	4	QL(1 ea daily); PA
RETACRIT	4	PA
UDENYCA ONBODY SOSY	4	PA
UDENYCA SOAJ	4	PA
UDENYCA SOSY	4	PA
ZARXIO	4	PA
ZIEXTENZO	4	PA
Hematopoietic Mixtures		
<i>ferrous fumarate-folic acid</i>	1B	QL(1 ea daily)
Iron		
<i>ferrous sulfate SOLN 15 MG/ML</i>	0	AL(Up to 1 yrs old)
<i>ferrous sulfate TABS 65 MG, 325 MG</i>	0	
<i>ferrous sulfate TBEC 325 MG</i>	0	
Stem Cell Mobilizers		
MOZOBIL ( <i>plerixafor</i> )	4	SP; PA
<i>plerixafor</i>	4	SP; PA
<b>HEMOSTATICS - Drugs to Stop Bleeding/Treat Blood Disorders</b>		
Hemostatics - Systemic		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>aminocaproic acid TABS</i>	1B	PA
<i>tranexamic acid SOLN 1000 MG/10ML</i>	1B	
<i>tranexamic acid TABS</i>	1B	
<b>HYPNOTICS/SEDATIVES/SLEEP DISORDER AGENTS</b>		
Barbiturate Hypnotics		
<i>phenobarbital ELIX</i>	1B	
<i>phenobarbital TABS</i>	1B	
Hypnotics - Tricyclic Agents		
<i>doxepin hcl (sleep)</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
Non-Barbiturate Hypnotics		
<i>estazolam</i>	1B	
<i>eszopiclone</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 18 yrs old); ST
<i>flurazepam hcl</i>	1B	PA
<i>temazepam 15 MG, 30 MG</i>	1A	QL(1 ea daily)
<i>temazepam 7.5 MG, 22.5 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>triazolam</i>	1B	
<i>zaleplon 5 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>zaleplon 10 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>zolpidem tartrate TABS</i>	1A	QL(1 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>zolpidem tartrate TBCR</i>	1B	QL(1 ea daily)
Orexin Receptor Antagonists		
BELSOMRA	3	PA
Selective Melatonin Receptor Agonists		
<i>ramelteon</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
<b>LAXATIVES - Bowel Treatment Drugs</b>		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<b>Bulk Laxatives</b>		
<i>calcium polycarbophil TABS</i>	1B	
<b>Laxative Combinations</b>		
<i>peg 3350-kcl-nacl-na sulfate-na ascorbate-ascorbic acid</i>	1B	
<i>peg 3350-kcl-sod bicarb-sod chloride-sod sulfate SOLR 6.74 GM-2.97 GM-5.86 GM-22.74 GM-236 GM</i>	0	
<i>peg 3350-potassium chloride-sod bicarbonate-sod chloride</i>	1B	PA
<i>sodium sulfate-potassium sulfate-magnesium sulfate</i>	1B	
<b>Laxatives - Miscellaneous</b>		
<i>lactulose SOLN</i>	1B	
<b>Saline Laxatives</b>		
OSMOPREP	3	PA
<b>Stimulant Laxatives</b>		
<i>bisacodyl SUPP</i>	1A	
<i>bisacodyl TBEC</i>	1A	
<b>Surfactant Laxatives</b>		
<i>docusate calcium</i>	1A	QL(1 ea daily)
<i>docusate sodium CAPS 250 MG</i>	1A	
<i>docusate sodium CAPS 100 MG</i>	1A	QL(4 ea daily)
<b>LOCAL ANESTHETICS-Parenteral - Drugs for Numbing</b>		
<b>Local Anesthetics - Amides</b>		
<i>lidocaine hcl (local anesth.) SOLN 0.5 %, 1 %, 2 %</i>	1B	
<b>MACROLIDES - Drugs to Treat Bacterial Infections</b>		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<b>Azithromycin</b>		
<i>azithromycin PACK</i>	1B	
<i>azithromycin SOLR</i>	1B	
<i>azithromycin SUSR</i>	1B	
<i>azithromycin TABS 500 MG</i>	1B	QL(4 ea per fill retail; 4 per fill mail)
<i>azithromycin TABS 600 MG</i>	1B	QL(0.286 ea daily)
<i>azithromycin TABS 250 MG</i>	1B	QL(6 ea per fill retail; 6 per fill mail)
<b>Clarithromycin</b>		
<i>clarithromycin SUSR</i>	1B	
<i>clarithromycin TABS</i>	1B	
<i>clarithromycin TB24</i>	1B	
<b>Erythromycins</b>		
<i>erythromycin base CPEP</i>	3	
<i>erythromycin base TABS</i>	3	
<i>erythromycin base TBEC</i>	1B	
<i>erythromycin ethylsuccinate SUSR</i>	1B	
<i>erythromycin ethylsuccinate TABS</i>	3	
<b>Fidaxomicin</b>		
DIFICID TABS	2	
<b>MEDICAL DEVICES AND SUPPLIES</b>		
<b>Contraceptives</b>		
AIMSCO LUBRICATED MISC	0	
CAYA DPRH	0	
DUREX EXTRA SENSITIVE THIN DEVI	0	
DUREX EXTRA SENSITIVE THIN MISC	0	
DUREX TROPICAL MISC	0	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
FANTASY LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	0		MAXX LUBRICATED MISC	0	
FANTASY LUBRICATED MISC	0		MAXX PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC	0	
FC2 FEMALE CONDOM	0	QL(12 ea per fill retail; 12 per fill mail); 1 max fill(s) per 90 day(s) retail; 1 max fill(s) per 90 day(s) mail	OMNIFLEX DIAPHRAGM	0	
FEMCAP DEVI	0		REALITY LATEX CONDOMS/LUBRICATED MISC	0	
KAMELEON LUBRICATED MISC	0		REALITY LATEX/ULTRA TEXTURED DEVI	0	
KIMONO COLORS DEVI	0		REALITY LATEX/ULTRA THIN DEVI	0	
KIMONO LUBRICATED MISC	0		TROJAN MAGNUM MISC	0	
KIMONO MAXX/LARGE FLARE MISC	0		TROJAN ULTRA THIN LUBRICATED MISC	0	
KIMONO MICRO THIN PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC	0		TROJAN ULTRA THIN/SPERMICIDAL LUBRICANT MISC	0	
KIMONO PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC	0		TROJAN-ENZ LUBRICATED MISC	0	
KIMONO PLUS SPERMICIDE/LUBRICATED MISC	0		TROJAN-ENZ W/SPERMICIDAL MISC	0	
KIMONO PS LUBRICATED MISC	0		TRUE COVER DEVI	0	
KIMONO PS PLUS SPERMICIDE/LUBRICATED MISC	0		TRUSTEX COLOR CONDOMS + LUBE MISC	0	
KIMONO SENSATION LUBRICATED MISC	0		TRUSTEX LUBRICATED EXTRALARGE MISC	0	
KIMONO SENSATION PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC	0		TRUSTEX LUBRICATED EXTRASTRENGTH MISC	0	
KIMONO SPECIAL DEVI	0		TRUSTEX LUBRICATED/RIBBED/STUDDDED MISC	0	
K-Y ME & YOU EXTRA LUBRICATED DEVI	0		TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE EXTRA LARGE MISC	0	
K-Y ME & YOU INTENSE DEVI	0		TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE EXTRA STRENGTH MISC	0	
			TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	0	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
TRUSTEX LUBRICATED MISC	0	
TRUSTEX NATURAL CONDOMS +LUBE/LUBRICATED MISC	0	
TRUSTEX WITH NONOXYNOL-9/RIBBED/STUDED MISC	0	
TRUSTEX/RIA LUBRICATED SPERMICIDE MISC	0	
TRUSTEX/RIA LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	0	
TRUSTEX/RIA LUBRICATED MISC	0	
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 60	0	
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 65	0	
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 70	0	
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 75	0	
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 80	0	
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 85	0	
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 90	0	
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 95	0	
<b>Diabetic Supplies</b>		
FREESTYLE LIBRE 14 DAY/READER/FLASH MONITORING SYSTEM	3	PA
FREESTYLE LIBRE 14 DAY/SENSOR/FLASH MONITORING SYSTEM	3	QL(0.072 ea daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
FREESTYLE LIBRE 2 PLUS/SENSOR/FLASH GLUCOSE MONITOR SYSTEM	3	QL(0.072 ea daily); PA
FREESTYLE LIBRE 2/READER/FLASH GLUCOSE MONITORING SYSTEM	3	PA
FREESTYLE LIBRE 2/SENSOR/FLASH GLUCOSE MONITORING SYSTEM	3	QL(0.072 ea daily); PA
FREESTYLE LIBRE 3 PLUS/SENSOR/GLUCOSE MONITORING SYSTEM	3	QL(0.072 ea daily); PA
FREESTYLE LIBRE 3/READER/GLUCOSE MONITORING SYSTEM	3	QL(0.072 ea daily); PA
FREESTYLE LIBRE 3/SENSOR/GLUCOSE MONITORING SYSTEM	3	QL(0.072 ea daily); PA
FREESTYLE LIBRE/READER/FLASH MONITORING SYSTEM	3	PA
ONETOUCH DELICA SAFETY LANCING DEVICE	1B	RX/OTC
ONETOUCH DELICA SAFETY LANCING DEVICE 30G	1B	RX/OTC
RELION 2-IN-1 LANCET DEVICES 30G	1B	RX/OTC
RELION 2-IN-1 LANCING DEVICE 25G	1B	RX/OTC
RELION 2-IN-1 LANCING DEVICE 30G	1B	RX/OTC
SELECT LANCETS	1B	6.66/day
TRUE METRIX CONTROL SOLUTION LEVEL 3 SOLN	1B	
<b>Parenteral Therapy Supplies</b>		
SELECT INSULIN SYRINGES	1B	5/day
<b>MIGRAINE PRODUCTS - Drugs to Treat Migraine</b>		



Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<b>Headaches</b>			<i>frovatriptan succinate</i>	1B	QL(0.4 ea daily); AL(At least 18 yrs old); ST
Calcitonin Gene-Related Peptide (CGRP) Receptor Antag			<i>naratriptan hcl</i>	1B	QL(0.3 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
AIMOVIG	2	QL(0.04 ml daily); PA	<i>rizatriptan benzoate TABS 10 MG</i>	1B	QL(0.6 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
EMGALITY SOAJ	2	QL(0.07 ml daily); PA	<i>rizatriptan benzoate TABS 5 MG</i>	1B	QL(0.4 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
EMGALITY SOSY 100 MG/ML	2	QL(0.1 ml daily); PA	<i>rizatriptan benzoate TBDP 5 MG</i>	1B	QL(0.4 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
EMGALITY SOSY 120 MG/ML	2	QL(0.07 ml daily); PA	<i>sumatriptan</i>	1B	QL(0.2 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
UBRELVY	3	QL(10 ea per 30 day(s) retail); ST	<i>sumatriptan succinate SOAJ</i>	1B	QL(0.134 ml daily); AL(At least 18 yrs old)
Migraine Combinations			<i>sumatriptan succinate SOCT</i>	1B	QL(0.134 ml daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>ergotamine w/ caffeine TABS</i>	1B	QL(1.5 ea daily)	<i>sumatriptan succinate SOLN 6 MG/0.5ML</i>	1B	QL(0.134 ml daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>sumatriptan-naproxen sodium</i>	3	QL(10 ea per 30 day(s) retail; 10 ea per 30 days mail)	<i>sumatriptan succinate TABS</i>	1B	QL(0.3 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
Migraine Products			<i>zolmitriptan SOLN</i>	1B	QL(0.2 ea daily); AL(At least 12 yrs old); ST
<i>dihydroergotamine mesylate SOLN IJ 1 MG/ML</i>	1B		<i>zolmitriptan TABS</i>	1B	QL(0.3 ea daily); AL(At least 12 yrs old); ST
<i>dihydroergotamine mesylate SOLN NA 4 MG/ML</i>	1B	QL(0.267 ml daily)			
ERGOMAR SUBL	3	QL(0.667 ea daily)			
Serotonin Agonists					
<i>almotriptan malate 6.25 MG</i>	1B	QL(0.3 ea daily); AL(At least 12 yrs old); ST			
<i>almotriptan malate 12.5 MG</i>	1B	QL(0.4 ea daily); AL(At least 12 yrs old); ST			
<i>eletriptan hydrobromide</i>	1B	QL(0.2 ea daily); AL(At least 18 yrs old); ST			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
zolmitriptan TBDP	1B	QL(0.3 ea daily); AL(At least 12 yrs old); ST	potassium chloride in dextrose & sodium chloride 5 %-0.075 %-0.45 %, 5 %-0.15 %-0.9 %, 5 %-10 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.2 %, 5 %-20 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.9 %, 5 %-30 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40 MEQ/L-0.9 %	1B	
<b>MINERALS &amp; ELECTROLYTES</b>					
<b>Bicarbonates</b>					
sodium acetate SOLN	1B		potassium chloride in nacl 20 MEQ/L-0.45 %, 20 MEQ/L-0.9 %, 40 MEQ/L-0.9 %	1B	
SODIUM ACETATE SOLN (sodium acetate)	1B		POTASSIUM CHLORIDE/DEXTROSE/LACTATED RINGERS	1B	
<b>Calcium</b>			POTASSIUM CHLORIDE/SODIUM CHLORIDE 20 MEQ/L-0.45 % (potassium chloride in nacl)	1B	
calcium chloride (dihydrate) SOLN	1B		ringer's	1B	
<b>Electrolyte Mixtures</b>			<b>Fluoride</b>		
dextrose in lactated ringers	1B		sodium fluoride CHEW 0.25 MG, 0.5 MG, 1 MG, 2.2 MG	0	QL(1 ea daily)
electrolyte-148	1B		<b>Magnesium</b>		
electrolyte-a	1B		magnesium sulfate IJ 50 %	1B	
IONOSOL-MB/DEXTROSE 5%	1B		<b>Phosphate</b>		
ISOLYTE-P/DEXTROSE 5%	1B		potassium phosphates 236 MG/ML-224 MG/ML	1B	
ISOLYTE-S	1B		<b>Potassium</b>		
KCL 0.3%/D5W/NACL 0.9% (potassium chloride in dextrose & sodium chloride)	1B		potassium acetate SOLN 2 MEQ/ML	1B	
lactated ringer's	1B		potassium bicarbonate TBEF	1B	
NORMOSOL-M/D5W	1B		potassium chloride microencapsulated crystals er	1B	
NORMOSOL-R	1B				
PLASMA-LYTE A (electrolyte-a)	1B				
PLASMA-LYTE-148 (electrolyte-148)	1B				
potassium chloride in dextrose 5 %-20 MEQ/L	1B				

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>potassium chloride CPR</i>	1B		<i>cyclosporine SOLN IV 50 MG/ML</i>	1B	
<i>potassium chloride PACK OR 20 MEQ</i>	1B	PA	ENSPRYNG	4	PA
<i>potassium chloride SOLN IV 2 MEQ/ML, 10 MEQ/50ML, 20 MEQ/50ML</i>	1B		<i>everolimus (immunosuppressant) 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG</i>	4	QL(20 ea daily); SP; PA
POTASSIUM CHLORIDE SOLN IV 10 MEQ/50ML ( <i>potassium chloride</i> )	1B		<i>everolimus (immunosuppressant) 1 MG</i>	4	QL(10 ea daily); PA
<i>potassium chloride TBCR 8 MEQ, 10 MEQ, 20 MEQ</i>	1B		<i>mycophenolate mofetil CAPS</i>	1B	
Sodium			<i>mycophenolate mofetil TABS</i>	1B	
<i>sodium chloride SOLN IV 0.45 %, 0.9 %, 3 %, 4 MEQ/ML, 5 %</i>	1B		<i>mycophenolate sodium</i>	1B	
<b>MISCELLANEOUS THERAPEUTIC CLASSES</b>			NULOJIX	4	SP; PA
Chelating Agents			PROGRAF PACK	2	PA
<i>penicillamine CAPS</i>	1B	PA	PROGRAF SOLN	2	
<i>penicillamine TABS</i>	1B	QL(8 ea daily)	SIMULECT	3	
<i>trientine hcl 250 MG</i>	4	QL(8 ea daily); SP; PA	<i>sirolimus TABS</i>	1B	
Immunomodulators			<i>tacrolimus CAPS</i>	1B	
<i>lenalidomide 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 15 MG, 25 MG</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA	THYMOGLOBULIN	4	SP; PA
<i>lenalidomide 20 MG</i>	4	QL(1 ea daily); PA	Irrigation Solutions		
THALOMID	4	QL(3 ea daily); SP; PA	<i>irrigation solutions, physiological</i>	1B	
Immunosuppressive Agents			<i>lactated ringer's (irrigation)</i>	1B	
ATGAM	4	SP; PA	<i>ringer's irrigation</i>	1B	
AZATHIOPRINE	1B		<i>water for irrigation, sterile</i>	1B	
<i>azathioprine TABS</i>	1B		Potassium Removing Agents		
<i>cyclosporine modified (for microemulsion) CAPS</i>	1B		LOKELMA	3	QL(1 ea daily); PA
<i>cyclosporine modified (for microemulsion) SOLN</i>	1B		<i>sodium polystyrene sulfonate POWD</i>	1B	
<i>cyclosporine CAPS</i>	1B		<i>sodium polystyrene sulfonate SUSP CO 15 GM/60ML</i>	1B	
<b>MOUTH/THROAT/DENTAL AGENTS</b>					
Anesthetics Topical Oral					

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>lidocaine hcl (mouth-throat) 4 %</i>	1B	
<i>lidocaine hcl (mouth-throat) 2 %</i>	1B	QL(4 ml daily)
<b>Anti-infectives - Throat</b>		
<i>clotrimazole</i>	1B	
<i>nystatin (mouth-throat)</i>	1B	
<b>Antiseptics - Mouth/Throat</b>		
<i>chlorhexidine gluconate (mouth-throat)</i>	1B	
DEBACTEROL	2	
<b>Dental Products</b>		
<i>stannous fluoride CONC</i>	0	RX/OTC
<b>Steroids - Mouth/Throat/Dental</b>		
<i>triamcinolone acetonide (mouth)</i>	1B	
<b>Throat Products - Misc.</b>		
<i>cevimeline hcl</i>	1B	
<i>pilocarpine hcl (oral)</i>	1B	
<b>MULTIVITAMINS</b>		
<b>Ped MV w/ Fluoride</b>		
<i>pediatric multivitamins w/fl CHEW</i>	1A	RX/OTC
<b>Prenatal Vitamins</b>		
CLASSIC PRENATAL TABS	2	QL(1 ea daily)
CVS PRENATAL TABS 100 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-4 MCG- 1.7 MG-18 MG-27 MG-1.5 MG-25 MG-263 MG-11 UNIT-4000 UNIT	2	QL(1 ea daily)
EQL PRENATAL FORMULA TABS	2	QL(1 ea daily)
GNP PRENATAL TABS	2	QL(1 ea daily)
KP PRENATAL MULTIVITAMINS TABS	2	QL(1 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
MASONATAL TABS	2	QL(1 ea daily)
M-NATAL PLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
MULTI PRENATAL TABS	2	QL(1 ea daily)
NEONATAL COMPLETE TABS 120 MG-10 MG-9.2 MG-1000 MCG-10 MCG-12 MCG-3 MG-5 MG-20 MG-27 MG-200 MG-1.84 MG-25 MG-2 MG-1200 MCG-2 MG-0.2 MG	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
NEONATAL PLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
NEONATAL PRENATAL VITAMIN TABS	2	QL(1 ea daily)
NEONATAL VITAMIN TABS	2	QL(1 ea daily)
NIVA-PLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
ONE VITE WOMENS PRENATAL VITAMIN PLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
ONE VITE WOMENS PRENATAL VITAMIN TABS	2	QL(1 ea daily)
PRENATAL MULTIVITAMIN TABS	2	QL(1 ea daily)
PRENATAL ONE DAILY TABS	2	QL(1 ea daily)
PRENATAL PLUS VITAMIN AND MINERAL TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
PRENATAL PLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
PRENATAL VITAMIN & MINERAL TABS	2	QL(1 ea daily)
PRENATAL VITAMIN/IRON TABS	2	QL(1 ea daily)
PRENATAL VITAMINS PLUS LOW IRON TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
PRENATAL VITAMINS TABS 100 MG-800 MCG-1.84 MG-18 MG-2.6 MG-1.7 MG-27 MG-10 MCG-4.95 MG-25 MG-200 MG-160 MG-1200 MCG-4 MCG, 120 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-8 MCG-1.7 MG-20 MG-28 MG-200 MG-1.8 MG-25 MG-4000 UNIT-30 UNIT	2	QL(1 ea daily)
PRENATAL VITAMIN TABS	2	QL(1 ea daily)
PRENATAL TABS	2	QL(1 ea daily)
PRENATRIX TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
PRENATRYL TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
PX PRENATAL MULTIVITAMINS TABS	2	QL(1 ea daily)
QC PRENATAL TABS	2	QL(1 ea daily)
RA PRENATAL FORMULA/FOLICACID TABS	2	QL(1 ea daily)
RA PRENATAL TABS	2	QL(1 ea daily)
SM PRENATAL VITAMINS TABS	2	QL(1 ea daily)
THERANATAL CORE NUTRITION TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
TRICARE TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
VITATHELY/GINGER TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
WESTAB PLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
<b>MUSCULOSKELETAL THERAPY AGENTS - Drugs to Treat Spasms</b>		
Central Muscle Relaxants		
<i>baclofen</i> TABS	1B	
<i>carisoprodol</i> TABS	1B	
<i>chlorzoxazone</i> TABS 500 MG	1B	QL(6 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>chlorzoxazone</i> TABS 750 MG	1B	QL(4 ea daily)
<i>cyclobenzaprine hcl</i> TABS 5 MG, 10 MG	1A	QL(3 ea daily)
<i>metaxalone</i> 800 MG	1B	QL(4 ea daily)
<i>methocarbamol</i> TABS 500 MG, 750 MG	1B	
<i>orphenadrine citrate</i> TB12	1B	QL(2 ea daily)
<i>tizanidine hcl</i> CAPS	1B	
<i>tizanidine hcl</i> TABS	1B	
Direct Muscle Relaxants		
<i>dantrolene sodium</i> CAPS	1B	QL(4 ea daily)
<b>NASAL AGENTS - SYSTEMIC AND TOPICAL - Drugs to treat the Nose or Sinus</b>		
Nasal Antiallergy		
<i>azelastine hcl</i>	1B	RX/OTC
<i>olopatadine hcl (nasal)</i>	1B	
Nasal Anticholinergics		
<i>ipratropium bromide (nasal)</i> 0.06 %	1B	
<i>ipratropium bromide (nasal)</i> 0.03 %	1B	QL(1 ml daily)
Nasal Steroids		
<i>budesonide (nasal)</i>	1B	
<i>flunisolide (nasal)</i> 0.025 %	1B	1 package(s) per fill retail
<i>fluticasone propionate (nasal)</i> SUSP	1B	Limit 2 inhalers per month; QL(32 ml per 30 day(s) retail); RX/OTC
<i>mometasone furoate (nasal)</i> SUSP	1B	QL(1.14 gm daily); PA; RX/OTC
<i>triamcinolone acetonide (nasal)</i> AERO	1B	
XHANCE EXHU	3	PA
<b>NEUROMUSCULAR AGENTS - Drugs to Relax/Paralyze Muscles</b>		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<b>ALS Agents</b>		
<i>riluzole TABS</i>	3	
<b>Neuromuscular Blocking Agent - Neurotoxins</b>		
XEOMIN	3	PA
<b>NUTRIENTS</b>		
<b>Proteins</b>		
CLINIMIX 4.25%/DEXTROSE 10%	3	
CLINIMIX 4.25%/DEXTROSE 5%	3	
CLINIMIX E 5%/DEXTROSE 20%	3	
<b>OPHTHALMIC AGENTS - Drugs to Treat the Eye</b>		
<b>Beta-blockers - Ophthalmic</b>		
<i>betaxolol hcl (ophth) SOLN</i>	1B	
<i>brimonidine tartrate-timolol maleate</i>	1B	
<i>carteolol hcl (ophth)</i>	1B	
<i>dorzolamide hcl-timolol maleate</i>	1B	
<i>levobunolol hcl 0.5 %</i>	1B	
<i>timolol maleate (ophth) SOLG</i>	1B	
<i>timolol maleate (ophth) SOLN</i>	1B	
<b>Cycloplegic Mydriatics</b>		
<i>tropicamide SOLN 1 %</i>	1B	
<i>tropicamide SOLN 0.5 %</i>	1B	QL(2.5 ml daily)
<b>Miotics</b>		
<i>pilocarpine hcl SOLN 1 %, 2 %, 4 %</i>	1B	
<b>Ophthalmic Adrenergic Agents</b>		
<i>apraclonidine hcl</i>	1B	
<i>brimonidine tartrate 0.15 %, 0.2 %</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
IOPIDINE	3	
<b>Ophthalmic Anti-infectives</b>		
AZASITE	3	QL(2.5 ml per 30 day(s) retail; 2 ml per 30 days mail)
<i>bacitracin (ophthalmic)</i>	3	
<i>ciprofloxacin hcl (ophth) SOLN</i>	1B	
<i>erythromycin (ophth)</i>	1B	
<i>gatifloxacin (ophth)</i>	1B	
<i>gentamicin sulfate (ophth) OINT</i>	1B	
<i>gentamicin sulfate (ophth) SOLN</i>	1B	
KLARITY-A	3	QL(2.5 ml per 30 day(s) retail; 2 ml per 30 days mail)
<i>levofloxacin (ophth) 0.5 %</i>	1B	
<i>moxifloxacin hcl (ophth) SOLN OP</i>	1B	
NATACYN	2	
<i>neomycin-bacitracin zn-polymyxin</i>	1B	
<i>ofloxacin (ophth)</i>	1B	
<i>polymyxin b-trimethoprim</i>	1B	
<i>sulfacetamide sodium (ophth) SOLN</i>	1B	
<i>tobramycin (ophth) SOLN</i>	1B	
<i>trifluridine</i>	1B	
ZIRGAN GEL	2	
<b>Ophthalmic Immunomodulators</b>		
<i>cyclosporine (ophth) EMUL</i>	3	PA
<b>Ophthalmic Local Anesthetics</b>		
<i>proparacaine hcl</i>	1B	
<b>Ophthalmic Steroids</b>		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ALREX SUSP (loteprednol etabonate)	3	PA
dexamethasone sodium phosphate (ophth)	1B	QL(0.4 ml daily)
difluprednate	1B	PA
fluorometholone (ophth) SUSP	1B	
FML FORTE SUSP	3	PA
FML OINT	3	PA
LOTEMAX OINT	3	PA
loteprednol etabonate GEL	1B	PA
loteprednol etabonate SUSP	1B	PA
MAXIDEX SUSP OP	3	PA
neomycin-polymyx-dexameth OINT	1B	
neomycin-polymyx-dexameth SUSP	1B	
neomycin-polymyxin-hc (ophth)	1B	QL(2.5 ml daily)
PRED MILD	3	PA
prednisolone acetate (ophth)	1B	
PREDNISOLONE SODIUM PHOSPHATE	3	
sulfacetamide sod-prednisolone SOLN	3	PA
tobramycin-dexamethasone SUSP	1B	
Ophthalmics - Misc.		
ALOCRIAL	3	PA
ALOMIDE	3	PA
azelastine hcl (ophth)	1B	
bepotastine besilate	3	PA
brinzolamide	1B	
bromfenac sodium (ophth)	1B	
cromolyn sodium (ophth)	1B	
CYSTARAN	2	QL(2.143 ml daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
diclofenac sodium (ophth)	1B	
dorzolamide hcl	1B	
epinastine hcl (ophth)	1B	
flurbiprofen sodium	1B	
ketorolac tromethamine (ophth)	1B	
ketotifen fumarate (ophth) 0.035 %	1B	
LASTACRAFT	3	PA
NEVANAC	3	QL(0.2 ml daily); ST
olopatadine hcl 0.1 %	1B	QL(0.34 ml daily); RX/OTC
olopatadine hcl 0.2 %	1B	RX/OTC
Prostaglandins - Ophthalmic		
bimatoprost SOLN	3	
latanoprost SOLN	1B	
tafluprost	1B	
travoprost SOLN	1B	
OTIC AGENTS - Drugs to Treat the Ear		
Otic Agents - Miscellaneous		
acetic acid (otic)	1B	QL(0.5 ml daily)
Otic Anti-infectives		
ciprofloxacin hcl (otic)	1B	
ofloxacin (otic)	1B	
Otic Combinations		
ciprofloxacin-dexamethasone	1B	PA
ciprofloxacin-fluocinolone acetamide	1B	QL(0.5 ea daily); PA
CORTISPORIN-TC	3	
neomycin-polymyxin-hc (otic) SOLN	1B	QL(2 ml daily)
neomycin-polymyxin-hc (otic) SUSP	1B	
Otic Steroids		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>fluocinolone acetonide (otic)</i>	1B	
<i>hydrocortisone w/acetic acid</i>	1B	
<b>PASSIVE IMMUNIZING AND TREATMENT AGENTS - Antibody Drugs to Treat Low Immune System</b>		
Immune Serums		
GAMMAGARD LIQUID 1 GM/10ML, 2.5 GM/25ML, 5 GM/50ML, 10 GM/100ML, 20 GM/200ML	4	SP; PA
GAMMAGARD LIQUID 30 GM/300ML	4	PA
GAMMAGARD S/D IGA LESS THAN 1MCG/ML SOLR	4	SP; PA
GAMMAKED 1 GM/10ML, 5 GM/50ML, 10 GM/100ML, 20 GM/200ML	4	SP; PA
GAMUNEX-C	4	SP; PA
Passive Immunizing Agents - Combinations		
HYQVIA	4	PA
<b>PENICILLINS - Drugs to Treat Bacterial Infections</b>		
Aminopenicillins		
<i>amoxicillin CAPS</i>	1A	
<i>amoxicillin CHEW 125 MG, 250 MG</i>	1B	
<i>amoxicillin SUSR 200 MG/5ML, 250 MG/5ML, 400 MG/5ML</i>	1B	
<i>amoxicillin SUSR 125 MG/5ML</i>	1A	
<i>amoxicillin TABS</i>	1B	
<i>ampicillin sodium IJ 1 GM</i>	1B	
<i>ampicillin CAPS 500 MG</i>	1B	
Natural Penicillins		
<i>penicillin g potassium 5000000 UNIT</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
PENICILLIN G POTASSIUM IN ISO-OSMOTIC DEXTROSE 40000 UNIT/ML, 60000 UNIT/ML	1B	
PENICILLIN G PROCAINE	3	
<i>penicillin g sodium</i>	3	
<i>penicillin v potassium SOLR</i>	1B	
<i>penicillin v potassium TABS</i>	1B	
Penicillin Combinations		
<i>amoxicillin &amp; pot clavulanate CHEW</i>	1B	
<i>amoxicillin &amp; pot clavulanate SUSR</i>	1B	
<i>amoxicillin &amp; pot clavulanate TABS</i>	1B	
<i>amoxicillin &amp; pot clavulanate TB12</i>	1B	
<i>ampicillin &amp; sulbactam sodium IJ 1 GM-0.5 GM, 2 GM-1 GM</i>	1B	
<i>piperacillin sodium-tazobactam sodium</i>	1B	
Penicillinase-Resistant Penicillins		
<i>dicloxacillin sodium</i>	1B	
<i>nafcillin sodium IV 10 GM</i>	1B	
<i>oxacillin sodium IV 10 GM</i>	1B	
<b>PROGESTINS - Hormone Replacement/Modifying Drugs</b>		
Progestins		
<i>medroxyprogesterone acetate 10 MG</i>	1A	
<i>medroxyprogesterone acetate 2.5 MG, 5 MG</i>	1B	
<i>megestrol acetate (appetite)</i>	1B	PA



Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>norethindrone acetate</i> TABS	0	
<i>progesterone</i> CAPS	1B	
<b>PSYCHOTHERAPEUTIC AND NEUROLOGICAL AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Mental and Emotional Conditions</b>		
<b>Agents for Chemical Dependency</b>		
<i>acamprosate calcium</i>	1B	
<i>disulfiram</i>	1B	
<i>lofexidine hcl</i>	1B	QL(224 ea per 14 day(s) retail)
LUCEMYRA ( <i>lofexidine hcl</i> )	3	QL(224 ea per 14 day(s) retail)
<b>Antidementia Agents</b>		
<i>donepezil hydrochloride</i> TABS 10 MG	1B	QL(2 ea daily)
<i>donepezil hydrochloride</i> TABS 5 MG, 23 MG	1B	QL(1 ea daily)
<i>donepezil hydrochloride</i> TBDP 5 MG	1B	QL(1 ea daily)
<i>donepezil hydrochloride</i> TBDP 10 MG	1B	QL(2 ea daily)
<i>galantamine hydrobromide</i> CP24	1B	QL(1 ea daily)
<i>galantamine hydrobromide</i> SOLN	1B	QL(6 ml daily)
<i>galantamine hydrobromide</i> TABS	1B	QL(2 ea daily)
<i>memantine hcl</i> TABS	1B	
<i>memantine hcl</i> TABS	1B	QL(2 ea daily)
<i>rivastigmine tartrate</i> CAPS	1B	
<b>Combination Psychotherapeutics</b>		
<i>chlordiazepoxide-amitriptyline</i>	1B	
<i>perphenazine-amitriptyline</i>	1B	QL(4 ea daily)
<b>Fibromyalgia Agents</b>		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
SAVELLA TITRATION PACK MISC	2	1 max fill(s) per 365 day(s) retail; PA
SAVELLA TABS	2	QL(2 ea daily); PA
<b>Movement Disorder Drug Therapy</b>		
AUSTEDO PATIENT TITRATION KIT TBPk	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA
AUSTEDO XR PATIENT TITRATION KIT TEPK	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA
AUSTEDO XR TB24	4	QL(1 ea daily); PA
AUSTEDO TABS	4	QL(4 ea daily); PA
INGREZZA CAPS	4	QL(1 ea daily); PA
INGREZZA CPPK	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; PA
INGREZZA CPSP	4	QL(1 ea daily); PA
<i>tetrabenazine</i>	4	QL(3 ea daily); SP; PA
<b>Multiple Sclerosis Agents</b>		
AVONEX PEN AJKT	4	QL(0.0714 ml daily); SP; PA
AVONEX PSKT	4	QL(0.0714 ml daily); SP; PA
BETASERON KIT	4	QL(0.5 ea daily); SP; PA
<i>dalfampridine</i>	4	QL(2 ea daily); SP; PA
<i>dimethyl fumarate</i> CDPK	1B	QL(2 ea daily)
<i>dimethyl fumarate</i> CPDR	1B	QL(2 ea daily)
<i> fingolimod hcl</i>	4	QL(1 ea daily)
<i>glatiramer acetate</i> SOSY 40 MG/ML	3	QL(0.43 ml daily)
<i>glatiramer acetate</i> SOSY 20 MG/ML	3	QL(1 ml daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
KESIMPTA	4	QL(0.0144 ml daily); PA
PLEGRIDY STARTER PACK SOAJ	4	QL(0.036 ml daily); PA
PLEGRIDY STARTER PACK SOSY SC	4	QL(0.036 ml daily); PA
PLEGRIDY SOAJ	4	QL(0.036 ml daily); PA
PLEGRIDY SOSY SC	4	QL(0.036 ml daily); PA
REBIF REBIDOSE TITRATIONPACK SOAJ	4	1 max fill(s) per 365 day(s) retail; SP; PA
REBIF REBIDOSE SOAJ	4	QL(0.214 ml daily); SP; PA
REBIF TITRATION PACK SOSY	4	1 max fill(s) per 365 day(s) retail; SP; PA
REBIF SOSY	4	QL(0.214 ml daily); SP; PA
<i>teriflunomide</i>	4	QL(1 ea daily)
Postherpetic Neuralgia (PHN)/Neuropathic Pain Agents		
<i>pregabalin (once-daily) 330 MG</i>	3	QL(2 ea daily); PA
<i>pregabalin (once-daily) 82.5 MG, 165 MG</i>	3	QL(1 ea daily); PA
Pseudobulbar Affect (PBA) Agents		
NUEDEXTA	3	QL(2 ea daily); PA
Psychotherapeutic and Neurological Agents - Misc.		
<i>ergoloid mesylates TABS</i>	1B	
<i>pimozide</i>	1B	
Smoking Deterrents		
<i>bupropion hcl (smoking deterrent)</i>	0	QL(2 ea daily)
<i>nicotine polacrilex GUM</i>	0	
<i>nicotine polacrilex LOZG</i>	0	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
NICOTINE TRANSDERMAL SYSTEM KIT	0	
<i>nicotine MISC XX</i>	0	QL(1 ea daily)
<i>nicotine PT24 TD 7 MG/24HR, 14 MG/24HR, 21 MG/24HR</i>	0	QL(1 ea daily)
NICOTROL INHALER INHA	0	
NICOTROL NS SOLN	0	
<i>varenicline tartrate TABS</i>	0	QL(2 ea daily)
<i>varenicline tartrate TBPk</i>	0	
Transthyretin Amyloidosis Agents		
TEGSEDI	4	PA
<b>RESPIRATORY AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Lung Conditions</b>		
Alpha-Proteinase Inhibitor (Human)		
PROLASTIN-C SOLN	4	PA
Cystic Fibrosis Agents		
KALYDECO TABS	4	QL(2 ea daily); SP; PA
ORKAMBI PACK	4	QL(2 ea daily); PA
ORKAMBI TABS	4	QL(4 ea daily); PA
PULMOZYME	4	QL(2.5 ml daily); SP; PA
TRIKAFTA TBPk	4	QL(3 ea daily); PA
Pulmonary Fibrosis Agents		
OFEV	4	QL(2 ea daily); PA
<i>pirfenidone CAPS</i>	4	
<i>pirfenidone TABS 534 MG</i>	4	QL(3 ea daily); PA
<b>SULFONAMIDES - Drugs to Treat Bacterial Infections</b>		
Sulfonamides		
<i>sulfadiazine TABS</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<b>TETRACYCLINES - Drugs to Treat Bacterial Infections</b>		
Glycylcyclines		
<i>tigecycline</i>	1B	
Tetracyclines		
<i>demeclocycline hcl TABS</i>	1B	
<i>doxycycline (monohydrate) CAPS 75 MG</i>	1B	
<i>doxycycline (monohydrate) CAPS 50 MG, 100 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>doxycycline (monohydrate) TABS 50 MG, 75 MG</i>	1B	
<i>doxycycline (monohydrate) TABS 100 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>doxycycline hyclate CAPS</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>doxycycline hyclate SOLR</i>	1B	
<i>doxycycline hyclate TABS 20 MG, 100 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>minocycline hcl CAPS</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>minocycline hcl TABS</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>tetracycline hcl CAPS</i>	1B	QL(8 ea daily)
<b>THYROID AGENTS - Drugs to Regulate Thyroid Hormones</b>		
Antithyroid Agents		
<i>methimazole TABS</i>	1B	
<i>propylthiouracil</i>	1B	
Thyroid Hormones		
ADTHYZA TABS 16.25 MG, 32.5 MG, 65 MG, 97.5 MG, 130 MG	2	
ARMOUR THYROID TABS	2	QL(1 ea daily)
<i>levothyroxine sodium TABS</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>liothyronine sodium SOLN</i>	1B	
<i>liothyronine sodium TABS</i>	1B	
NP THYROID 120 TABS	1B	QL(1 ea daily)
NP THYROID 15 TABS	1B	QL(1 ea daily)
NP THYROID 30 TABS	1B	QL(1 ea daily)
NP THYROID 60 TABS	1B	QL(1 ea daily)
NP THYROID 90 TABS	1B	QL(1 ea daily)
SYNTHROID TABS ( <i>levothyroxine sodium</i> )	2	
<b>TOXOIDS</b>		
Toxoid Combinations		
ADACEL SUSP	0	
BOOSTRIX SUSP	0	
BOOSTRIX SUSY	0	
DAPTACEL	0	
DIPHThERIA/TETANUS TOXOIDS ADSORBED PEDIATRIC SUSP	0	
INFANRIX	0	
KINRIX SUSY	0	
PEDIARIX SUSY	0	
PENTACEL	0	
QUADRACEL SUSP	0	
QUADRACEL SUSY	0	
TDVAX SUSP	0	
TENIVAC INJ	0	
TETANUS/DIPHThERIA TOXOIDS-ADSORBED ADULT SUSP	0	
<b>ULCER DRUGS - Drugs to Treat Bowel, Intestine and Stomach Conditions</b>		
Antispasmodics		
<i>atropine sulfate SOLN IJ 0.4 MG/ML, 1 MG/ML</i>	1B	
<i>atropine sulfate SOSY IJ 0.25 MG/5ML</i>	1B	
<i>chlordiazepoxide hcl-clidinium bromide</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>dicyclomine hcl CAPS</i>	1B		NEXIUM 24HR TBEC ( <i>esomeprazole magnesium</i> )	1B	QL(2 ea daily)
<i>dicyclomine hcl SOLN OR</i>	1B		<i>omeprazole magnesium CPDR</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>dicyclomine hcl TABS</i>	1B		<i>omeprazole CPDR</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>glycopyrrolate SOLN IJ 0.2 MG/ML, 4 MG/20ML</i>	1B		<i>omeprazole TBEC</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>glycopyrrolate TABS 1 MG</i>	1B		<i>pantoprazole sodium TBEC 20 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>glycopyrrolate TABS 2 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)	<i>pantoprazole sodium TBEC 40 MG</i>	1B	
<i>methscopolamine bromide</i>	1B		<i>rabeprazole sodium TBEC</i>	3	QL(1 ea daily)
<b>H-2 Antagonists</b>			<b>Ulcer Drugs - Prostaglandins</b>		
<i>cimetidine TABS</i>	1B	RX/OTC	<i>misoprostol</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>famotidine in nacl SOLN</i>	1B		<b>Ulcer Therapy Combinations</b>		
<i>famotidine SOLN 40 MG/4ML, 200 MG/20ML</i>	1B		<i>amoxicillin-clarithromycin w/ lansoprazole THPK</i>	1B	14 day(s) max supply per 365 day(s) retail; 14 day(s) max supply per 365 day(s) mail
<i>famotidine SOLN 20 MG/2ML</i>	1A		<i>omeprazole-sodium bicarbonate CAPS 1100 MG-20 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); RX/OTC
<i>famotidine SUSR</i>	1B	QL(10 ml daily)	<b>URINARY ANTISPASMODICS - Drugs to Treat Miscellaneous Bladder Spasms</b>		
<i>famotidine TABS 20 MG, 40 MG</i>	1B	RX/OTC	<b>Urinary Antispasmodic - Antimuscarinics (Anticholinergic)</b>		
<i>nizatidine CAPS</i>	1B		<i>darifenacin hydrobromide</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>ranitidine hcl TABS 150 MG</i>	1B		<i>fesoterodine fumarate</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
<b>Misc. Anti-Ulcer</b>			<i>oxybutynin chloride SOLN</i>	1B	
<i>sucralfate SUSP</i>	1B	QL(40 ml daily)	<i>oxybutynin chloride TABS 5 MG</i>	1B	
<i>sucralfate TABS</i>	1B	QL(4 ea daily)	<i>oxybutynin chloride TB24</i>	1B	
<b>Proton Pump Inhibitors</b>			<i>solifenacin succinate TABS</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
<i>dexlansoprazole</i>	3	QL(1 ea daily)	<i>tolterodine tartrate CP24</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>esomeprazole magnesium CPDR 40 MG</i>	3	QL(1 ea daily)	<i>tolterodine tartrate TABS</i>	1B	
<i>esomeprazole magnesium CPDR 20 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); RX/OTC	<i>trosipium chloride CP24</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>esomeprazole magnesium TBEC</i>	1B	QL(2 ea daily)			
<i>lansoprazole CPDR 30 MG</i>	1B				
<i>lansoprazole CPDR 15 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); RX/OTC			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>tropium chloride TABS</i>	1B	QL(3 ea daily)	AFLURIA QUADRIVALENT 2022-2023 SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
Urinary Antispasmodics - Cholinergic Agonists			AFLURIA QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
<i>bethanechol chloride 25 MG</i>	1B		AFLURIA QUADRIVALENT 2023-2024 SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
<i>bethanechol chloride 5 MG, 10 MG, 50 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)	AFLURIA QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
Urinary Antispasmodics - Direct Muscle Relaxants			AREXVY	0	
<i>flavoxate hcl</i>	1B		COMIRNATY 2023-24 SUSP	0	
<b>VACCINES</b>			COMIRNATY 2023-24 SUSY	0	
Bacterial Vaccines			COMIRNATY 2024-25 SUSY	0	
ACTHIB SOLR IM	0		COMIRNATY SUSP	0	
BEXSERO	0		ENGERIX-B SUSP 20 MCG/ML	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail; 3 max fill(s) per 365 day(s) mail
HIBERIX SOLR IJ	0		ENGERIX-B SUSY	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail; 3 max fill(s) per 365 day(s) mail
MENACTRA	0		FLUAD 2024-2025	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
MENQUADFI	0		FLUAD QUADRIVALENT 2022-2023	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
MENVEO SOLR	0		FLUAD QUADRIVALENT 2023-2024	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
PEDVAX HIB SUSP	0		FLUARIX 2024-2025 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
PNEUMOVAX 23/1 DOSE SOLN	0				
PNEUMOVAX 23 SOSY	0				
PREVNAR 13	0				
PREVNAR 20	0	1 max fill(s) per 999 day(s) retail			
TRUMENBA	0				
VAXNEUVANCE	0	4 max fill(s) per 999 day(s) retail			
Viral Vaccines					
ABRYSVO	0				
AFLURIA 2024-2025 SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail			
AFLURIA 2024-2025 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
FLUARIX QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLULAVAL 2024-2025 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUARIX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLULAVAL QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUBLOK 2024-2025 SOSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLULAVAL QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUBLOK QUADRIVALENT 2022-2023	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLUMIST NASAL VACCINE 2024-2025	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUBLOK QUADRIVALENT 2023-2024	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLUMIST QUADRIVALENT	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUCELVAX 2024-2025 SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLUZONE 2024-2025 SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUCELVAX 2024-2025 SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLUZONE 2024-2025 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUCELVAX QUADRIVALENT 2022-2023 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLUZONE HIGH-DOSE 2024-2025 SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUCELVAX QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLUZONE HIGH-DOSE PF 2022-2023	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUCELVAX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLUZONE HIGH-DOSE PF 2023-2024	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUCELVAX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLUZONE QUADRIVALENT 2022-2023 SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
			FLUZONE QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
			FLUZONE QUADRIVALENT 2023-2024 SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
			FLUZONE QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
GARDASIL 9 SUSP	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail	PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/5-11Y/2023-24 SUSP	0	
GARDASIL 9 SUSY	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail	PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/5-11Y/2024-25 SUSP	0	
HAVRIX	0	1 max fill(s) per 365 day(s) retail	PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/5-11Y SUSP	0	
HEPLISAV-B SOSY	0	2 max fill(s) per 365 day(s) retail; 2 max fill(s) per 365 day(s) mail	PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/6MO-4Y/2023-24 SUSP	0	
IPOL INACTIVATED IPV	0	1 max fill(s) per 365 day(s) retail	PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/6MO-4Y/2024-25 SUSP	0	
JANSSEN COVID-19 VACCINE	0		PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/6MO-4Y SUSP	0	
M-M-R II SOLR	0	2 max fill(s) per 365 day(s) retail	PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/ADULT RTU SUSP	0	
MODERNA COVID-19 VACCINE/6MO-11Y/2023-24 SUSP	0		PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/BIVALENT/5-11Y	0	
MODERNA COVID-19 VACCINE/6MO-11Y/2024-25 SUSY	0		PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/BIVALENT/6M-4Y	0	
MODERNA COVID-19 VACCINE/BIVALENT/6MO-5Y	0		PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/BIVALENT/BA.4/BA.5	0	
MODERNA COVID-19 VACCINE/BIVALENT/BA.4/BA.5	0		PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/BIVALENT/BA.4/BA.5	0	
MODERNA COVID-19 VACCINE/6MO-5Y SUSP	0		PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE SUSP	0	
MODERNA COVID-19 VACCINE SUSP	0		PREHEVBRIO	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail
NOVAVAX COVID-19 VACCINE/2023-24 SUSP	0		PRIORIX SUSR	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail
NOVAVAX COVID-19 VACCINE/2024-25 SUSY	0		PROQUAD SUSR	0	2 max fill(s) per 365 day(s) retail
NOVAVAX COVID-19 VACCINE SUSP	0				

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
RECOMBIVAX HB SUSP	0	1 max fill(s) per 365 day(s) retail
RECOMBIVAX HB SUSY	0	1 max fill(s) per 365 day(s) retail
ROTARIX SUSP	0	
ROTARIX SUSR	0	1 max fill(s) per 365 day(s) retail
ROTATEQ SOLN	0	1 max fill(s) per 365 day(s) retail
SHINGRIX	0	2 max fill(s) per 999 day(s) retail; AL(At least 18 yrs old)
SPIKEVAX COVID-19 VACCINE/2023-24 SUSP	0	
SPIKEVAX COVID-19 VACCINE/2023-24 SUSY	0	
SPIKEVAX COVID-19 VACCINE/2024-25 SUSY	0	
SPIKEVAX COVID-19 VACCINE SUSP	0	
TWINRIX SUSY	0	1 max fill(s) per 365 day(s) retail
VAQTA	0	1 max fill(s) per 365 day(s) retail
VARIVAX SUSR	0	2 max fill(s) per 365 day(s) retail
<b>VAGINAL AND RELATED PRODUCTS</b>		
Miscellaneous Vaginal Products		
INTRAROSA	3	QL(1 ea daily); PA
Spermicides		
TODAY SPONGE MISC	0	
Vaginal Anti-infectives		
<i>clindamycin phosphate vaginal CREA</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>clotrimazole vaginal CREA 1 %</i>	1B	
GYNAZOLE-1	3	QL(2.5 gm per 30 day(s) retail; 5 gm per 30 days mail)
<i>metronidazole vaginal</i>	1B	
<i>miconazole nitrate vaginal SUPP 200 MG</i>	1B	
<i>terconazole vaginal CREA</i>	1B	
<i>terconazole vaginal SUPP</i>	1B	
Vaginal Anti-inflammatory Agents		
<i>hydrocortisone vaginal</i>	1B	QL(15.15 gm daily)
Vaginal Contraceptive - pH Modulators		
PHEXXI	0	PV
Vaginal Estrogens		
<i>estradiol vaginal CREA</i>	1B	QL(2 gm daily)
<i>estradiol vaginal TABS</i>	1B	
FEMRING	3	PA
PREMARIN	2	QL(1.5 gm daily)
<b>VASOPRESSORS - Drugs to Treat Heart and Circulation Conditions</b>		
Anaphylaxis Therapy Agents		
<i>epinephrine (anaphylaxis) SOAJ 0.15 MG/0.3ML</i>	1B	QL(2 ea per fill retail; 2 per fill mail); 2 max fill(s) per 365 day(s) retail; 2 max fill(s) per 365 day(s) mail
<i>epinephrine (anaphylaxis) SOAJ 0.3 MG/0.3ML</i>	2	QL(2 ea per fill retail; 2 per fill mail); 2 max fill(s) per 365 day(s) retail; 2 max fill(s) per 365 day(s) mail
Vasopressors		
<i>midodrine hcl</i>	1B	



Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<b>VITAMINS</b>		
Oil Soluble Vitamins		
<i>cholecalciferol CAPS 1.25 MG, 1.25 MG, 10 MCG, 50 MCG, 400 UNIT, 2000 UNIT, 50000 UNIT</i>	1A	
<i>cholecalciferol TABS 10 MCG, 400 UNIT</i>	0	
<i>ergocalciferol CAPS</i>	0	
<i>ergocalciferol SOLN OR</i>	1B	
VITAMIN D2 TABS 400 UNIT	0	AL(At least 65 yrs old)
Water Soluble Vitamins		
NIACIN TR TBCR	1B	
<i>niacinamide TABS 100 MG</i>	1B	
<i>niacinamide TABS 500 MG</i>	1A	
<i>niacin CPCR 250 MG, 500 MG</i>	1A	
<i>niacin TABS</i>	1A	
<i>niacin TBCR</i>	1A	

## INDEX

abacavir sulfate SOLN .....	30	acyclovir CAPS .....	32	AKYNZEO .....	18
abacavir sulfate TABS .....	30	acyclovir SUSP .....	32	albendazole .....	8
abacavir sulfate-lamivudine .....	30	acyclovir TABS OR .....	32	albuterol sulfate AERS .....	10
ABELCET .....	18	acyclovir topical CREA .....	40	albuterol sulfate NEBU 0.083 %, 0.63 MG/3ML, 1.25 MG/3ML .....	10
abiraterone acetate 250 MG .....	25	acyclovir topical OINT .....	40	albuterol sulfate NEBU 0.5 %, 2.5 MG/0.5ML .....	10
abiraterone acetate 500 MG .....	25	ADACEL SUSP .....	64	albuterol sulfate SYRP .....	10
ABRYSVO .....	66	ADALIMUMAB-ADAZ SOAJ .....	3	albuterol sulfate TABS .....	10
acamprosate calcium .....	62	ADALIMUMAB-ADAZ SOSY .....	3	alclometasone dipropionate CREA 40	
acarbose .....	15	adapalene CREA .....	37	alclometasone dipropionate OINT .40	
acebutolol hcl CAPS .....	32	adapalene GEL .....	37	ALDURAZYME .....	46
acetaminophen w/ codeine SOLN .. 6		adapalene-benzoyl peroxide GEL 2.5 %-0.1 % .....	37	ALECENSA .....	26
acetaminophen w/ codeine TABS 15 MG-300 MG .....	6	ADCETRIS .....	25	alendronate sodium TABS 35 MG, 70 MG .....	45
acetaminophen w/ codeine TABS 30 MG-300 MG .....	6	adefovir dipivoxil .....	32	alendronate sodium TABS 5 MG, 10 MG .....	45
acetaminophen w/ codeine TABS 60 MG-300 MG .....	6	ADEMPAS .....	34	alfuzosin hcl .....	48
acetaminophen-caff-dihydrocod CAPS 30 MG-320.5 MG-16 MG .... 6		ADTHYZA TABS 16.25 MG, 32.5 MG, 65 MG, 97.5 MG, 130 MG ... 64		ALINIA SUSR .....	22
acetazolamide CP12 .....	44	ADVATE .....	48	aliskiren fumarate .....	21
acetazolamide sodium .....	44	ADYNOVATE .....	48	allopurinol 100 MG, 300 MG .....	48
acetazolamide TABS 125 MG .....	44	AFLURIA 2024-2025 SUSP .....	66	almotriptan malate 12.5 MG .....	54
acetazolamide TABS 250 MG .....	44	AFLURIA 2024-2025 SUSY .....	66	almotriptan malate 6.25 MG .....	54
acetic acid (otic) .....	60	AFLURIA QUADRIVALENT 2022- 2023 SUSP .....	66	ALOCRIAL .....	60
acetic acid 0.25 % .....	48	AFLURIA QUADRIVALENT 2022- 2023 SUSY .....	66	alogliptin benzoate 12.5 MG .....	16
acetylcysteine SOLN .....	37	AFLURIA QUADRIVALENT 2023- 2024 SUSP .....	66	alogliptin benzoate 25 MG .....	16
acitretin 10 MG, 17.5 MG .....	40	AFLURIA QUADRIVALENT 2023- 2024 SUSY .....	66	alogliptin-metformin hcl .....	15
acitretin 25 MG .....	40	AFSTYLA .....	48	alogliptin-pioglitazone 15 MG-25 MG, 30 MG-25 MG, 45 MG-25 MG .....	15
ACTHAR GEL .....	45	AIMOVIG .....	54	alogliptin-pioglitazone 30 MG-12.5 MG .....	15
ACTHIB SOLR IM .....	66	AIMSCO LUBRICATED MISC .... 51		ALOMIDE .....	60
ACTIMMUNE 100 MCG/0.5ML .... 28					

alose tron hcl	48	amlodipine besylate TABS	33	CP24 5 MG-5 MG-5 MG-5 MG, 6.25 MG-6.25 MG-6.25 MG-6.25 MG, 7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG	1
alprazolam TABS 0.25 MG, 0.5 MG, 1 MG	8	amlodipine besylate-atorvastatin calcium	34		
alprazolam TABS 2 MG	8	amlodipine besylate-benazepril hcl 20		amphetamine-dextroamphetamine TABS 1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG, 1.875 MG-1.875 MG-1.875 MG-1.875 MG, 2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG, 3.125 MG-3.125 MG-3.125 MG-3.125 MG, 3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG, 5 MG-5 MG-5 MG-5 MG	1
alprazolam TB24	8	amlodipine besylate-olmesartan medoxomil	21		
alprazolam TBDP	8	amlodipine besylate-valsartan	21		
ALPROLIX	49	amlodipine-valsartan-hydrochlorothiazide	21		
ALREX SUSP (lote prednol etabonate)	60	amoxapine	15	amphetamine-dextroamphetamine TABS 7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG	1
ALTABAX	38	amoxicillin & pot clavulanate CHEW	61		
ALTUVIIIO	49	amoxicillin & pot clavulanate SUSR	61	amphotericin b IV	18
ALUNBRIG TABS	26	amoxicillin & pot clavulanate TABS	61	amphotericin b liposome	18
ALUNBRIG TBPk	26	amoxicillin & pot clavulanate TB12	61	ampicillin & sulbactam sodium IJ 1 GM-0.5 GM, 2 GM-1 GM	61
ALVESCO	9	amoxicillin CAPS	61	ampicillin CAPS 500 MG	61
alvimopan	48	amoxicillin CHEW 125 MG, 250 MG	61	ampicillin sodium IJ 1 GM	61
amantadine hcl CAPS	29	amoxicillin SUSR 125 MG/5ML	61	anagrelide hcl	49
amantadine hcl SOLN	29	amoxicillin SUSR 200 MG/5ML, 250 MG/5ML, 400 MG/5ML	61	anastrozole	25
amantadine hcl TABS	29	amoxicillin TABS	61	ANDRODERM PT24 2 MG/24HR, 4 MG/24HR	7
ambrisentan	34	amoxicillin-clarithromycin w/ lansoprazole THPK	65	ANNOVERA	36
amcinonide CREA	40	amphetamine-dextroamphetamine CP24 1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG, 2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG	1	ANORO ELLIPTA	10
amcinonide LOTN	40			ANZEMET TABS 50 MG	17
amcinonide OINT	40			APIDRA SOLN	16
amikacin sulfate SOLN 1 GM/4ML, 500 MG/2ML	2			APIDRA SOLOSTAR SOPN	16
amiloride & hydrochlorothiazide	44			apomorphine hydrochloride SOCT	29
amiloride hcl TABS	44			apraclonidine hcl	59
aminocaproic acid TABS	50			aprepitant CAPS 40 MG, 125 MG	18
aminophylline SOLN	11			aprepitant CAPS 80 MG	18
amiodarone hcl SOLN 50 MG/ML	9			aprepitant CAPS	18
amiodarone hcl TABS	9				
amitriptyline hcl TABS	15				

aprepitant MISC .....	18	atenolol & chlorthalidone .....	21	AZELEX .....	37
APTIOM .....	12	atenolol TABS .....	32	azithromycin PACK .....	51
APTIVUS CAPS .....	30	ATGAM .....	56	azithromycin SOLR .....	51
ARANESP ALBUMIN FREE SOLN 25 MCG/ML .....	49	atomoxetine hcl 10 MG, 18 MG, 25 MG, 40 MG .....	1	azithromycin SUSR .....	51
ARANESP ALBUMIN FREE SOLN 40 MCG/ML, 60 MCG/ML, 100 MCG/ML .....	49	atomoxetine hcl 60 MG, 80 MG, 100 MG .....	1	azithromycin TABS 250 MG .....	51
ARANESP ALBUMIN FREE SOSY 150 MCG/0.3ML, 200 MCG/0.4ML, 300 MCG/0.6ML, 500 MCG/ML .....	49	atorvastatin calcium TABS .....	19	azithromycin TABS 500 MG .....	51
ARCALYST .....	3	atovaquone .....	22	azithromycin TABS 600 MG .....	51
AREXVY .....	66	atovaquone-proguanil hcl .....	23	bacitracin (ophthalmic) .....	59
arformoterol tartrate .....	10	atropine sulfate SOLN IJ 0.4 MG/ML, 1 MG/ML .....	64	bacitracin .....	22
ARIKAYCE .....	2	atropine sulfate SOSY IJ 0.25 MG/5ML .....	64	baclofen TABS .....	58
aripiprazole SOLN OR .....	30	ATROVENT HFA .....	9	BALCOLTRA (levonorgestrel-ethinyl estradiol-iron) .....	35
aripiprazole TABS .....	30	AUSTEDO PATIENT TITRATION KIT TBPK .....	62	balsalazide disodium CAPS .....	47
armodafinil .....	1	AUSTEDO TABS .....	62	BALVERSA .....	26
ARMOUR THYROID TABS .....	64	AUSTEDO XR PATIENT TITRATION KIT TEPK .....	62	BANZEL TABS 200 MG (rufinamide) 12	
ARNUIITY ELLIPTA .....	9	AUSTEDO XR TB24 .....	62	BANZEL TABS 400 MG (rufinamide) 12	
arsenic trioxide 10 MG/10ML .....	28	avanafil .....	34	BARACLUDE SOLN .....	32
ARZERRA .....	25	AVONEX PEN AJKT .....	62	BASAGLAR KWIKPEN SOPN .....	16
asenapine maleate 2.5 MG .....	30	AVONEX PSKT .....	62	BAXDELA SOLR .....	47
asenapine maleate 5 MG, 10 MG .....	30	AYVAKIT .....	26	BAXDELA TABS .....	47
aspirin CHEW .....	5	azacitidine SUSR .....	24	BELSOMRA .....	50
aspirin TABS 325 MG .....	5	AZASITE .....	59	benazepril & hydrochlorothiazide 12.5 MG-10 MG, 25 MG-20 MG .....	21
aspirin TBEC 325 MG .....	5	AZATHIOPRINE .....	56	benazepril & hydrochlorothiazide 12.5 MG-20 MG, 6.25 MG-5 MG .....	21
aspirin TBEC 81 MG .....	5	azathioprine TABS .....	56	benazepril hcl .....	20
aspirin-dipyridamole .....	49	azelaic acid GEL .....	43	bendamustine hcl SOLR .....	24
atazanavir sulfate CAPS 150 MG, 300 MG .....	30	azelastine hcl (ophth) .....	60	BENEFIX KIT .....	49
atazanavir sulfate CAPS 200 MG .....	30	azelastine hcl .....	58	BENZEPRO CREAMY WASH LIQD .....	37

BENZEPRO FOAM 5.3 %	37	betaxolol hcl (ophth) SOLN	59	brimonidine tartrate 0.15 %, 0.2 %	59
benzonatate 100 MG	37	betaxolol hcl	32	brimonidine tartrate-timolol maleate	59
benzonatate 150 MG	37	bethanechol chloride 25 MG	66	brinzolamide	60
benzonatate 200 MG	37	bethanechol chloride 5 MG, 10 MG, 50 MG	66	BRIVIACT SOLN OR 10 MG/ML	12
benzoyl peroxide FOAM 5.3 %, 9.8 %	37	bexarotene (topical)	39	BRIVIACT TABS	12
benzoyl peroxide GEL 10 %	38	bexarotene	28	BRIXADI SOSY	7
benzoyl peroxide GEL 5 %	37	BEXSERO	66	bromfenac sodium (ophth)	60
benzoyl peroxide LIQD 4 %, 7 %, 10 %	38	bicalutamide	25	bromocriptine mesylate CAPS	29
benzoyl peroxide-erythromycin GEL	37	BIKTARVY	30	bromocriptine mesylate TABS 2.5 MG	29
benztropine mesylate SOLN	28	bimatoprost SOLN	60	BRUKINSA	26
benztropine mesylate TABS	28	bisacodyl SUPP	51	budesonide (inhalation) SUSP	10
bepotastine besilate	60	bisacodyl TBEC	51	budesonide (intrarectal)	7
betaine	46	bisoprolol & hydrochlorothiazide	21	budesonide (nasal)	58
betamethasone dipropionate (topical) CREA	41	bisoprolol fumarate	32	budesonide CPEP	36
betamethasone dipropionate (topical) LOTN	41	bleomycin sulfate 15 UNIT	26	budesonide-formoterol fumarate dihydrate	10
betamethasone dipropionate (topical) OINT	41	BOOSTRIX SUSP	64	bumetanide SOLN 0.25 MG/ML	44
betamethasone dipropionate augmented CREA	41	BOOSTRIX SUSY	64	bumetanide TABS	44
betamethasone dipropionate augmented LOTN	41	bortezomib SOLR IJ	26	buprenorphine hcl SOLN	7
betamethasone dipropionate augmented OINT	41	BORTEZOMIB SOLR IV 3.5 MG	26	buprenorphine hcl SUBL	7
betamethasone valerate CREA	41	bosentan TABS 125 MG	34	buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL 0.5 MG-2 MG, 1 MG-4 MG, 2 MG-8 MG	7
betamethasone valerate FOAM	41	bosentan TABS 62.5 MG	34	buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL 3 MG-12 MG	7
betamethasone valerate LOTN	41	BOSULIF TABS 100 MG, 500 MG	26	buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate SUBL	7
betamethasone valerate OINT	41	BOSULIF TABS 400 MG	26	buprenorphine PTWK	7
BETASERON KIT	62	BRAFTOVI 75 MG	26	bupropion hcl (smoking deterrent)	63
		BREO ELLIPTA (fluticasone furoate- vilanterol)	10	bupropion hcl TABS	13
		BREO ELLIPTA	10		
		BREZTRI AEROSPHERE	10		
		BRILINTA	49		
		brimonidine tartrate (topical)	43		

bupropion hcl TB12 100 MG .....13	calcipotriene OINT ..... 40	carbamazepine TB12 200 MG .....12
bupropion hcl TB12 150 MG .....13	calcipotriene SOLN ..... 40	carbidopa .....28
bupropion hcl TB12 200 MG .....13	calcipotriene-betamethasone dipropionate OINT ..... 41	carbidopa-levodopa TABS .....29
bupropion hcl TB24 150 MG .....13	calcipotriene-betamethasone dipropionate SUSP ..... 41	carbidopa-levodopa TBCR ..... 29
bupropion hcl TB24 300 MG .....13	calcitonin (salmon) NA .....45	carbidopa-levodopa TBDP .....29
bupirone hcl 5 MG .....8	calcitriol (topical) .....40	carbidopa-levodopa-entacapone ..29
bupirone hcl 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 30 MG .....8	calcitriol CAPS .....46	carbinoxamine maleate SOLN .....19
busulfan SOLN .....24	calcitriol SOLN IV .....46	carbinoxamine maleate TABS 4 MG . 19
butalbital-acetaminophen TABS 50 MG-325 MG .....5	calcium acetate (phosphate binder) CAPS .....48	carboplatin SOLN 50 MG/5ML .....24
butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-300 MG .....4	calcium acetate (phosphate binder) TABs .....48	carisoprodol TABS .....58
butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-325 MG .....4	calcium chloride (dihydrate) SOLN 55	carmustine .....24
butalbital-acetaminophen-caffeine TABs 40 MG-50 MG-325 MG .....4	calcium polycarbophil TABS .....51	carteolol hcl (ophth) .....59
butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-300 MG .....6	CALQUENCE .....26	carvedilol .....32
butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-325 MG .....6	candesartan cilexetil .....20	carvedilol phosphate .....32
butalbital-aspirin-caffeine CAPS .....5	candesartan cilexetil- hydrochlorothiazide .....21	casprofungin acetate .....18
butalbital-aspirin-caffeine w/cod ....6	capecitabine .....24	CAYA DPRH .....51
butenafine hcl .....38	CAPRELSA .....26	CAYSTON .....22
butorphanol tartrate IJ 1 MG/ML, 2 MG/ML .....7	captopril 12.5 MG .....20	cefaclor CAPS .....35
butorphanol tartrate NA 10 MG/ML .7	captopril 25 MG, 50 MG, 100 MG .20	cefaclor SUSR 125 MG/5ML, 250 MG/5ML, 375 MG/5ML .....35
cabergoline .....46	carbamazepine CHEW 100 MG ...12	cefadroxil CAPS .....34
CABLIVI .....49	carbamazepine CP12 100 MG ....12	cefadroxil SUSR .....34
CABOMETYX TABS .....26	carbamazepine CP12 200 MG ....12	cefadroxil TABS .....35
calcipotriene CREA .....40	carbamazepine CP12 300 MG ....12	cefazolin sodium SOLR IJ 1 GM, 10 GM, 500 MG .....35
	carbamazepine SUSP .....12	cefdinir CAPS .....35
	carbamazepine TABS .....12	cefdinir SUSR .....35
	carbamazepine TB12 100 MG, 400 MG .....12	cefepime hcl SOLR IV 2 GM .....35
		cefixime CAPS .....35
		cefixime SUSR .....35

cefotaxime sodium IJ 1 GM, 2 GM	35	chloroquine phosphate TABS 250 MG	23	CIPRO SUSR	47
cefotetan disodium IJ 1 GM, 2 GM	35	chloroquine phosphate TABS 500 MG	23	ciprofloxacin hcl (ophth) SOLN	59
cefoxitin sodium IV 1 GM, 2 GM	35	chlorpromazine hcl SOLN	30	ciprofloxacin hcl (otic)	60
cefpodoxime proxetil SUSR	35	chlorpromazine hcl TABS	30	ciprofloxacin hcl TABS	47
cefpodoxime proxetil TABS	35	chlorthalidone 25 MG, 50 MG	44	ciprofloxacin in d5w 5 %-200 MG/100ML	47
cefprozil SUSR	35	chlorzoxazone TABS 500 MG	58	ciprofloxacin SUSR 5 GM/100ML, 500 MG/5ML	47
cefprozil TABS	35	chlorzoxazone TABS 750 MG	58	ciprofloxacin-dexamethasone	60
ceftazidime IJ 1 GM, 6 GM	35	CHOLBAM	47	ciprofloxacin-fluocinolone acetonide	60
ceftriaxone sodium IJ 1 GM, 2 GM, 500 MG	35	cholecalciferol CAPS 1.25 MG, 1.25 MG, 10 MCG, 50 MCG, 400 UNIT, 2000 UNIT, 50000 UNIT	70	cisplatin SOLN 100 MG/100ML	24
ceftriaxone sodium IJ 250 MG	35	cholecalciferol TABS 10 MCG, 400 UNIT	70	citalopram hydrobromide SOLN	14
cefuroxime axetil TABS	35	cholestyramine light PACK	19	citalopram hydrobromide TABS 10 MG	14
cefuroxime sodium IJ 750 MG	35	cholestyramine light POWD	19	citalopram hydrobromide TABS 20 MG	14
celecoxib	4	cholestyramine PACK	19	citalopram hydrobromide TABS 40 MG	14
CELONTIN (methsuximide)	13	cholestyramine POWD	19	clarithromycin SUSR	51
cephalexin CAPS	35	choline fenofibrate	19	clarithromycin TABS	51
cephalexin SUSR	35	CHORIONIC GONADOTROPIN IM 45		clarithromycin TB24	51
CERDELGA	49	ciclopirox GEL	38	CLASSIC PRENATAL TABS	57
CEREZYME 400 UNIT	49	ciclopirox olamine CREA	38	clemastine fumarate SYRP	19
cetirizine hcl TABS	19	ciclopirox olamine SUSP	38	clemastine fumarate TABS 2.68 MG	19
cevimeline hcl	57	ciclopirox SHAM	38	CLIMARA PRO	46
CHEMET	17	ciclopirox SOLN	38	clindamycin hcl	22
CHEMSTRIP-K STRP	43	cidofovir	31	clindamycin palmitate hydrochloride	22
chloramphenicol sodium succinate 22		cilostazol	49	clindamycin phosphate (topical) FOAM	38
chlordiazepoxide hcl CAPS	8	CIMDUO	30	clindamycin phosphate (topical) GEL	
chlordiazepoxide hcl-clidinium bromide	64	cimetidine TABS	65		
chlordiazepoxide-amitriptyline	62	cinacalcet hcl	46		
chlorhexidine gluconate (mouth-throat)	57				

38	clocortolone pivalate	41	colestipol hcl PACK	19
clindamycin phosphate (topical) LOTN	clofarabine	24	colestipol hcl TABS	19
clindamycin phosphate (topical) SOLN	clomipramine hcl	15	COMETRIQ KIT	26
clindamycin phosphate (topical) SWAB	clonazepam TABS	11	COMIRNATY 2023-24 SUSP	66
clindamycin phosphate SOLN IJ 9 GM/60ML, 300 MG/2ML, 600 MG/4ML, 900 MG/6ML, 9000 MG/60ML	clonidine hcl (adhd) TB12	1	COMIRNATY 2023-24 SUSY	66
clindamycin phosphate vaginal CREA	clonidine hcl TABS	20	COMIRNATY 2024-25 SUSY	66
clindamycin phosphate-benzoyl peroxide (refrigerate)	clonidine PTWK	20	COMIRNATY SUSP	66
clindamycin phosphate-benzoyl peroxide GEL 5 %-1 %	clopidogrel bisulfate 300 MG	49	COMPLERA	30
clindamycin phosphate-tretinoin	clopidogrel bisulfate 75 MG	49	CONTRACE	1
CLINIMIX 4.25%/DEXTROSE 10% 59	clorazepate dipotassium TABS	8	COPIKTRA	26
CLINIMIX 4.25%/DEXTROSE 5% 59	clotrimazole (topical) CREA	39	CORDRAN TAPE	41
CLINIMIX E 5%/DEXTROSE 20% 59	clotrimazole (topical) SOLN	39	CORLANOR SOLN	34
clobazam SUSP	clotrimazole	57	CORLANOR TABS (ivabradine hcl) 34	
clobazam TABS	clotrimazole vaginal CREA 1 %	69	CORTISPORIN-TC	60
clobetasol propionate CREA 0.05 % 41	clotrimazole w/ betamethasone CREA	39	COSENTYX SENSOREADY PEN SOAJ	40
clobetasol propionate emollient base 0.05 %	clotrimazole w/ betamethasone LOTN	39	COSENTYX SOSY 150 MG/ML	40
clobetasol propionate FOAM	clozapine TABS	30	COSENTYX SOSY 75 MG/0.5ML	40
clobetasol propionate GEL 0.05 %	clozapine TBDP 100 MG	30	COSENTYX UNOREADY SOAJ	40
clobetasol propionate OINT 0.05 % 41	clozapine TBDP 12.5 MG, 150 MG 30		CREON CPEP	44
clobetasol propionate SOLN 0.05 % 41	clozapine TBDP 25 MG	30	CRESEMBA CAPS 186 MG	18
	COARTEM	23	cromolyn sodium (ophth)	60
	codeine sulfate TABS 30 MG	5	cromolyn sodium NEBU	9
	CODEINE SULFATE TABS	5	crotamiton LOTN	43
	colchicine TABS	48	CVS PRENATAL TABS 100 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-4 MCG-1.7 MG-18 MG-27 MG-1.5 MG-25 MG- 263 MG-11 UNIT-4000 UNIT	57
	colchicine w/ probenecid	48	cyanocobalamin SOLN IJ 1000 MCG/ML	49
	colesevelam hcl PACK	19	cyclobenzaprine hcl TABS 5 MG, 10	
	colesevelam hcl TABS	19		
	colestipol hcl GRAN	19		



MG .....	58	danazol CAPS .....	7	desipramine hcl TABS .....	15
cyclophosphamide CAPS .....	24	dantrolene sodium CAPS .....	58	desloratadine TABS .....	19
cyclophosphamide SOLR IJ .....	24	dapagliflozin propanediol .....	17	desloratadine TBDP 2.5 MG .....	19
cycloserine .....	23	dapagliflozin propanediol-metformin hcl 1000 MG-10 MG .....	15	desmopressin acetate SOLN IJ ...	46
cyclosporine (ophth) EMUL .....	59	dapagliflozin propanediol-metformin hcl 1000 MG-5 MG .....	15	DESMOPRESSIN ACETATE SOLN NA .....	46
cyclosporine CAPS .....	56	dapsone .....	22	desmopressin acetate spray .....	46
cyclosporine modified (for microemulsion) CAPS .....	56	DAPTACEL .....	64	desmopressin acetate spray refrigerated .....	46
cyclosporine modified (for microemulsion) SOLN .....	56	daptomycin 500 MG .....	22	desmopressin acetate TABS 0.1 MG 46	
cyclosporine SOLN IV 50 MG/ML .	56	darifenacin hydrobromide .....	65	desmopressin acetate TABS 0.2 MG 46	
CYLTEZO AJKT .....	3	darunavir TABS 600 MG .....	30	desogestrel & ethinyl estradiol ....	35
CYLTEZO PSKT 10 MG/0.2ML, 40 MG/0.4ML .....	3	darunavir TABS 800 MG .....	30	desogestrel-ethinyl estradiol (biphasic) .....	35
CYLTEZO PSKT 20 MG/0.4ML, 40 MG/0.8ML .....	3	dasatinib .....	27	desogestrel-ethinyl estradiol (triphasic) .....	35
CYLTEZO STARTER PACKAGE FOR CROHNS DISEASE/UC/HS AJKT .....	3	DAURISMO .....	25	desonide CREA .....	41
CYLTEZO STARTER PACKAGE FOR PSORIASIS AJKT .....	3	DEBACTEROL .....	57	desonide LOTN .....	41
CYLTEZO STARTER PACKAGE FOR PSORIASIS/UVEITIS AJKT ...	3	decitabine .....	24	desonide OINT .....	41
cyproheptadine hcl SYRP .....	19	deferasirox PACK .....	17	desoximetasone CREA 0.25 % ....	41
cyproheptadine hcl TABS .....	19	deferasirox TABS .....	17	desoximetasone GEL .....	41
CYSTAGON CAPS .....	48	deferasirox TBSO .....	17	desoximetasone OINT 0.25 % ....	41
CYSTARAN .....	60	deferiprone TABS 500 MG .....	17	desvenlafaxine succinate 100 MG .	14
cytarabine SOLN .....	24	deflazacort SUSP .....	36	desvenlafaxine succinate 25 MG, 50 MG .....	14
dabigatran etexilate mesylate CAPS . 11		deflazacort TABS .....	36	dexamethasone ELIX .....	36
dacarbazine SOLR 200 MG .....	28	DELESTROGEN 10 MG/ML (estradiol valerate) .....	46	DEXAMETHASONE INTENSOL CONC .....	36
dactinomycin .....	26	DELSTRIGO .....	30	dexamethasone sodium phosphate (ophth) .....	60
dalfampridine .....	62	demeclocycline hcl TABS .....	64	dexamethasone sodium phosphate	
		DEPO-ESTRADIOL .....	46		
		DEPO-MEDROL SUSP .....	36		
		DEPO-SUBQ PROVERA 104 SUSY SC .....	36		

SOLN IJ 4 MG/ML, 20 MG/5ML, 120 MG/30ML .....	36	dichlorphenamide .....	44	DILANTIN INFATABS CHEW (phenytoin) .....	13
dexamethasone sodium phosphate SOSY IJ 4 MG/ML .....	36	diclofenac epolamine PTCH EX ...	39	DILANTIN-125 SUSP (phenytoin) .	13
dexamethasone SOLN .....	36	diclofenac potassium TABS 50 MG .	4	diltiazem hcl coated beads CP24 120 MG, 300 MG, 360 MG .....	33
dexamethasone TABS 0.5 MG, 0.75 MG .....	36	diclofenac sodium (actinic keratoses) EX .....	39	diltiazem hcl coated beads CP24 180 MG, 240 MG .....	33
dexamethasone TABS 1 MG, 1.5 MG, 2 MG, 4 MG, 6 MG .....	36	diclofenac sodium (ophth) .....	60	diltiazem hcl CP12 .....	33
dexchlorpheniramine maleate SOLN .	18	diclofenac sodium (topical) GEL EX 39		diltiazem hcl CP24 .....	33
dexlansoprazole .....	65	diclofenac sodium TB24 .....	4	diltiazem hcl extended release beads .....	33
dexmethylphenidate hcl CP24 .....	2	diclofenac sodium TBEC .....	4	diltiazem hcl SOLN 50 MG/10ML ..	33
dexmethylphenidate hcl TABS .....	2	diclofenac w/ misoprostol TBEC ....	4	DILTIAZEM HCL SOLR .....	33
dextroamphetamine sulfate CP24 10 MG, 15 MG .....	1	dicloxacillin sodium .....	61	diltiazem hcl TABS .....	33
dextroamphetamine sulfate CP24 5 MG .....	1	dicyclomine hcl CAPS .....	65	diltiazem hcl TB24 .....	33
dextroamphetamine sulfate TABS 2.5 MG, 7.5 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG .	1	dicyclomine hcl SOLN OR .....	65	dimethyl fumarate CDPK .....	62
dextroamphetamine sulfate TABS 5 MG, 10 MG .....	1	dicyclomine hcl TABS .....	65	dimethyl fumarate CPDR .....	62
dextrose in lactated ringers .....	55	DIFFERIN LOTN .....	38	DIPENTUM .....	47
DIACOMIT CAPS 250 MG .....	12	DIFICID TABS .....	51	diphenhydramine hcl CAPS 50 MG	19
DIACOMIT CAPS 500 MG .....	12	diflorasone diacetate CREA .....	41	diphenhydramine hcl ELIX 12.5 MG/5ML .....	19
DIACOMIT PACK 250 MG .....	12	diflorasone diacetate OINT .....	41	diphenhydramine hcl LIQD 12.5 MG/5ML .....	19
DIACOMIT PACK 500 MG .....	12	diflunisal TABS .....	5	diphenhydramine hcl SOLN 50 MG/ML .....	19
diazepam (anticonvulsant) GEL ...	11	difluprednate .....	60	diphenoxylate w/ atropine LIQD ...	17
diazepam CONC .....	8	digoxin SOLN OR 0.05 MG/ML ....	33	diphenoxylate w/ atropine TABS ...	17
diazepam SOLN OR 5 MG/5ML ....	8	digoxin TABS 0.0625 MG, 0.125 MG, 0.25 MG, 62.5 MCG, 125 MCG, 250 MCG .....	33	DIPHThERIA/TETANUS TOXOIDS ADSORBED PEDIATRIC SUSP ..	64
diazepam TABS .....	8	dihydroergotamine mesylate SOLN IJ 1 MG/ML .....	54	dipyridamole .....	49
diazoxide .....	16	dihydroergotamine mesylate SOLN NA 4 MG/ML .....	54	disopyramide phosphate CAPS ....	9
		DILANTIN (phenytoin sodium extended) .....	13	disulfiram .....	62
		DILANTIN .....	13		

divalproex sodium TB24 .....	13	MG, 100 MG .....	64	DUREX TROPICAL MISC .....	51
divalproex sodium TBEC .....	13	doxycycline (monohydrate) CAPS 75 MG .....	64	dutasteride .....	48
docetaxel CONC 20 MG/ML .....	28	doxycycline (monohydrate) TABS 100 MG .....	64	econazole nitrate CREA .....	39
docetaxel SOLN 20 MG/2ML .....	28	doxycycline (monohydrate) TABS 50 MG, 75 MG .....	64	EDARBI .....	20
docusate calcium .....	51	doxycycline (monohydrate) TABS 50 MG, 75 MG .....	64	EDURANT .....	30
docusate sodium CAPS 100 MG ..	51	doxycycline hyclate CAPS .....	64	efavirenz CAPS 200 MG .....	30
docusate sodium CAPS 250 MG ..	51	doxycycline hyclate SOLR .....	64	efavirenz CAPS 50 MG .....	30
dofetilide .....	9	doxycycline hyclate SOLR .....	64	efavirenz TABS .....	31
donepezil hydrochloride TABS 10 MG .....	62	doxycycline hyclate TABS 20 MG, 100 MG .....	64	efavirenz-emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate .....	30
donepezil hydrochloride TABS 5 MG, 23 MG .....	62	doxylamine-pyridoxine TBEC .....	18	efavirenz-lamivudine-tenofovir disoproxil fumarate .....	31
donepezil hydrochloride TBDP 10 MG .....	62	dronabinol CAPS .....	18	EGRIFTA 2 MG .....	45
donepezil hydrochloride TBDP 5 MG 62		drosiprenone-ethinyl estradiol ....	35	EGRIFTA SV .....	45
DOPTELET .....	49	drosiprenone-ethinyl estradiol- levomefolate calcium .....	35	ELAPRASE .....	46
dorzolamide hcl .....	60	DROXIA CAPS .....	49	electrolyte-148 .....	55
dorzolamide hcl-timolol maleate ..	59	DUAVEE .....	46	electrolyte-a .....	55
DOVATO .....	30	DULERA .....	10	ELESTRIN GEL .....	46
doxazosin mesylate .....	20	duloxetine hcl CPEP 20 MG, 30 MG, 60 MG .....	14	eletriptan hydrobromide .....	54
doxepin hcl (antipruritic) .....	40	duloxetine hcl CPEP 40 MG .....	14	ELIGARD KIT SC 7.5 MG .....	25
doxepin hcl (sleep) .....	50	DUPIXENT SOAJ 200 MG/1.14ML 42		ELIGARD SC 22.5 MG, 30 MG, 45 MG .....	25
doxepin hcl CAPS .....	15	DUPIXENT SOAJ 300 MG/2ML ...	42	ELIQUIS STARTER PACK TBPK .	11
doxepin hcl CONC .....	15	DUPIXENT SOSY 100 MG/0.67ML 42		ELIQUIS TABS .....	11
doxercalciferol CAPS .....	46	DUPIXENT SOSY 200 MG/1.14ML 42		ELLA .....	36
doxercalciferol SOLN .....	46	DUPIXENT SOSY 200 MG/1.14ML 42		ELMIRON CAPS .....	48
doxorubicin hcl liposomal SUSP ...	26	DUPIXENT SOSY 300 MG/2ML ...	42	ELOCTATE .....	49
doxorubicin hcl SOLN .....	26	DUREX EXTRA SENSITIVE THIN DEVI .....	51	EMCYT .....	25
doxorubicin hcl SOLR 10 MG, 50 MG .....	26	DUREX EXTRA SENSITIVE THIN MISC .....	51	EMFLAZA SUSP (deflazacort) ....	36
doxycycline (monohydrate) CAPS 50				EMFLAZA TABS (deflazacort) ....	36

EMGALITY SOSY 100 MG/ML	54	enoxaparin sodium SOSY 80 MG/0.8ML, 120 MG/0.8ML	11	ERLEADA 60 MG	25
EMGALITY SOSY 120 MG/ML	54	ENSPRYNG	56	erlotinib hcl	25
EMSAM	14	entacapone	29	ERTACZO	39
emtricitabine CAPS	31	entecavir TABS	32	ertapenem sodium IJ	22
emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate 100 MG-150 MG, 133 MG- 200 MG, 167 MG-250 MG	31	EPIDIOLEX	12	erythromycin (acne aid) PADS	38
emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate 200 MG-300 MG	31	epinastine hcl (ophth)	60	erythromycin (acne aid) SOLN	38
EMTRIVA SOLN	31	epinephrine (anaphylaxis) SOAJ 0.15 MG/0.3ML	69	erythromycin (ophth)	59
EMVERM CHEW	8	epinephrine (anaphylaxis) SOAJ 0.3 MG/0.3ML	69	erythromycin base CPEP	51
enalapril maleate & hydrochlorothiazide 12.5 MG-5 MG 21		EPIVIR HBV SOLN	32	erythromycin base TABS	51
enalapril maleate & hydrochlorothiazide 25 MG-10 MG 21		eplerenone	21	erythromycin base TBEC	51
enalapril maleate TABS	20	EPOGEN 2000 UNIT/ML, 3000 UNIT/ML, 4000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML	49	erythromycin ethylsuccinate SUSR 51	
ENBREL MINI SOCT	4	epoprostenol sodium	34	erythromycin ethylsuccinate TABS	51
ENBREL SOLN	4	EQL PRENATAL FORMULA TABS	57	escitalopram oxalate SOLN	14
ENBREL SOSY 25 MG/0.5ML	4	EQUETRO 100 MG	29	escitalopram oxalate TABS 10 MG 14	
ENBREL SOSY 50 MG/ML	4	EQUETRO 200 MG	29	escitalopram oxalate TABS 20 MG 14	
ENBREL SURECLICK SOAJ	4	EQUETRO 300 MG	29	escitalopram oxalate TABS 5 MG	14
ENGERIX-B SUSP 20 MCG/ML	66	ERAXIS	18	esomeprazole magnesium CPDR 20 MG	65
ENGERIX-B SUSY	66	ERBITUX	25	esomeprazole magnesium CPDR 40 MG	65
enoxaparin sodium SOLN IJ 300 MG/3ML	11	ergocalciferol CAPS	70	esomeprazole magnesium TBEC	65
enoxaparin sodium SOSY 100 MG/ML, 150 MG/ML	11	ergocalciferol SOLN OR	70	ESPEROCT	49
enoxaparin sodium SOSY 30 MG/0.3ML	11	ergoloid mesylates TABS	63	estazolam	50
enoxaparin sodium SOSY 40 MG/0.4ML	11	ERGOMAR SUBL	54	estradiol GEL 0.06 %	46
enoxaparin sodium SOSY 60 MG/0.6ML	11	ergotamine w/ caffeine TABS	54	estradiol GEL 0.25 MG/0.25GM, 0.5 MG/0.5GM, 0.75 MG/0.75GM, 1 MG/GM, 1.25 MG/1.25GM	46
		eribulin mesylate	28	estradiol PTTW	47
		ERIVEDGE	25	estradiol PTWK	47
		ERLEADA 240 MG	25		

estradiol TABS .....	47	famciclovir 125 MG, 250 MG .....	32	fenoprofen calcium TABS .....	4
estradiol vaginal CREA .....	69	famciclovir 500 MG .....	32	FENSOLVI SC .....	45
estradiol vaginal TABS .....	69	famotidine in nacl SOLN .....	65	fentanyl citrate LPOP .....	5
estradiol valerate .....	46	famotidine SOLN 20 MG/2ML .....	65	fentanyl PT72 12 MCG/HR, 25 MCG/HR, 50 MCG/HR, 75 MCG/HR, 100 MCG/HR .....	5
ESTROGEL GEL (estradiol) .....	47	famotidine SOLN 40 MG/4ML, 200 MG/20ML .....	65	ferrous fumarate-folic acid .....	50
eszopiclone .....	50	famotidine SUSR .....	65	ferrous sulfate SOLN 15 MG/ML ..	50
ethacrynic acid .....	44	famotidine TABS 20 MG, 40 MG ..	65	ferrous sulfate TABS 65 MG, 325 MG .....	50
ethambutol hcl TABS .....	23	FANAPT .....	29	ferrous sulfate TBEC 325 MG .....	50
ethosuximide CAPS .....	13	FANAPT TITRATION PACK .....	29	fesoterodine fumarate .....	65
ethosuximide SOLN .....	13	FANTASY LUBRICATED MISC ...	52	FETZIMA CP24 .....	15
ethynodiol diacet & eth estrad ....	35	FANTASY LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	52	FETZIMA TITRATION PACK C4PK 15	
etodolac CAPS .....	4	FARXIGA (dapagliflozin propanediol) .....	17	finasteride .....	48
etodolac TABS .....	4	FARXIGA .....	17	fingolimod hcl .....	62
etonogestrel-ethinyl estradiol .....	36	FASENRA PEN SOAJ .....	9	FIRDAPSE .....	23
ETOPOPHOS .....	28	FASENRA SOSY 30 MG/ML .....	9	FIRMAGON .....	25
etoposide CAPS .....	28	FC2 FEMALE CONDOM .....	52	flavoxate hcl .....	66
etoposide SOLN 1 GM/50ML, 100 MG/5ML, 500 MG/25ML .....	28	febuxostat .....	48	flecainide acetate .....	9
etravirine 100 MG .....	31	felbamate SUSP .....	13	floxuridine .....	24
etravirine 200 MG .....	31	felbamate TABS 400 MG .....	13	FLUAD 2024-2025 .....	66
EUCRISA .....	43	felbamate TABS 600 MG .....	13	FLUAD QUADRIVALENT 2022-2023 .....	66
EVAMIST SOLN .....	47	felodipine .....	33	FLUAD QUADRIVALENT 2023-2024 .....	66
everolimus (immunosuppressant) 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG .....	56	FEMCAP DEVI .....	52	FLUARIX 2024-2025 SUSY .....	66
everolimus (immunosuppressant) 1 MG .....	56	FEMLYV TBDP .....	35	FLUARIX QUADRIVALENT 2022- 2023 SUSY .....	67
everolimus TABS .....	27	FEMRING .....	69	FLUARIX QUADRIVALENT 2023- 2024 SUSY .....	67
EVOTAZ .....	31	fenofibrate micronized 43 MG, 67 MG, 130 MG, 134 MG, 200 MG ...	19	FLUBLOK 2024-2025 SOSY .....	67
exemestane .....	25	fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145 MG, 160 MG .....	19		
ezetimibe .....	20				
ezetimibe-simvastatin .....	19				

FLUBLOK QUADRIVALENT 2022-2023 .....	67	flucinolone acetonide OIL .....	41	flutamide .....	25
FLUBLOK QUADRIVALENT 2023-2024 .....	67	flucinolone acetonide OINT .....	41	fluticasone furoate-vilanterol .....	10
FLUCELVAX 2024-2025 SUSP ...	67	flucinolone acetonide SOLN .....	41	fluticasone propionate (inhalation) AEPB .....	10
FLUCELVAX 2024-2025 SUSY ...	67	fluocinonide CREA 0.05 % .....	41	fluticasone propionate (nasal) SUSP .	58
FLUCELVAX QUADRIVALENT 2022-2023 SUSP .....	67	fluocinonide CREA 0.1 % .....	41	fluticasone propionate CREA 0.05 %	41
FLUCELVAX QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY .....	67	fluocinonide emulsified base .....	41	fluticasone propionate hfa .....	10
FLUCELVAX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSP .....	67	fluocinonide GEL .....	41	fluticasone propionate LOTN .....	42
FLUCELVAX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY .....	67	fluocinonide OINT .....	41	fluticasone propionate OINT .....	42
fluconazole SUSR .....	18	fluorometholone (ophth) SUSP ...	60	fluticasone-salmeterol AEPB 100 MCG/ACT-50 MCG/ACT, 250 MCG/ACT-50 MCG/ACT, 500 MCG/ACT-50 MCG/ACT .....	10
fluconazole TABS .....	18	fluorouracil (topical) CREA 5 % ...	39	fluticasone-salmeterol AERO .....	10
flucytosine .....	18	fluorouracil (topical) SOLN .....	39	fluvastatin sodium CAPS 20 MG ..	20
fludarabine phosphate SOLN .....	24	fluorouracil 500 MG/10ML .....	24	fluvastatin sodium CAPS 40 MG ...	19
fludarabine phosphate SOLR .....	24	fluoxetine hcl CAPS 10 MG .....	14	fluvoxamine maleate TABS 100 MG .	14
fludrocortisone acetate TABS .....	37	fluoxetine hcl CAPS 20 MG .....	14	fluvoxamine maleate TABS 25 MG, 50 MG .....	14
FLULAVAL 2024-2025 SUSY .....	67	fluoxetine hcl CAPS 40 MG .....	14	FLUZONE 2024-2025 SUSP .....	67
FLULAVAL QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY .....	67	fluoxetine hcl CPDR .....	14	FLUZONE 2024-2025 SUSY .....	67
FLULAVAL QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY .....	67	fluoxetine hcl SOLN .....	14	FLUZONE HIGH-DOSE 2024-2025 SUSY .....	67
FLUMIST NASAL VACCINE 2024-2025 .....	67	fluoxetine hcl TABS 10 MG, 60 MG	14	FLUZONE HIGH-DOSE PF 2022-2023 .....	67
FLUMIST QUADRIVALENT .....	67	14		FLUZONE HIGH-DOSE PF 2023-2024 .....	67
flunisolide (nasal) 0.025 % .....	58	fluoxetine hcl TABS 20 MG .....	14	FLUZONE QUADRIVALENT 2022-2023 SUSP .....	67
fluocinolone acetonide (otic) .....	61	fluphenazine hcl CONC .....	30	FLUZONE QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY .....	67
fluocinolone acetonide CREA 0.01 %	41	fluphenazine hcl ELIX .....	30		
fluocinolone acetonide CREA 0.025 % .....	41	fluphenazine hcl SOLN .....	30		
		fluphenazine hcl TABS .....	30		
		flurandrenolide CREA .....	41		
		flurandrenolide LOTN .....	41		
		flurazepam hcl .....	50		
		flurbiprofen sodium .....	60		
		flurbiprofen TABS .....	4		

FLUZONE QUADRIVALENT 2023-2024 SUSP .....	67	FREESTYLE LIBRE 2/READER/FLASH GLUCOSE MONITORING SYSTEM .....	53	galantamine hydrobromide SOLN ..	62
FLUZONE QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY .....	67	FREESTYLE LIBRE 2/SENSOR/FLASH GLUCOSE MONITORING SYSTEM .....	53	galantamine hydrobromide TABS ..	62
FML FORTE SUSP .....	60	FREESTYLE LIBRE 3 PLUS/SENSOR/GLUCOSE MONITORING SYSTEM .....	53	GAMMAGARD LIQUID 1 GM/10ML, 2.5 GM/25ML, 5 GM/50ML, 10 GM/100ML, 20 GM/200ML .....	61
FML OINT .....	60	FREESTYLE LIBRE 3/READER/GLUCOSE MONITORING SYSTEM .....	53	GAMMAGARD LIQUID 30 GM/300ML .....	61
folic acid TABS .....	49	FREESTYLE LIBRE 3/SENSOR/GLUCOSE MONITORING SYSTEM .....	53	GAMMAGARD S/D IGA LESS THAN 1MCG/ML SOLR .....	61
fondaparinux sodium 10 MG/0.8ML 11		FREESTYLE LIBRE 3/READER/GLUCOSE MONITORING SYSTEM .....	53	GAMMAKED 1 GM/10ML, 5 GM/50ML, 10 GM/100ML, 20 GM/200ML .....	61
fondaparinux sodium 2.5 MG/0.5ML, 5 MG/0.4ML, 7.5 MG/0.6ML .....	11	FREESTYLE LIBRE 3/SENSOR/GLUCOSE MONITORING SYSTEM .....	53	GAMUNEX-C .....	61
FORA GTEL BLOOD KETONE TEST STRIPS .....	43	FREESTYLE LIBRE/READER/FLASH MONITORING SYSTEM .....	53	ganciclovir sodium SOLR .....	32
FORA TEST N' GO ADVANCE/VOICE/6 CONNECT ..	43	frovatriptan succinate .....	54	ganirelix acetate .....	45
formoterol fumarate NEBU .....	10	fulvestrant SOSY .....	25	GARDASIL 9 SUSP .....	68
FORTEO SOPN (teriparatide) .....	45	furosemide SOLN OR 10 MG/ML, 40 MG/5ML .....	44	GARDASIL 9 SUSY .....	68
FOSAMAX PLUS D .....	45	furosemide TABS .....	44	gatifloxacin (ophth) .....	59
fosamprenavir calcium TABS .....	31	FUZEON SOLR .....	31	gefitinib .....	25
fosfomycin tromethamine .....	22	FYCOMPA TABS 2 MG .....	11	gemcitabine hcl SOLR 2 GM, 200 MG .....	24
fosinopril sodium & hydrochlorothiazide .....	21	FYCOMPA TABS 4 MG .....	11	gemfibrozil TABS .....	19
fosinopril sodium .....	20	FYCOMPA TABS 6 MG .....	11	GENOTROPIN CART SC .....	45
fosphenytoin sodium .....	13	FYCOMPA TABS 8 MG, 10 MG, 12 MG .....	11	GENOTROPIN MINIQUICK PRSY 45	
FRAGMIN SOSY .....	11	gabapentin CAPS .....	12	gentamicin in saline 0.8 MG/ML-0.9 %, 1 MG/ML-0.9 %, 1.2 MG/ML-0.9 %, 1.6 MG/ML-0.9 % .....	2
FREESTYLE LIBRE 14 DAY/READER/FLASH MONITORING SYSTEM .....	53	gabapentin SOLN .....	12	gentamicin sulfate (ophth) OINT ..	59
FREESTYLE LIBRE 14 DAY/SENSOR/FLASH MONITORING SYSTEM .....	53	gabapentin TABS 600 MG, 800 MG 12		gentamicin sulfate (ophth) SOLN ..	59
FREESTYLE LIBRE 2 PLUS/SENSOR/FLASH GLUCOSE MONITOR SYSTEM .....	53	GALAFOLD .....	46	gentamicin sulfate (topical) CREA ..	38
		galantamine hydrobromide CP24 ..	62	gentamicin sulfate (topical) OINT ..	38

GENVOYA .....	31	STRIPS .....	43	HIBERIX SOLR IJ .....	66
GILOTRIF .....	25	granisetron hcl SOLN IV 1 MG/ML	17	HUMATROPE CART IJ .....	45
glatiramer acetate SOSY 20 MG/ML .	62	granisetron hcl TABS .....	17	HUMIRA PEDIATRIC CROHNS	
glatiramer acetate SOSY 40 MG/ML .	62	GRASTEK SUBL .....	2	DISEASE STARTER PACK PSKT .	3
GLEOSTINE 10 MG .....	24	griseofulvin microsize SUSP .....	18	HUMIRA PEN AJKT 80 MG/0.8ML .	3
GLEOSTINE 40 MG, 100 MG .....	24	griseofulvin microsize TABS .....	18	HUMIRA PEN AJKT .....	3
glimepiride 1 MG, 2 MG .....	17	griseofulvin ultramicrosize .....	18	HUMIRA PEN-CD/UC/HS STARTER	
glimepiride 4 MG .....	17	guanfacine hcl (adhd) .....	1	AJKT .....	3
glipizide TABS 5 MG, 10 MG .....	17	guanfacine hcl .....	20	HUMIRA PEN-PEDIATRIC UC	
glipizide TB24 .....	17	GYNAZOLE-1 .....	69	STARTER PACK AJKT .....	3
glipizide-metformin hcl 250 MG-2.5		HADLIMA PUSHTOUCH SOAJ .....	3	HUMIRA PEN-PS/UV STARTER	
MG, 500 MG-2.5 MG .....	15	HADLIMA SOSY .....	3	AJKT .....	3
glipizide-metformin hcl 500 MG-5 MG		HAEGARDA SOLR SC .....	49	HUMIRA PSKT .....	3
.....	15	HALAVEN (eribulin mesylate) .....	28	HUMULIN R U-500	
GLUCAGEN DIAGNOSTIC .....	43	halcinonide CREA .....	42	(CONCENTRATED) SOLN SC .....	16
glucagon (rdna) .....	16	halobetasol propionate CREA .....	42	HUMULIN R U-500 KWIKPEN SOPN	
glyburide micronized 1.5 MG, 3 MG,		halobetasol propionate OINT .....	42	SC .....	16
6 MG .....	17	HALOG OINT .....	42	HYCANTIN CAPS .....	28
glyburide TABS .....	17	haloperidol decanoate .....	29	hydralazine hcl SOLN .....	21
glyburide-metformin 250 MG-1.25		haloperidol lactate CONC .....	29	hydralazine hcl TABS .....	21
MG .....	15	haloperidol lactate SOLN .....	29	hydrochlorothiazide CAPS .....	44
glyburide-metformin 500 MG-2.5 MG,		haloperidol TABS .....	30	hydrochlorothiazide TABS 12.5 MG	
500 MG-5 MG .....	15	HAVRIX .....	68	44	
glycine (gu irrigant) SOLN 1.5 % ..	48	HEMANGEOL SOLN OR .....	33	hydrochlorothiazide TABS 25 MG, 50	
glycopyrrolate SOLN IJ 0.2 MG/ML, 4		heparin sodium (porcine) SOLN IJ		MG .....	44
MG/20ML .....	65	5000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML,		hydrocodone polistirex-	
glycopyrrolate TABS 1 MG .....	65	20000 UNIT/ML .....	11	chlorpheniramine polistirex SUER .	37
glycopyrrolate TABS 2 MG .....	65	HEPARIN SODIUM/NACL 0.45%		hydrocodone-acetaminophen SOLN	
GLYXAMBI .....	15	SOLN IV 0.45 %-12500 UNIT/250ML		108 MG/5ML-2.5 MG/5ML, 217	
GNP PRENATAL TABS .....	57	11		MG/10ML-5 MG/10ML, 325	
GOJJI BLOOD KETONE TEST		HEPLISAV-B SOSY .....	68	MG/15ML-7.5 MG/15ML .....	6
				hydrocodone-acetaminophen SOLN	
				325 MG/15ML-10 MG/15ML .....	6
				hydrocodone-acetaminophen TABS	
				300 MG-10 MG, 300 MG-5 MG, 300	



MG-7.5 MG .....6	hydromorphone hcl TB24 8 MG, 12 MG, 16 MG .....5	imatinib mesylate .....27
hydrocodone-acetaminophen TABS 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG .....6	hydroxychloroquine sulfate 100 MG 23	IMBRUVICA CAPS 140 MG .....27
hydrocodone-ibuprofen 10 MG-200 MG, 5 MG-200 MG .....6	hydroxychloroquine sulfate 200 MG 23	IMBRUVICA CAPS 70 MG ..... 27
hydrocodone-ibuprofen 7.5 MG-200 MG .....7	hydroxychloroquine sulfate 400 MG 23	IMBRUVICA SUSP ..... 27
hydrocortisone (intrarectal) .....7	hydroxyurea .....28	IMBRUVICA TABS .....27
hydrocortisone (rectal) EX .....7	hydroxyzine hcl SOLN 50 MG/ML ..8	imipenem-cilastatin IV ..... 22
hydrocortisone (topical) CREA 1 %, 2.5 % .....42	hydroxyzine hcl SYRP .....8	imipramine hcl TABS .....15
hydrocortisone (topical) LOTN 2.5 % . 42	hydroxyzine hcl TABS .....8	imipramine pamoate .....15
hydrocortisone (topical) OINT 1 %, 2.5 % .....42	hydroxyzine pamoate CAPS ..... 8	imiquimod 5 % ..... 42
hydrocortisone acetate (rectal) .....7	HYPERSAL NEBU .....37	IMPAVIDO ..... 22
hydrocortisone butyrate CREA .... 42	HYQVIA ..... 61	INCRELEX ..... 45
hydrocortisone butyrate OINT ..... 42	ibandronate sodium SOLN .....45	INCRUSE ELLIPTA .....9
hydrocortisone butyrate SOLN ....42	ibandronate sodium TABS .....45	indapamide TABS 1.25 MG ..... 44
hydrocortisone sod succinate 100 MG ..... 36	IBRANCE CAPS .....27	indapamide TABS 2.5 MG .....44
hydrocortisone TABS ..... 36	IBRANCE TABS ..... 27	indomethacin CAPS 25 MG, 50 MG 4
hydrocortisone vaginal .....69	ibuprofen SUSP 100 MG/5ML ..... 4	indomethacin CPR ..... 4
hydrocortisone valerate CREA .... 42	ibuprofen TABS 400 MG, 600 MG ..4	INFANRIX ..... 64
hydrocortisone valerate OINT ..... 42	ibuprofen TABS 800 MG .....4	INFLECTRA SOLR ..... 47
hydrocortisone w/acetic acid .....61	icatibant acetate SOLN .....49	INGREZZA CAPS .....62
hydromorphone hcl LIQD ..... 5	icatibant acetate SOSY .....49	INGREZZA CPPK .....62
hydromorphone hcl SOLN IJ 10 MG/ML, 50 MG/5ML, 500 MG/50ML . 5	ICLUSIG .....27	INGREZZA CPSP .....62
hydromorphone hcl TABS .....5	icosapent ethyl 1 GM ..... 19	INLYTA .....24
hydromorphone hcl TB24 32 MG ... 5	idarubicin hcl 20 MG/20ML ..... 26	INREBIC ..... 27
	idarubicin hcl 5 MG/5ML, 10 MG/10ML .....26	INSULIN ASPART FLEXPEN SOPN . 16
	IDELVION .....49	INSULIN ASPART PENFILL SOCT 16
	ifosfamide SOLN 1 GM/20ML .....24	INSULIN ASPART PROTAMINE/INSULIN ASPART FLEXPEN SUPN .....16
	ifosfamide SOLR .....24	INSULIN ASPART PROTAMINE/INSULIN ASPART

SUSP .....	16	isosorbide dinitrate-hydralazine hcl 34	KEPIVANCE 6.25 MG .....	28
INSULIN ASPART SOLN IJ .....	16	isosorbide mononitrate TABS .....	KESIMPTA .....	63
INSULIN DEGLUDEC FLEXTOUCH SOPN .....	16	isosorbide mononitrate TB24 .....	ketoconazole (topical) CREA .....	39
INSULIN DEGLUDEC SOLN .....	16	isotretinoin 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG .....	ketoconazole (topical) SHAM 2 % ..	39
INTELENCE 25 MG .....	31	isradipine CAPS .....	ketoconazole .....	18
INTRAROSA .....	69	itraconazole CAPS .....	KETONE STRP .....	43
IONOSOL-MB/DEXTROSE 5% ..	55	itraconazole SOLN .....	KETONE TEST STRIPS STRP ....	43
IOPIDINE .....	59	ivabradine hcl TABS .....	ketoprofen CAPS 50 MG .....	4
IPOL INACTIVATED IPV .....	68	ivermectin (pediculicide) .....	ketorolac tromethamine (ophth) ...	60
ipratropium bromide (nasal) 0.03 % 58		ivermectin .....	ketorolac tromethamine TABS .....	4
ipratropium bromide (nasal) 0.06 % 58		IXEMPRA KIT 15 MG .....	KETOSTIX STRP .....	43
ipratropium bromide SOLN 0.02 % .	9	JAKAFI .....	ketotifen fumarate (ophth) 0.035 % 60	
ipratropium-albuterol SOLN .....	10	JANSSEN COVID-19 VACCINE ..	KEVZARA SOAJ .....	3
irbesartan .....	20	JANUMET TABS .....	KEVZARA SOSY .....	4
irbesartan-hydrochlorothiazide ....	21	JANUMET XR TB24 1000 MG-100 MG .....	KIMONO COLORS DEVI .....	52
IRESSA (gefitinib) .....	25	JANUMET XR TB24 1000 MG-50 MG, 500 MG-50 MG .....	KIMONO LUBRICATED MISC ....	52
irinotecan hcl 40 MG/2ML, 100 MG/5ML .....	28	JANUVIA .....	KIMONO MAXX/LARGE FLARE MISC .....	52
irrigation solutions, physiological ..	56	JARDIANCE .....	KIMONO MICRO THIN PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC	52
ISENTRESS CHEW .....	31	JEVTANA .....	KIMONO PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC .....	52
ISENTRESS HD TABS .....	31	JIVI .....	KIMONO PLUS SPERMICIDE/LUBRICATED MISC	52
ISENTRESS TABS .....	31	JULUCA .....	KIMONO PS LUBRICATED MISC .	52
ISOLYTE-P/DEXTROSE 5% .....	55	JYNARQUE TBPK .....	KIMONO PS PLUS SPERMICIDE/LUBRICATED MISC	52
ISOLYTE-S .....	55	KALYDECO TABS .....	KIMONO SENSATION LUBRICATED MISC .....	52
isoniazid SOLN .....	23	KAMELEON LUBRICATED MISC .		
isoniazid SYRP .....	23	KANJINTI .....		
isoniazid TABS .....	23	KCL 0.3%/D5W/NAACL 0.9% (potassium chloride in dextrose & sodium chloride) .....		
isosorbide dinitrate TABS 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG .....	8			

KIMONO SENSATION PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC 52	lactic acid (ammonium lactate) LOTN 12 % .....42	LENVIMA 24 MG DAILY DOSE ...24
KIMONO SPECIAL DEVI .....52	lactulose (encephalopathy) .....47	LENVIMA 4 MG DAILY DOSE ....24
KINRIX SUSY .....64	lactulose SOLN .....51	LENVIMA 8 MG DAILY DOSE ....25
KISQALI .....27	lamivudine (hbv) TABS .....32	letrozole .....25
KISQALI FEMARA 200 DOSE ....26	lamivudine SOLN .....31	leucovorin calcium SOLR .....28
KISQALI FEMARA 400 DOSE ....26	lamivudine TABS 150 MG .....31	leucovorin calcium TABS .....28
KISQALI FEMARA 600 DOSE ....26	lamivudine TABS 300 MG .....31	LEUKERAN .....24
KLARITY-A .....59	lamivudine-zidovudine .....31	LEUKINE SOLR IJ .....49
KLOXXADO LIQD .....17	lamotrigine CHEW 25 MG .....12	leuprolide acetate KIT IJ 1 MG/0.2ML .....25
KOGENATE FS KIT .....49	lamotrigine CHEW 5 MG .....12	levabuterol hcl .....10
KOSELUGO .....27	lamotrigine TABS .....12	levabuterol hcl 1.25 MG/0.5ML ....10
KOVALTRY .....49	lamotrigine TBP .....12	levabuterol tartrate .....10
KP PRENATAL MULTIVITAMINS TABS .....57	LANOXIN SOLN IJ (digoxin) .....33	LEVEMIR FLEXPEN SOPN .....16
KRINTAFEL .....23	LANOXIN TABS 62.5 MCG, 125 MCG, 250 MCG (digoxin) .....33	LEVEMIR FLEXTOUCH SOPN ....16
K-Y ME & YOU EXTRA LUBRICATED DEVI .....52	lansoprazole CPDR 15 MG .....65	LEVEMIR SOLN .....16
K-Y ME & YOU INTENSE DEVI ...52	lansoprazole CPDR 30 MG .....65	levetiracetam SOLN IV 500 MG/5ML 12
KYPROLIS .....27	lanthanum carbonate CHEW .....48	levetiracetam TABS 1000 MG .....12
labetalol hcl SOLN .....32	lapatinib ditosylate .....27	levetiracetam TABS 250 MG, 750 MG .....12
labetalol hcl TABS 100 MG, 200 MG . 32	LASTACRAFT .....60	levetiracetam TABS 500 MG .....12
labetalol hcl TABS 300 MG .....32	latanoprost SOLN .....60	levetiracetam TB24 .....12
lacosamide SOLN IV 200 MG/20ML . 12	leflunomide .....4	levobunolol hcl 0.5 % .....59
lacosamide TABS .....12	lenalidomide 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 15 MG, 25 MG .....56	levocetirizine dihydrochloride SOLN 19
lactated ringer's (irrigation) .....56	lenalidomide 20 MG .....56	levocetirizine dihydrochloride TABS 19
lactated ringer's .....55	LENVIMA 10 MG DAILY DOSE ...24	levofloxacin (ophth) 0.5 % .....59
lactic acid (ammonium lactate) CREA .....42	LENVIMA 12MG DAILY DOSE ...24	levofloxacin in d5w 5 %-500 MG/100ML .....47
	LENVIMA 14 MG DAILY DOSE ...24	levofloxacin SOLN OR .....47
	LENVIMA 18 MG DAILY DOSE ...24	
	LENVIMA 20 MG DAILY DOSE ...24	

levofloxacin TABS 250 MG, 750 MG . 47	lisdexamfetamine dimesylate CAPS 1	LOTEMAX OINT ..... 60
levofloxacin TABS 500 MG ..... 47	lisdexamfetamine dimesylate CHEW . 1	loteprednol etabonate GEL ..... 60
levonorgestrel & eth estradiol TABS 35	lisinopril & hydrochlorothiazide ... 21	loteprednol etabonate SUSP ..... 60
levonorgestrel (emergency oc) 1.5 MG ..... 36	lisinopril TABS 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG ..... 20	lovastatin TABS 10 MG, 20 MG ... 20
levonorgestrel-eth estradiol (triphasic) ..... 35	lithium ..... 29	lovastatin TABS 40 MG ..... 20
levonorgestrel-ethinyl estradiol (91- day) 0.03 MG-0.15 MG ..... 35	lithium carbonate CAPS ..... 29	loxapine succinate ..... 30
levonorgestrel-ethinyl estradiol (continuous) ..... 35	lithium carbonate TABS ..... 29	lubiprostone ..... 47
levonorgestrel-ethinyl estradiol-iron 35	lithium carbonate TBCR ..... 29	LUCEMYRA (lofexidine hcl) ..... 62
levorphanol tartrate TABS 2 MG .... 5	LO LOESTRIN FE TABS ..... 35	luliconazole ..... 39
levothyroxine sodium TABS ..... 64	lofexidine hcl ..... 62	LUMIZYME ..... 46
LEXIVA SUSP ..... 31	LOKELMA ..... 56	LUPRON DEPOT (1-MONTH) KIT IM ..... 25
lidocaine hcl (local anesth.) SOLN 0.5 %, 1 %, 2 % ..... 51	loperamide hcl CAPS ..... 17	LUPRON DEPOT (3-MONTH) KIT IM ..... 25
lidocaine hcl (mouth-throat) 2 % ... 57	lopinavir-ritonavir SOLN ..... 31	LUPRON DEPOT (4-MONTH) IM . 25
lidocaine hcl (mouth-throat) 4 % ... 57	lopinavir-ritonavir TABS ..... 31	LUPRON DEPOT (6-MONTH) IM . 25
lidocaine hcl GEL 2 % ..... 42	loratadine CAPS ..... 19	LUPRON DEPOT-PED (1-MONTH) . 45
lidocaine hcl PRSY ..... 43	loratadine CHEW ..... 19	LUPRON DEPOT-PED (3-MONTH) 11.25 MG ..... 45
lidocaine hcl SOLN ..... 43	loratadine SOLN ..... 19	LUPRON DEPOT-PED (3-MONTH) 30 MG ..... 45
lidocaine PTCH 5 % ..... 43	loratadine TABS ..... 19	lurasidone hcl 20 MG, 40 MG, 60 MG, 120 MG ..... 29
lidocaine-prilocaine CREA ..... 43	loratadine TBDP ..... 19	lurasidone hcl 80 MG ..... 29
lincomycin hcl ..... 22	lorazepam CONC ..... 8	LYNPARZA TABS ..... 27
linezolid SUSR ..... 22	lorazepam TABS 0.5 MG, 2 MG .... 8	LYSODREN ..... 25
linezolid TABS ..... 22	lorazepam TABS 1 MG ..... 8	mafenide acetate PACK ..... 40
LINZESS ..... 48	LORBRENA ..... 27	magnesium sulfate IJ 50 % ..... 55
liothyronine sodium SOLN ..... 64	losartan potassium & hydrochlorothiazide 12.5 MG-100 MG, 25 MG-100 MG ..... 21	malathion ..... 43
liothyronine sodium TABS ..... 64	losartan potassium & hydrochlorothiazide 12.5 MG-50 MG . 21	maraviroc TABS 150 MG ..... 31
	losartan potassium ..... 20	maraviroc TABS 300 MG ..... 31

MARPLAN .....	14	MENOSTAR PTWK .....	47	methadone hcl TABS 5 MG .....	5
MASONATAL TABS .....	57	MENQUADFI .....	66	methadone hcl TBSO .....	5
MATULANE .....	28	MENVEO SOLR .....	66	methamphetamine hcl .....	1
MAXIDEX SUSP OP .....	60	meperidine hcl SOLN IJ 25 MG/ML, 50 MG/ML, 100 MG/ML .....	5	methazolamide TABS .....	44
MAXX LUBRICATED MISC .....	52	meperidine hcl SOLN OR 50 MG/5ML .....	5	methenamine hippurate .....	22
MAXX PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC .....	52	meperidine hcl TABS 50 MG .....	5	methimazole TABS .....	64
meclizine hcl TABS 12.5 MG .....	18	meprobamate .....	8	methocarbamol TABS 500 MG, 750 MG .....	58
meclizine hcl TABS 25 MG .....	18	mercaptopurine TABS .....	24	METHOTREXATE .....	3
meclofenamate sodium CAPS .....	4	meropenem .....	22	methotrexate sodium SOLN 50 MG/2ML, 250 MG/10ML .....	24
MEDROL TABS .....	36	mesalamine CP24 .....	47	methotrexate sodium SOLR .....	24
medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSP IM .....	36	mesalamine CPDR .....	47	methotrexate sodium TABS 2.5 MG 24	
medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSY IM .....	36	mesalamine ENEM .....	47	methoxsalen rapid .....	40
medroxyprogesterone acetate 10 MG .....	61	mesalamine SUPP .....	47	methscopolamine bromide .....	65
medroxyprogesterone acetate 2.5 MG, 5 MG .....	61	mesalamine TBEC 1.2 GM .....	47	methsuximide .....	13
mefenamic acid CAPS .....	4	mesalamine TBEC 800 MG .....	47	methylidopa TABS .....	20
mefloquine hcl .....	23	metaxalone 800 MG .....	58	methylphenidate hcl CHEW 10 MG ..	2
megestrol acetate (appetite) .....	61	metformin hcl TABS 1000 MG .....	16	methylphenidate hcl CHEW 2.5 MG ..	2
megestrol acetate SUSP .....	25	metformin hcl TABS 500 MG .....	16	methylphenidate hcl CHEW 5 MG ..	2
megestrol acetate TABS .....	25	metformin hcl TABS 850 MG .....	16	methylphenidate hcl CP24 10 MG, 60 MG .....	2
MEKINIST TABS .....	27	metformin hcl TABS 750 MG .....	16	methylphenidate hcl CP24 20 MG, 40 MG .....	2
MEKTOVI .....	27	methadone hcl CONC .....	5	methylphenidate hcl CP24 30 MG ..	2
meloxicam TABS .....	4	methadone hcl SOLN IJ 10 MG/ML ..	5	methylphenidate hcl CP24 .....	2
melphalan .....	24	METHADONE HCL SOLN IJ .....	5	methylphenidate hcl CP24 .....	2
melphalan hcl IV .....	24	methadone hcl SOLN OR 10 MG/5ML .....	5	methylphenidate hcl CPR .....	2
memantine hcl TABS .....	62	methadone hcl SOLN OR 5 MG/5ML 5		methylphenidate hcl SOLN .....	2
MENACTRA .....	66	methadone hcl TABS 10 MG .....	5	methylphenidate hcl TABS 10 MG, 20 MG .....	2
MENEST .....	47			methylphenidate hcl TABS 5 MG ...	2

methylphenidate hcl TB24 18 MG, 27 MG .....	2	MG, 100 MG .....	33	modafinil 200 MG .....	2
methylphenidate hcl TB24 36 MG, 54 MG .....	2	metronidazole (topical) CREA .....	43	MODERNA COVID-19 VACCINE SUSP .....	68
methylphenidate hcl TBCR 10 MG, 20 MG .....	2	metronidazole (topical) GEL 0.75 % 43		MODERNA COVID-19 VACCINE/6MO-11Y/2023-24 SUSP .	68
methylphenidate hcl TBCR 18 MG, 27 MG .....	2	metronidazole (topical) GEL 1 % ..	43	MODERNA COVID-19 VACCINE/6MO-11Y/2024-25 SUSY .	68
methylphenidate hcl TBCR 36 MG, 54 MG .....	2	metronidazole (topical) LOTN .....	43	MODERNA COVID-19 VACCINE/BIVALENT/6MO-5Y ...	68
methylphenidate PTCH .....	2	metronidazole TABS .....	22	MODERNA COVID-19 VACCINE/BIVALENT/BA.4/BA.5 .	68
methylprednisolone acetate SUSP 37		metronidazole vaginal .....	69	MODERNA COVID-19 VACCINE6MO-5Y SUSP .....	68
methylprednisolone sod succ 40 MG, 125 MG, 500 MG, 1000 MG .....	37	mexiletine hcl .....	9	moexipril hcl .....	20
methylprednisolone TABS .....	37	miconazole nitrate vaginal SUPP 200 MG .....	69	mometasone furoate (nasal) SUSP 58	
methylprednisolone TBPK .....	37	midodrine hcl .....	69	mometasone furoate CREA .....	42
methyltestosterone TABS .....	7	miglitol .....	15	mometasone furoate OINT .....	42
metoclopramide hcl SOLN IJ 5 MG/ML .....	47	miglustat .....	49	mometasone furoate SOLN .....	42
metoclopramide hcl SOLN OR 5 MG/5ML, 10 MG/10ML .....	47	minocycline hcl CAPS .....	64	montelukast sodium CHEW .....	9
metoclopramide hcl TABS .....	47	minocycline hcl TABS .....	64	montelukast sodium PACK .....	9
metolazone .....	44	minoxidil 2.5 MG, 10 MG .....	21	montelukast sodium TABS .....	9
metoprolol & hydrochlorothiazide TABS 25 MG-100 MG, 50 MG-100 MG .....	21	MIRCERA .....	50	morphine sulfate CP24 10 MG, 20 MG, 30 MG, 50 MG, 60 MG, 80 MG, 100 MG .....	5
metoprolol & hydrochlorothiazide TABS 25 MG-50 MG .....	21	mirtazapine TABS 15 MG .....	13	morphine sulfate SOLN IJ 0.5 MG/ML, 1 MG/ML .....	5
metoprolol succinate TB24 200 MG 32		mirtazapine TABS 30 MG .....	13	morphine sulfate SOLN OR 10 MG/5ML .....	5
metoprolol succinate TB24 25 MG, 50 MG, 100 MG .....	32	mirtazapine TABS 7.5 MG, 45 MG 13		morphine sulfate SOLN OR 20 MG/5ML .....	5
metoprolol tartrate SOLN IV 5 MG/5ML .....	32	mirtazapine TBDP 15 MG .....	13	morphine sulfate TABS .....	6
metoprolol tartrate TABS 25 MG, 50		mirtazapine TBDP 30 MG .....	13	morphine sulfate TBCR .....	6
		mirtazapine TBDP 45 MG .....	13		
		misoprostol .....	65		
		mitomycin SOLR IV 20 MG .....	26		
		mitoxantrone hcl 2 MG/ML .....	26		
		M-M-R II SOLR .....	68		
		M-NATAL PLUS TABS .....	57		
		modafinil 100 MG .....	2		

MOTOFEN .....	17	naproxen TABS .....	4	NEO-SYNALAR .....	38
MOVANTIK .....	48	naproxen TBEC 500 MG .....	4	NEUPRO .....	29
moxifloxacin hcl (ophth) SOLN OP	59	naratriptan hcl .....	54	NEVANAC .....	60
47		NATACYN .....	59	nevirapine SUSP .....	31
moxifloxacin hcl in sodium chloride		NATAZIA .....	35	nevirapine TABS .....	31
47		nateglinide .....	17	nevirapine TB24 100 MG .....	31
moxifloxacin hcl TABS .....	47	NAYZILAM .....	12	nevirapine TB24 400 MG .....	31
MOZOBIL (plerixafor) .....	50	nebivolol hcl 2.5 MG, 5 MG, 10 MG		NEXIUM 24HR TBEC (esomeprazole	
MULPLETA .....	50	33		magnesium) .....	65
MULTI PRENATAL TABS .....	57	nebivolol hcl 20 MG .....	33	NEXTSTELLIS .....	35
mupirocin OINT .....	38	NEBUSAL NEBU .....	37	niacin (antihyperlipidemic) TBCR	..20
MVASI .....	25	nefazodone hcl .....	14	niacin CPR 250 MG, 500 MG ....	70
MYALEPT .....	46	nelarabine .....	24	niacin TABS .....	70
mycophenolate mofetil CAPS .....	56	neomycin sulfate TABS .....	2	niacin TBCR .....	70
mycophenolate mofetil TABS .....	56	neomycin-bacitracin zn-polymyxin	59	NIACIN TR TBCR .....	70
mycophenolate sodium .....	56	neomycin-polymy-dexameth OINT	60	niacinamide TABS 100 MG .....	70
MYLERAN TABS .....	24	neomycin-polymy-dexameth SUSP	60	niacinamide TABS 500 MG .....	70
nabumetone .....	4	60		nicardipine hcl CAPS .....	33
nadolol TABS 20 MG .....	33	neomycin-polymyxin-hc (ophth) ..	60	nicardipine hcl SOLN .....	33
nadolol TABS 40 MG .....	33	neomycin-polymyxin-hc (otic) SOLN .	60	nicotine MISC XX .....	63
nadolol TABS 80 MG .....	33	60		nicotine polacrilex GUM .....	63
nafcillin sodium IV 10 GM .....	61	neomycin-polymyxin-hc (otic) SUSP .	60	nicotine polacrilex LOZG .....	63
naftifine hcl CREA 1 % .....	39	60		nicotine PT24 TD 7 MG/24HR, 14	
naftifine hcl CREA 2 % .....	39	NEONATAL COMPLETE TABS 120		MG/24HR, 21 MG/24HR .....	63
NAGLAZYME .....	46	MG-10 MG-9.2 MG-1000 MCG-10		NICOTINE TRANSDERMAL	
nalbuphine hcl .....	7	MCG-12 MCG-3 MG-5 MG-20 MG-		SYSTEM KIT .....	63
naloxone hcl LIQD .....	17	27 MG-200 MG-1.84 MG-25 MG-2		NICOTROL INHALER INHA .....	63
naloxone hcl SOLN 0.4 MG/ML, 4		MG-1200 MCG-2 MG-0.2 MG .....	57	NICOTROL NS SOLN .....	63
MG/10ML .....	17	NEONATAL PLUS TABS .....	57	nifedipine CAPS 10 MG .....	33
naltrexone hcl .....	17	NEONATAL PRENATAL VITAMIN		nifedipine CAPS 20 MG .....	33
naproxen sodium TABS 550 MG ...	4	TABS .....	57	nifedipine TB24 60 MG .....	33
naproxen SUSP .....	4	NEONATAL VITAMIN TABS .....	57		
		neostigmine methylsulfate SOSY	..23		

nifedipine TB24 90 MG .....	33	norethindrone & eth estradiol .....	36	NOVOLIN 70/30 FLEXPEN SUPN	17
nifedipine TB24 .....	33	norethindrone & ethinyl estradiol-fe	36	NOVOLIN 70/30 SUSP .....	17
nilutamide .....	25	norethindrone (contraceptive) .....	36	NOVOLIN N FLEXPEN SUPN .....	17
nimodipine CAPS .....	33	norethindrone acet & eth estra TABS	36	NOVOLIN N SUSP .....	17
NINLARO .....	27	norethindrone acetate TABS .....	62	NOVOLIN R FLEXPEN SOPN IJ ..	17
NIPENT .....	28	norethindrone acetate-ethinyl		NOVOLIN R SOLN IJ .....	17
nisoldipine .....	33	estradiol .....	46	NOXAFIL SUSP (posaconazole) ..	18
nitazoxanide TABS .....	22	norethindrone acetate-ethinyl		NP THYROID 120 TABS .....	64
nitisinone CAPS .....	46	estradiol-fe .....	36	NP THYROID 15 TABS .....	64
NITRO-BID OINT .....	8	norethindrone-eth estradiol (triphasic)	36	NP THYROID 30 TABS .....	64
nitrofurantoin .....	22	.....	36	NP THYROID 60 TABS .....	64
nitrofurantoin macrocrystal 50 MG,		norgestimate-ethinyl estradiol		NP THYROID 90 TABS .....	64
100 MG .....	22	(triphasic) .....	36	NUBEQA .....	25
nitrofurantoin monohyd macro .....	23	norgestimate-ethinyl estradiol .....	36	NUCALA SOAJ .....	9
nitroglycerin (intra-anal) .....	8	norgestrel & ethinyl estradiol 30		NUCALA SOLR .....	9
nitroglycerin CPR .....	8	MCG-0.3 MG .....	36	NUCALA SOSY 100 MG/ML .....	9
nitroglycerin PT24 .....	8	NORMOSOL-M/D5W .....	55	NUCALA SOSY 40 MG/0.4ML .....	9
NITROGLYCERIN SOLN IV .....	8	NORMOSOL-R .....	55	NUCYNTA ER TB12 .....	6
nitroglycerin SUBL .....	8	nortriptyline hcl CAPS .....	15	NUCYNTA TABS .....	6
NIVA-PLUS TABS .....	57	nortriptyline hcl SOLN .....	15	NUEDEXTA .....	63
nizatidine CAPS .....	65	NORVIR CAPS .....	31	NULOJIX .....	56
NORDITROPIN FLEXPRO SOPN 30		NORVIR PACK .....	31	nystatin (mouth-throat) .....	57
MG/3ML .....	45	NORVIR SOLN .....	31	nystatin (topical) CREA .....	39
NORDITROPIN FLEXPRO SOPN 5		NOVA MAX PLUS KETONE		nystatin (topical) OINT .....	39
MG/1.5ML, 10 MG/1.5ML, 15		TESTSTRIPS .....	43	nystatin (topical) POWD EX .....	39
MG/1.5ML .....	45	NOVAVAX COVID-19 VACCINE		nystatin TABS .....	18
norelgestromin-ethinyl estradiol ..	36	SUSP .....	68	nystatin-triamcinolone CREA .....	39
norethin acet & estrad-fe CAPS ...	35	NOVAVAX COVID-19		nystatin-triamcinolone OINT .....	39
norethin acet & estrad-fe CHEW ..	35	VACCINE/2023-24 SUSP .....	68	NYVEPRIA .....	50
norethin acet & estrad-fe TABS 1		NOVAVAX COVID-19		octreotide acetate KIT .....	46
MG-20 MCG-75 MG, 1.5 MG-30		VACCINE/2024-25 SUSY .....	68		
MCG-75 MG .....	36	NOVOEIGHT .....	49		



octreotide acetate SOLN .....	46	17	OTEZLA TBPK .....	4	
ODEFSEY .....	31	ondansetron hcl SOLN OR 4 MG/5ML .....	18	oxacillin sodium IV 10 GM .....	61
ODOMZO .....	25	ondansetron hcl SOSY .....	18	oxaliplatin SOLN 50 MG/10ML, 100 MG/20ML .....	24
OFEV .....	63	ondansetron hcl TABS 24 MG .....	18	oxandrolone .....	7
ofloxacin (ophth) .....	59	ondansetron hcl TABS 4 MG .....	18	oxaprozin TABS .....	4
ofloxacin (otic) .....	60	ondansetron hcl TABS 8 MG .....	18	oxazepam CAPS .....	8
ofloxacin 300 MG, 400 MG .....	47	ondansetron TBDP 4 MG .....	18	OXBRYTA TABS 500 MG .....	49
OGIVRI .....	25	ondansetron TBDP 8 MG .....	18	oxcarbazepine SUSP .....	12
olanzapine SOLR .....	30	ONE VITE WOMENS PRENATALVITAMIN PLUS TABS .....	57	oxcarbazepine TABS 150 MG, 300 MG .....	12
olanzapine TABS 2.5 MG, 5 MG .....	30	ONE VITE WOMENS PRENATALVITAMIN TABS .....	57	oxcarbazepine TABS 600 MG .....	12
olanzapine TABS 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG .....	30	ONETOUCH DELICA SAFETY LANCING DEVICE .....	53	oxiconazole nitrate CREA .....	39
olanzapine TBDP 20 MG .....	30	ONETOUCH DELICA SAFETY LANCING DEVICE 30G .....	53	OXISTAT LOTN .....	39
olanzapine TBDP 5 MG, 10 MG, 15 MG .....	30	OPILL .....	36	oxybutynin chloride SOLN .....	65
olmesartan medoxomil .....	20	OPSUMIT .....	34	oxybutynin chloride TABS 5 MG .....	65
olmesartan medoxomil-amlodipine- hydrochlorothiazide .....	21	OPVEE NA .....	17	oxybutynin chloride TB24 .....	65
olmesartan medoxomil- hydrochlorothiazide .....	21	ORENITRAM TBCR .....	34	oxycodone hcl T12A 10 MG, 20 MG, 40 MG, 80 MG .....	6
olopatadine hcl (nasal) .....	58	ORGOVYX .....	25	oxycodone hcl TABS .....	6
olopatadine hcl 0.1 % .....	60	ORLISSA .....	45	oxycodone w/ acetaminophen TABS 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG .....	7
olopatadine hcl 0.2 % .....	60	ORKAMBI PACK .....	63	oxycodone w/ acetaminophen TABS 325 MG-2.5 MG .....	7
omega-3-acid ethyl esters .....	19	ORKAMBI TABS .....	63	oxymorphone hcl TABS .....	6
omeprazole CPDR .....	65	ORLADEYO .....	49	oxymorphone hcl TB12 40 MG .....	6
omeprazole magnesium CPDR .....	65	orphenadrine citrate TB12 .....	58	oxymorphone hcl TB12 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG .....	6
omeprazole TBEC .....	65	oseltamivir phosphate CAPS .....	32	OZEMPIC SOPN 2 MG/1.5ML .....	16
omeprazole-sodium bicarbonate CAPS 1100 MG-20 MG .....	65	oseltamivir phosphate SUSR .....	32	OZEMPIC SOPN .....	16
OMNIFLEX DIAPHRAGM .....	52	OSMOPREP .....	51	paclitaxel 6 MG/ML, 100 MG/16.7ML, 150 MG/25ML .....	28
ONCASPAR .....	28	OSPHENA .....	45		
ondansetron hcl SOLN IJ 4 MG/2ML .....	17	OTEZLA TABS .....	4		

paclitaxel protein-bound particles .28	pediatric multivitamins w/fl CHEW .57	permethrin CREA ..... 43
paliperidone 1.5 MG, 3 MG, 9 MG .29	PEDVAX HIB SUSP ..... 66	permethrin LIQD EX ..... 43
paliperidone 6 MG ..... 29	peg 3350-kcl-nacl-na sulfate-na ascorbate-ascorbic acid .....51	perphenazine TABS ..... 30
palonosetron hcl SOLN ..... 18	peg 3350-kcl-sod bicarb-sod chloride-sod sulfate SOLR 6.74 GM- 2.97 GM-5.86 GM-22.74 GM-236 GM .....51	perphenazine-amitriptyline .....62
pamidronate disodium SOLN 30 MG/10ML, 90 MG/10ML .....45	peg 3350-potassium chloride-sod bicarbonate-sod chloride .....51	PERSERIS PRSY .....29
PAMIDRONATE DISODIUM SOLN 45	PEGASYS SOLN ..... 32	PFIZER-BIONTECH COVID- 19VACCINE SUSP ..... 68
PANCREAZE CPEP 149900 UNIT- 97300 UNIT-37000 UNIT, 15200 UNIT-8800 UNIT-2600 UNIT, 24600 UNIT-14200 UNIT-4200 UNIT, 61500 UNIT-35500 UNIT-10500 UNIT, 83900 UNIT-54700 UNIT-21000 UNIT, 98400 UNIT-56800 UNIT- 16800 UNIT .....44	PEGASYS SOSY ..... 32	PFIZER-BIONTECH COVID- 19VACCINE/5-11Y SUSP ..... 68
PANRETIN ..... 39	PEMAZYRE .....27	PFIZER-BIONTECH COVID- 19VACCINE/5-11Y/2023-24 SUSP 68
pantoprazole sodium TBEC 20 MG 65	pemetrexed disodium SOLR 500 MG 24	PFIZER-BIONTECH COVID- 19VACCINE/5-11Y/2024-25 SUSP 68
pantoprazole sodium TBEC 40 MG 65	penciclovir ..... 40	PFIZER-BIONTECH COVID- 19VACCINE/6MO-4Y SUSP .....68
paricalcitol CAPS .....46	penicillamine CAPS .....56	PFIZER-BIONTECH COVID- 19VACCINE/6MO-4Y/2023-24 SUSP .....68
paricalcitol SOLN .....46	penicillamine TABS .....56	PFIZER-BIONTECH COVID- 19VACCINE/6MO-4Y/2024-25 SUSP .....68
paroxetine hcl SUSP .....14	penicillin g potassium 5000000 UNIT 61	PFIZER-BIONTECH COVID- 19VACCINE/6MO-4Y/2024-25 SUSP .....68
paroxetine hcl TABS 10 MG ..... 14	PENICILLIN G POTASSIUM IN ISO- OSMOTIC DEXTROSE 40000 UNIT/ML, 60000 UNIT/ML .....61	PFIZER-BIONTECH COVID- 19VACCINE/ADULT RTU SUSP ..68
paroxetine hcl TABS 20 MG ..... 14	PENICILLIN G PROCAINE ..... 61	PFIZER-BIONTECH COVID- 19VACCINE/BIVALENT/5-11Y ... 68
paroxetine hcl TABS 30 MG ..... 14	penicillin g sodium .....61	PFIZER-BIONTECH COVID- 19VACCINE/BIVALENT/6M-4Y ...68
paroxetine hcl TABS 40 MG ..... 14	penicillin v potassium SOLR .....61	PFIZER-BIONTECH COVID- 19VACCINE/BIVALENT/BA.4/BA.5 68
paroxetine hcl TB24 12.5 MG .....14	penicillin v potassium TABS ..... 61	PHEBURANE PLLT ..... 46
paroxetine hcl TB24 25 MG, 37.5 MG .....14	PENTACEL .....64	phenazopyridine hcl TABS 100 MG, 100 MG, 200 MG ..... 48
PASER PACK .....23	pentazocine w/ naloxone hcl ..... 7	phendimetrazine tartrate TABS ..... 1
pazopanib hcl .....27	pentoxifylline .....49	
PEDIARIX SUSY .....64	perindopril erbumine 2 MG, 8 MG .20	
	perindopril erbumine 4 MG ..... 20	
	PERJETA .....25	

phenelzine sulfate .....	14	piroxicam CAPS .....	4	potassium chloride microencapsulated crystals er .....	55
phenobarbital ELIX .....	50	PLASMA-LYTE A (electrolyte-a) ..	55	potassium chloride PACK OR 20 MEQ .....	56
phenobarbital TABS .....	50	PLASMA-LYTE-148 (electrolyte-148) .....	55	POTASSIUM CHLORIDE SOLN IV 10 MEQ/50ML (potassium chloride) 56	
phenoxybenzamine hcl .....	20	PLEGRIDY SOAJ .....	63	potassium chloride SOLN IV 2 MEQ/ML, 10 MEQ/50ML, 20 MEQ/50ML .....	56
phentermine hcl CAPS .....	1	PLEGRIDY SOSY SC .....	63	potassium chloride TBCR 8 MEQ, 10 MEQ, 20 MEQ .....	56
phenytoin CHEW .....	13	PLEGRIDY STARTER PACK SOAJ . 63		POTASSIUM CHLORIDE/DEXTROSE/LACTATED RINGERS .....	55
phenytoin sodium extended 100 MG, 200 MG, 300 MG .....	13	PLEGRIDY STARTER PACK SOSY SC .....	63	POTASSIUM CHLORIDE/SODIUM CHLORIDE 20 MEQ/L-0.45 % (potassium chloride in nacl) .....	55
phenytoin sodium SOLN .....	13	plerixafor .....	50	potassium citrate (alkalinizer) TBCR . 48	
phenytoin SUSP .....	13	PNEUMOVAX 23 SOSY .....	66	potassium phosphates 236 MG/ML- 224 MG/ML .....	55
PHEXXI .....	69	PNEUMOVAX 23/1 DOSE SOLN .	66	PR BENZOYL PEROXIDE WASH LIQD .....	38
PHOSLYRA SOLN .....	48	podofilox SOLN .....	42	pralatrexate 20 MG/ML .....	24
PHOTOFRIN .....	28	polymyxin b sulfate SOLR .....	22	pramipexole dihydrochloride TABS 0.125 MG .....	29
PIFELTRO .....	31	polymyxin b-trimethoprim .....	59	pramipexole dihydrochloride TABS 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG, 1 MG, 1.5 MG .....	29
pilocarpine hcl (oral) .....	57	POMALYST .....	26	prasugrel hcl .....	49
pilocarpine hcl SOLN 1 %, 2 %, 4 % . 59		posaconazole SUSP .....	18	pravastatin sodium .....	20
pimecrolimus .....	42	potassium acetate SOLN 2 MEQ/ML . 55		praziquantel .....	8
pimozide .....	63	potassium bicarbonate TBEF .....	55	prazosin hcl CAPS .....	20
pinidolol TABS .....	33	potassium chloride CPCR .....	56	PRECISION XTRA .....	43
pioglitazone hcl .....	17	potassium chloride in dextrose & sodium chloride 5 %-0.075 %-0.45 %, 5 %-0.15 %-0.9 %, 5 %-10 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.2 %, 5 %-20 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.9 %, 5 %-30 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40 MEQ/L-0.9 % .....	55	PRED MILD .....	60
pioglitazone hcl-glimepiride .....	15	potassium chloride in dextrose 5 %- 20 MEQ/L .....	55		
pioglitazone hcl-metformin hcl TABS . 15		potassium chloride in nacl 20 MEQ/L- 0.45 %, 20 MEQ/L-0.9 %, 40 MEQ/L- 0.9 % .....	55		
piperacillin sodium-tazobactam sodium .....	61				
PIQRAY 200MG DAILY DOSE ...	27				
PIQRAY 250MG DAILY DOSE ...	27				
PIQRAY 300MG DAILY DOSE ...	27				
pirfenidone CAPS .....	63				
pirfenidone TABS 534 MG .....	63				

prednicarbate OINT .....	42	PRENATAL ONE DAILY TABS .....	57	probenecid .....	48
prednisolone acetate (ophth) .....	60	PRENATAL PLUS TABS .....	57	procainamide hcl SOLN 500 MG/ML .	9
PREDNISOLONE SODIUM PHOSPHATE .....	60	PRENATAL PLUS VITAMIN ANDMINERAL TABS .....	57	prochlorperazine .....	30
prednisolone sodium phosphate SOLN 5 MG/5ML, 6.7 MG/5ML, 10 MG/5ML, 15 MG/5ML, 25 MG/5ML	37	PRENATAL TABS .....	58	prochlorperazine maleate TABS ...	30
prednisolone sodium phosphate TBDP .....	37	PRENATAL VITAMIN & MINERAL TABs .....	57	PROCRIT 2000 UNIT/ML, 3000 UNIT/ML, 4000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML .....	50
prednisolone SOLN .....	37	PRENATAL VITAMIN TABS .....	58	PROCRIT 40000 UNIT/ML .....	50
prednisolone TABS .....	37	PRENATAL VITAMIN/IRON TABS	57	progesterone CAPS .....	62
prednisone SOLN .....	37	PRENATAL VITAMINS PLUS LOW IRON TABS .....	57	PROGRAF PACK .....	56
prednisone TABS 1 MG, 5 MG ....	37	PRENATAL VITAMINS TABS 100 MG-800 MCG-1.84 MG-18 MG-2.6 MG-1.7 MG-27 MG-10 MCG-4.95 MG-25 MG-200 MG-160 MG-1200 MCG-4 MCG, 120 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-8 MCG-1.7 MG-20 MG-28 MG-200 MG-1.8 MG-25 MG- 4000 UNIT-30 UNIT .....	58	PROGRAF SOLN .....	56
prednisone TABS 2.5 MG, 10 MG, 20 MG, 50 MG .....	37	PRENATRIX TABS .....	58	PROLASTIN-C SOLN .....	63
prednisone TBPK .....	37	PRENATRYL TABS .....	58	PROLEUKIN .....	28
pregabalin (once-daily) 330 MG ...	63	PREVNAR 13 .....	66	PROLIA SOSY .....	45
pregabalin (once-daily) 82.5 MG, 165 MG .....	63	PREVNAR 20 .....	66	PROMACTA PACK .....	50
pregabalin CAPS 225 MG, 300 MG 12		PREZCOBIX .....	31	PROMACTA TABS .....	50
pregabalin CAPS 25 MG, 50 MG, 75 MG, 100 MG, 150 MG, 200 MG ...	12	PREZISTA SUSP .....	31	promethazine hcl SOLN OR 6.25 MG/5ML .....	19
pregabalin SOLN .....	12	PREZISTA TABS (darunavir) .....	31	promethazine hcl SUPP 12.5 MG, 25 MG .....	19
PREHEVBRIO .....	68	PREZISTA TABS 75 MG, 150 MG, 600 MG .....	31	promethazine hcl SUPP 50 MG ...	19
PREMARIN .....	69	PREZISTA TABS 800 MG (darunavir) .....	31	promethazine hcl TABS .....	19
PREMARIN SOLR .....	47	PRIFTIN .....	23	propafenone hcl CP12 .....	9
PREMARIN TABS .....	47	primaquine phosphate TABS .....	23	propafenone hcl TABS .....	9
PREMPHASE .....	46	primidone 50 MG, 250 MG .....	12	proparacaine hcl .....	59
PREMPRO .....	46	PRIORIX SUSR .....	68	propranolol hcl CP24 .....	33
PRENATAL MULTIVITAMIN TABS 57				propranolol hcl SOLN OR 20 MG/5ML, 40 MG/5ML .....	33
				propranolol hcl TABS .....	33
				propylthiouracil .....	64
				PROQUAD SUSR .....	68

protriptyline hcl .....	15	QVAR REDIHALER .....	10	RELION 2-IN-1 LANCING DEVICE 30G .....	53
PULMICORT FLEXHALER AEPB .	10	RA PRENATAL FORMULA/FOLICACID TABS .....	58	RELION KETONE TEST STRIPS STRP .....	43
PULMOZYME .....	63	RA PRENATAL TABS .....	58	RELION TRUE METRIX BLOODGLUCOSE TEST STRIPS STRP .....	43
PX PRENATAL MULTIVITAMINS TABS .....	58	rabeprazole sodium TBEC .....	65	RENFLEXIS .....	47
pyrazinamide .....	23	raloxifene hcl .....	45	repaglinide 0.5 MG, 1 MG .....	17
pyridostigmine bromide SOLN OR	23	ramelteon .....	50	repaglinide 2 MG .....	17
pyridostigmine bromide TABS 60 MG .....	23	ramipril CAPS .....	20	REPATHA PUSHTRONEX SYSTEM SOCT .....	20
pyridostigmine bromide TBCR .....	23	ranitidine hcl TABS 150 MG .....	65	REPATHA SOSY .....	20
pyrimethamine .....	23	ranolazine TB12 1000 MG .....	8	REPATHA SURECLICK SOAJ ....	20
QC PRENATAL TABS .....	58	ranolazine TB12 500 MG .....	8	RETACRIT .....	50
QINLOCK .....	27	rasagiline mesylate .....	29	RETEVMO CAPS .....	27
QUADRACEL SUSP .....	64	REALITY LATEX CONDOMS/LUBRICATED MISC ..	52	RETROVIR IV INFUSION SOLN ..	31
QUADRACEL SUSY .....	64	REALITY LATEX/ULTRA TEXTURED DEVI .....	52	REXULTI .....	30
quetiapine fumarate TABS 25 MG, 50 MG, 100 MG, 200 MG .....	30	REALITY LATEX/ULTRA THIN DEVI 52		ribavirin (hepatitis c) CAPS .....	32
quetiapine fumarate TABS 300 MG, 400 MG .....	30	REBIF REBIDOSE SOAJ .....	63	ribavirin (hepatitis c) TABS 200 MG 32	
quetiapine fumarate TB24 300 MG, 400 MG .....	30	REBIF REBIDOSE TITRATIONPACK SOAJ .....	63	RIDAURA .....	3
quetiapine fumarate TB24 50 MG, 150 MG, 200 MG .....	30	REBIF SOSY .....	63	rifabutin .....	23
quinapril hcl 20 MG, 40 MG .....	20	REBIF TITRATION PACK SOSY ..	63	rifampin CAPS .....	23
quinapril hcl 5 MG, 10 MG .....	20	RECOMBIVAX HB SUSP .....	69	rifampin SOLR .....	24
quinapril-hydrochlorothiazide 12.5 MG-10 MG .....	21	RECOMBIVAX HB SUSY .....	69	riluzole TABS .....	59
quinapril-hydrochlorothiazide 12.5 MG-20 MG .....	21	RECTIV (nitroglycerin (intra-anal))	.8	rimantadine hydrochloride TABS ..	32
quinapril-hydrochlorothiazide 25 MG- 20 MG .....	21	REGRANEX .....	43	ringer's .....	55
quinidine sulfate TABS .....	9	RELENZA DISKHALER .....	32	ringer's irrigation .....	56
quinine sulfate CAPS 324 MG .....	23	RELION 2-IN-1 LANCET DEVICES 30G .....	53	RINVOQ LQ SOLN .....	2
		RELION 2-IN-1 LANCING DEVICE 25G .....	53	RINVOQ TB24 .....	3
				risedronate sodium TABS 150 MG	45

risedronate sodium TABS 35 MG .45	rufinamide TABS 400 MG .....13	sertraline hcl CONC .....14
risedronate sodium TABS 5 MG, 30 MG .....45	RUKOBIA .....31	sertraline hcl TABS 100 MG .....14
risedronate sodium TBEC .....45	RUXIENCE .....25	sertraline hcl TABS 25 MG, 50 MG 14
RISPERDAL CONSTA (risperidone microspheres) .....29	RYBELSUS TABS .....16	sevelamer carbonate PACK .....48
risperidone microspheres .....29	salsalate .....5	sevelamer carbonate TABS .....48
risperidone SOLN .....29	SANDOSTATIN LAR DEPOT KIT (octreotide acetate) .....46	SHINGRIX .....69
risperidone TABS .....29	SANDOSTATIN LAR DEPOT KIT .46	SIGNIFOR .....46
risperidone TBDP .....29	SANTYL OINT .....42	sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SOLN .....34
ritonavir TABS .....31	sapropterin dihydrochloride PACK .46	sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SUSR .....34
rivastigmine tartrate CAPS .....62	sapropterin dihydrochloride TABS .46	sildenafil citrate (pulmonary hypertension) TABS .....34
rizatriptan benzoate TABS 10 MG .54	SAVELLA TABS .....62	sildenafil citrate .....34
rizatriptan benzoate TABS 5 MG ..54	SAVELLA TITRATION PACK MISC 62	silodosin .....48
rizatriptan benzoate TBDP 10 MG .54	saxagliptin hcl .....16	silver sulfadiazine .....40
rizatriptan benzoate TBDP 5 MG ..54	saxagliptin-metformin hcl 1000 MG- 2.5 MG .....15	SIMPONI ARIA SOLN .....3
roflumilast .....9	saxagliptin-metformin hcl 1000 MG-5 MG, 500 MG-5 MG .....15	SIMULECT .....56
romidepsin SOLR .....27	SCEMBLIX 100 MG .....27	simvastatin TABS .....20
ropinirole hydrochloride TABS .....29	SCEMBLIX 20 MG .....27	sirolimus TABS .....56
ropinirole hydrochloride TB24 2 MG, 4 MG, 6 MG .....29	SCEMBLIX 40 MG .....27	SIRTURO .....24
ropinirole hydrochloride TB24 8 MG, 12 MG .....29	scopolamine .....18	SIVEXTRO TABS .....22
rosuvastatin calcium TABS .....20	SELECT INSULIN SYRINGES ...53	SKYRIZI PEN SOAJ .....40
ROTARIX SUSP .....69	SELECT LANCETS .....53	SKYRIZI SOCT .....47
ROTARIX SUSR .....69	selegiline hcl CAPS .....29	SKYRIZI SOLN .....47
ROTATEQ SOLN .....69	selegiline hcl TABS .....29	SKYRIZI SOSY .....40
ROZLYTREK CAPS .....27	selenium sulfide LOTN 2.5 % .....40	SLYND .....36
RUBRACA .....27	SELZENTRY SOLN .....31	SM PRENATAL VITAMINS TABS .58
rufinamide SUSP .....12	SELZENTRY TABS 25 MG, 75 MG 31	SODIUM ACETATE SOLN (sodium acetate) .....55
rufinamide TABS 200 MG .....13	SEREVENT DISKUS .....10	sodium acetate SOLN .....55

sodium chloride (gu irrigant) 0.9 %	48	sotalol hcl TABS 80 MG, 120 MG, 160 MG	33	STRIVERDI RESPIMAT	10
sodium chloride (inhalant) NEBU 7 %	37	SPIKEVAX COVID-19 VACCINE SUSP	69	SUBLOCADE SOSY 100 MG/0.5ML	7
sodium chloride SOLN IV 0.45 %, 0.9 %, 3 %, 4 MEQ/ML, 5 %	56	SPIKEVAX COVID-19 VACCINE/2023-24 SUSP	69	SUBLOCADE SOSY 300 MG/1.5ML	7
sodium citrate & citric acid	48	SPIKEVAX COVID-19 VACCINE/2023-24 SUSY	69	SUBSYS LIQD 100 MCG	6
sodium fluoride CHEW 0.25 MG, 0.5 MG, 1 MG, 2.2 MG	55	SPIKEVAX COVID-19 VACCINE/2024-25 SUSY	69	SUBSYS LIQD 200 MCG, 400 MCG, 600 MCG	6
sodium phenylbutyrate POWD	46	spinosad	43	SUBSYS LIQD 800 MCG, 1200 MCG, 1600 MCG	6
sodium phenylbutyrate TABS	46	SPIRIVA HANDIHALER CAPS (tiotropium bromide monohydrate)	9	sucralfate SUSP	65
sodium polystyrene sulfonate POWD	56	SPIRIVA RESPIMAT AERS	9	sucralfate TABS	65
sodium polystyrene sulfonate SUSP CO 15 GM/60ML	56	spironolactone & hydrochlorothiazide	44	sulconazole nitrate CREA	39
sodium sulfate-potassium sulfate-magnesium sulfate	51	spironolactone TABS	44	sulconazole nitrate SOLN	39
SOFOSBUVIR/VELPATASVIR TABS	32	SPRAVATO 56MG DOSE	14	sulfacetamide sodium (acne)	38
solifenacin succinate TABS	65	SPRAVATO 84MG DOSE	14	sulfacetamide sodium (ophth) SOLN	59
SOLQUA 100/33	15	SPRYCEL (dasatinib)	27	sulfacetamide sodium w/ sulfur CREA 10 %-5 %	38
SOLOSEC	2	stannous fluoride CONC	57	sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 10 %-5 %	38
SOLU-CORTEF 100 MG, 500 MG, 1000 MG	37	stavudine CAPS	31	sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 9 %-4.5 %	38
SOLU-CORTEF 250 MG	37	STELARA 130 MG/26ML	47	sulfacetamide sodium-sulfur in urea vehicle EMUL 10 %-10 %-4 %	38
SOLU-MEDROL 2 GM	37	STELARA SOLN 45 MG/0.5ML	40	sulfacetamide sod-prednisolone SOLN	60
SOMAVERT 10 MG, 15 MG, 20 MG	45	STELARA SOSY 45 MG/0.5ML	40	sulfadiazine TABS	63
sorafenib tosylate	27	STELARA SOSY 90 MG/ML	40	sulfamethoxazole-trimethoprim SOLN	22
SORBITOL 3 %	48	STENDRA	34	sulfamethoxazole-trimethoprim SUSP	22
SORBITOL/MANNITOL IRRIGATION	48	STIOLTO RESPIMAT	10	sulfamethoxazole-trimethoprim TABS	22
sotalol hcl (afib/afib)	33	STIVARGA	27		
sotalol hcl TABS 240 MG	33	STRENSIQ	46		
		streptomycin sulfate SOLR	2		
		STRIBILD	31		

SULFAMYLON CREA .....	40	TABS .....	34	temsirolimus .....	27
sulfasalazine TABS .....	47	tadalafil 5 MG .....	34	TENIVAC INJ .....	64
sulfasalazine TBEC .....	47	TAFINLAR CAPS .....	27	tenofovir disoproxil fumarate TABS	31
sulindac TABS .....	4	tafluprost .....	60	terazosin hcl .....	20
sumatriptan .....	54	TAGRISSO 40 MG .....	25	terbinafine hcl TABS .....	18
sumatriptan succinate SOAJ .....	54	TAGRISSO 80 MG .....	25	terbutaline sulfate SOLN .....	10
sumatriptan succinate SOCT .....	54	TAKHZYRO SOLN .....	49	terbutaline sulfate TABS .....	11
sumatriptan succinate SOLN 6		TAKHZYRO SOSY .....	49	terconazole vaginal CREA .....	69
MG/0.5ML .....	54	TALZENNA .....	27	terconazole vaginal SUPP .....	69
sumatriptan succinate TABS .....	54	tamoxifen citrate TABS .....	26	teriflunomide .....	63
sumatriptan-naproxen sodium .....	54	tamsulosin hcl .....	48	teriparatide SOPN .....	45
sunitinib malate 12.5 MG, 25 MG, 50		TASIGNA 150 MG, 200 MG .....	27	TERIPARATIDE SOPN .....	45
MG .....	27	TASIGNA 50 MG .....	27	TESTOSTERONE CYPIONATE	
sunitinib malate 37.5 MG .....	27	tavorole .....	39	SOLN IJ 200 MG/ML .....	7
SUNOSI 150 MG .....	1	TAVALISSE .....	49	testosterone cypionate SOLN IM ...	7
SUNOSI 75 MG .....	1	tazarotene CREA 0.1 % .....	40	testosterone enanthate SOLN IM ...	7
SYNAREL .....	45	TAZVERIK .....	27	TETANUS/DIPHThERIA TOXOIDS-	
SYNERA PTCH .....	43	TDVAX SUSP .....	64	ADSORBED ADULT SUSP .....	64
SYNJARDY TABS .....	15	TEFLARO .....	35	tetrabenazine .....	62
SYNJARDY XR TB24 1000 MG-10		TEGRETOL SUSP (carbamazepine) .	13	tetracycline hcl CAPS .....	64
MG, 1000 MG-12.5 MG, 1000 MG-5		TEGRETOL TABS (carbamazepine) .	13	THALOMID .....	56
MG .....	15	TEGSEDl .....	63	theophylline ELIX .....	11
SYNJARDY XR TB24 1000 MG-25		telmisartan .....	20	theophylline SOLN .....	11
MG .....	15	telmisartan-amlodipine .....	21	theophylline TB12 .....	11
SYNRIBO .....	28	telmisartan-hydrochlorothiazide ..	21	theophylline TB24 .....	11
SYNTHROID TABS (levothyroxine		temazepam 15 MG, 30 MG .....	50	THERANATAL CORE NUTRITION	
sodium) .....	64	temazepam 7.5 MG, 22.5 MG .....	50	TABS .....	58
TABLOID .....	24	TEMODAR SOLR .....	24	THIOLA EC TBEC 100 MG	
TABRECTA .....	27	temozolomide CAPS .....	24	(tiopronin) .....	48
tacrolimus (topical) OINT .....	42			THIOLA EC TBEC 300 MG	
tacrolimus CAPS .....	56			(tiopronin) .....	48
tadalafil (pulmonary hypertension)					



thioridazine hcl .....	30	tolvaptan TABS .....	46	TREMFYA SOAJ 200 MG/2ML .....	40
thiotepa 15 MG .....	24	topiramate CPSP 15 MG .....	13	TREMFYA SOLN .....	40
thiothixene .....	30	topiramate CPSP 25 MG .....	13	TREMFYA SOSY 100 MG/ML .....	40
THYMOGLOBULIN .....	56	topiramate CS24 .....	13	TREMFYA SOSY 200 MG/2ML ...	40
THYROGEN 0.9 MG .....	43	topiramate TABS 200 MG .....	13	treprostinil SOLN IJ .....	34
tiagabine hcl .....	13	topiramate TABS 25 MG, 100 MG	13	tretinoin (chemotherapy) .....	28
TIBSOVO .....	27	topiramate TABS 50 MG .....	13	tretinoin CREA 0.025 %, 0.05 %, 0.1	% .....
tigecycline .....	64	topotecan hcl SOLR .....	28	tretinoin GEL 0.01 %, 0.025 % .....	38
timolol maleate (ophth) SOLG .....	59	toremifene citrate .....	26	tretinoin microsphere 0.1 % .....	38
timolol maleate (ophth) SOLN .....	59	torsemide TABS .....	44	TREXALL TABS 5 MG, 7.5 MG, 10	MG, 15 MG .....
timolol maleate TABS .....	33	TRACLEER TBSO .....	34	triamcinolone acetonide (mouth) ..	57
tiopronin TBEC 100 MG .....	48	tramadol hcl TABS 50 MG .....	6	triamcinolone acetonide (nasal)	AERO .....
tiopronin TBEC 300 MG .....	48	tramadol hcl TB24 .....	6	AERO .....	58
tiotropium bromide monohydrate		tramadol-acetaminophen .....	7	triamcinolone acetonide (topical)	
CAPS .....	9	trandolapril 1 MG, 2 MG .....	20	CREA 0.025 % .....	42
TIVICAY TABS .....	31	trandolapril 4 MG .....	20	triamcinolone acetonide (topical)	
tizanidine hcl CAPS .....	58	trandolapril-verapamil hcl 180 MG-2		CREA 0.1 % .....	42
tizanidine hcl TABS .....	58	MG, 240 MG-1 MG .....	21	triamcinolone acetonide (topical)	
tobramycin (ophth) SOLN .....	59	trandolapril-verapamil hcl 240 MG-2		CREA 0.5 % .....	42
tobramycin NEBU .....	2	MG, 240 MG-4 MG .....	21	triamcinolone acetonide (topical)	
tobramycin sulfate SOLN IJ 10		tranexamic acid SOLN 1000		LOTN 0.025 % .....	42
MG/ML, 40 MG/ML, 80 MG/2ML	2	MG/10ML .....	50	triamcinolone acetonide (topical)	
tobramycin-dexamethasone SUSP		tranexamic acid TABS .....	50	LOTN 0.1 % .....	42
60		tranylcypromine sulfate .....	14	triamcinolone acetonide (topical)	
TODAY SPONGE MISC .....	69	travoprost SOLN .....	60	OINT 0.025 %, 0.1 % .....	42
tolcapone .....	29	TRAZIMERA .....	25	triamcinolone acetonide (topical)	
tolmetin sodium CAPS .....	4	trazodone hcl TABS .....	14	OINT 0.5 % .....	42
tolmetin sodium TABS 600 MG .....	4	TRECTOR .....	24	triamcinolone acetonide SUSP 40	
TOLSURA CAPS .....	18	TRELEGY ELLIPTA .....	11	MG/ML, 200 MG/5ML, 400 MG/10ML	
tolterodine tartrate CP24 .....	65	TRELSTAR MIXJECT .....	26	.....	37
tolterodine tartrate TABS .....	65	TREMFYA SOAJ 100 MG/ML .....	40	triamterene & hydrochlorothiazide	
				CAPS 25 MG-37.5 MG .....	44

triamterene & hydrochlorothiazide TABS .....	44	trosipium chloride CP24 .....	65	TRUSTEX/RIA LUBRICATED MISC .	53
triamterene CAPS .....	44	trosipium chloride TABS .....	66	TRUSTEX/RIA LUBRICATED	
triazolam .....	50	TRUE COVER DEVI .....	52	SPERMICIDE MISC .....	53
TRICARE TABS .....	58	TRUE METRIX BLOOD		TRUSTEX/RIA	
trientine hcl 250 MG .....	56	GLUCOSETEST STRIPS STRP ..	43	LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	
trifluoperazine hcl TABS .....	30	TRUE METRIX CONTROL		53	
trifluridine .....	59	SOLUTION LEVEL 3 SOLN .....	53	TRUXIMA .....	25
trihexyphenidyl hcl SOLN .....	28	TRUE METRIX SELF MONITORING		TUKYSA .....	25
trihexyphenidyl hcl TABS .....	28	BLOOD GLUCOSE STRIPS STRP		TURALIO .....	27
TRIJARDY XR 1000 MG-2.5 MG-		43		TUZISTRA XR .....	37
12.5 MG, 1000 MG-2.5 MG-5 MG .	16	TRUETRACK TEST STRP .....	43	TWINRIX SUSY .....	69
TRIJARDY XR 1000 MG-5 MG-10		TRULICITY .....	16	TWIRLA .....	36
MG, 1000 MG-5 MG-25 MG .....	16	TRUMENBA .....	66	TYBLUME CHEW .....	36
TRIKAFTA TBPK .....	63	TRUSTEX COLOR CONDOMS +		TYBOST .....	31
trimethobenzamide hcl CAPS .....	18	LUBE MISC .....	52	TYMLOS .....	45
trimethoprim TABS .....	22	TRUSTEX LUBRICATED		TYVASO REFILL KIT SOLN IN ...	34
trimipramine maleate CAPS .....	15	EXTRALARGE MISC .....	52	TYVASO SOLN IN .....	34
TRINTELLIX .....	14	TRUSTEX LUBRICATED		TYVASO STARTER KIT SOLN IN	34
TRIUMEQ TABS .....	31	EXTRASTRENGTH MISC .....	52	UBRELVY .....	54
TRIZIVIR .....	31	TRUSTEX LUBRICATED MISC ...	53	UCERIS (budesonide (intrarectal))	.7
TROJAN MAGNUM MISC .....	52	TRUSTEX		UDENYCA ONBODY SOSY .....	50
TROJAN ULTRA THIN		LUBRICATED/RIBBED/STUDD		UDENYCA SOAJ .....	50
LUBRICATED MISC .....	52	MISC .....	52	UDENYCA SOSY .....	50
TROJAN ULTRA		TRUSTEX		UPTRAVI TABS 200 MCG .....	34
THIN/SPERMICIDAL LUBRICANT		LUBRICATED/SPERMICIDE EXTRA		UPTRAVI TABS 400 MCG, 600	
MISC .....	52	LARGE MISC .....	52	MCG, 800 MCG, 1000 MCG, 1200	
TROJAN-ENZ LUBRICATED MISC		TRUSTEX		MCG, 1400 MCG, 1600 MCG .....	34
52		LUBRICATED/SPERMICIDE MISC		UPTRAVI TITRATION PACK TBPK	
TROJAN-ENZ W/SPERMICIDAL		52		34	
MISC .....	52	TRUSTEX NATURAL CONDOMS		ursodiol CAPS .....	47
tropicamide SOLN 0.5 % .....	59	+LUBE/LUBRICATED MISC .....	53	ursodiol TABS .....	47
tropicamide SOLN 1 % .....	59	TRUSTEX WITH NONOXYNOL-			
		9/RIBBED/STUDD MISC .....	53		

UVADEX .....	28	venlafaxine hcl TB24 150 MG .....	15	VORAXAZE .....	28
valacyclovir hcl 1 GM, 1000 MG ...	32	venlafaxine hcl TB24 37.5 MG, 75		voriconazole TABS .....	18
valacyclovir hcl 500 MG .....	32	MG, 225 MG .....	15	VOSEVI .....	32
valganciclovir hcl TABS .....	32	verapamil hcl CP24 100 MG, 200		VOTRIENT (pazopanib hcl) .....	27
valproate sodium SOLN OR 250		MG, 300 MG .....	33	VYNDAMAX .....	34
MG/5ML, 500 MG/10ML .....	13	verapamil hcl CP24 120 MG, 180		VYNDAQEL .....	34
valproic acid CAPS .....	13	MG, 240 MG, 360 MG .....	33	VYVANSE CAPS .....	1
valrubicin .....	26	verapamil hcl SOLN 2.5 MG/ML ...	33	warfarin sodium TABS .....	11
valsartan TABS .....	20	verapamil hcl TABS .....	33	water for irrigation, sterile .....	56
valsartan-hydrochlorothiazide .....	21	verapamil hcl TBCR .....	33	WESTAB PLUS TABS .....	58
VALTOCO 10 MG DOSE LIQD ...	12	VEREGEN .....	38	WIDE-SEAL SILICONE	
VALTOCO 15 MG DOSE LQPK ...	12	VERZENIO .....	27	DIAPHRAGM KIT 60 .....	53
VALTOCO 20 MG DOSE LQPK ...	12	VICTOZA (liraglutide) .....	16	WIDE-SEAL SILICONE	
VALTOCO 5 MG DOSE LIQD .....	12	VIGABATRIN PACK .....	13	DIAPHRAGM KIT 65 .....	53
vancomycin hcl CAPS .....	22	vigabatrIN TABS .....	13	WIDE-SEAL SILICONE	
vancomycin hcl SOLR IV 1 GM, 10		VIIBRYD STARTER PACK KIT ...	14	DIAPHRAGM KIT 70 .....	53
GM, 500 MG, 1000 MG .....	22	vilazodone hcl TABS .....	14	WIDE-SEAL SILICONE	
vancomycin hcl SOLR OR 25		vincristine sulfate .....	28	DIAPHRAGM KIT 75 .....	53
MG/ML, 50 MG/ML, 250 MG/5ML .	22	vinorelbine tartrate 10 MG/ML .....	28	WIDE-SEAL SILICONE	
VAQTA .....	69	VIRACEPT TABS 250 MG .....	31	DIAPHRAGM KIT 80 .....	53
varenicline tartrate TABS .....	63	VIRACEPT TABS 625 MG .....	31	WIDE-SEAL SILICONE	
varenicline tartrate TBPk .....	63	VIREAD POWD .....	31	DIAPHRAGM KIT 85 .....	53
VARIVAX SUSR .....	69	VIREAD TABS 150 MG, 200 MG,		WIDE-SEAL SILICONE	
VARUBI TBPk .....	18	250 MG .....	31	DIAPHRAGM KIT 90 .....	53
VAXNEUVANCE .....	66	VISTOGARD .....	17	WIDE-SEAL SILICONE	
VECAMYL .....	21	VITAMIN D2 TABS 400 UNIT .....	70	DIAPHRAGM KIT 95 .....	53
VECTIBIX 100 MG/5ML .....	25	VITATHELY/GINGER TABS .....	58	XALKORI CAPS .....	28
venlafaxine hcl CP24 150 MG .....	15	VITRAKVI CAPS .....	27	XARELTO STARTER PACK TBPk	
venlafaxine hcl CP24 37.5 MG .....	15	VITRAKVI SOLN .....	27	11	
venlafaxine hcl CP24 75 MG .....	15	VIVITROL .....	17	XARELTO SUSR .....	11
venlafaxine hcl TABS .....	15	VIZIMPRO .....	25	XARELTO TABS 10 MG, 20 MG ..	11
				XARELTO TABS 2.5 MG, 15 MG ..	11
				XELJANZ SOLN .....	3

XELJANZ TABS 10 MG .....	3	XYNTHA .....	49	ZIRABEV .....	25
XELJANZ TABS 5 MG .....	3	XYNTHA SOLOFUSE .....	49	ZIRGAN GEL .....	59
XELJANZ XR TB24 .....	3	YERVOY .....	25	ZOLADEX 10.8 MG .....	26
XEOMIN .....	59	YONSA .....	26	ZOLADEX 3.6 MG .....	26
XGEVA SOLN .....	45	zafirlukast .....	9	zoledronic acid CONC .....	45
XHANCE EXHU .....	58	zaleplon 10 MG .....	50	zoledronic acid SOLN .....	45
XIFAXAN 200 MG .....	22	zaleplon 5 MG .....	50	ZOLINZA .....	28
XIFAXAN 550 MG .....	22	ZALTRAP 100 MG/4ML .....	25	zolmitriptan SOLN .....	54
XIGDUO XR (dapagliflozin propanediol-metformin hcl) .....	16	ZANOSAR .....	24	zolmitriptan TABS .....	54
XIGDUO XR 1000 MG-10 MG, 500 MG-10 MG, 500 MG-5 MG .....	16	ZARONTIN CAPS (ethosuximide) .	13	zolmitriptan TBDP .....	55
XIGDUO XR 1000 MG-2.5 MG, 1000 MG-5 MG .....	16	ZARXIO .....	50	zolpidem tartrate TABS .....	50
XOLAIR SOAJ 150 MG/ML, 300 MG/2ML .....	9	ZEJULA CAPS .....	28	zolpidem tartrate TBCR .....	50
XOLAIR SOAJ 75 MG/0.5ML .....	9	ZEJULA TABS 100 MG .....	28	zonisamide CAPS .....	13
XOLAIR SOLR .....	9	ZEJULA TABS 200 MG, 300 MG .	28	ZONTIVITY .....	49
XOLAIR SOSY 150 MG/ML, 300 MG/2ML .....	9	ZELBORAF .....	28	ZORBTIVE SC .....	45
XOLAIR SOSY 75 MG/0.5ML .....	9	ZENPEP CPEP 105000 UNIT-79000 UNIT-25000 UNIT, 14000 UNIT- 10000 UNIT-3000 UNIT, 168000 UNIT-126000 UNIT-40000 UNIT, 24000 UNIT-17000 UNIT-5000 UNIT, 42000 UNIT-32000 UNIT-10000 UNIT, 63000 UNIT-47000 UNIT- 15000 UNIT, 84000 UNIT-63000 UNIT-20000 UNIT .....	44	ZUBSOLV SUBL 0.18 MG-0.7 MG, 0.36 MG-1.4 MG, 1.4 MG-5.7 MG, 2.1 MG-8.6 MG, 2.9 MG-11.4 MG .	7
XOSPATA .....	28	ZENPEP CPEP 252600 UNIT- 189600 UNIT-60000 UNIT .....	44	ZUBSOLV SUBL 0.71 MG-2.9 MG .	7
XPOVIO .....	26	zidovudine CAPS .....	31	ZYDELIG .....	28
XPOVIO 60 MG TWICE WEEKLY 26		zidovudine SYRP .....	31		
XPOVIO 80 MG TWICE WEEKLY 26		zidovudine TABS .....	31		
XTAMPZA ER .....	6	ZIEXTENZO .....	50		
XTANDI CAPS .....	26	zileuton TB12 .....	9		
XTANDI TABS 40 MG .....	26	ZIMHI SOSY .....	17		
XTANDI TABS 80 MG .....	26	ziprasidone hcl .....	29		
XULTOPHY 100/3.6 .....	16				

Ambetter from WellCare of Kentucky is underwritten by WellCare Health Plans of Kentucky, Inc., which is a Qualified Health Plan issuer in the Kentucky Health Insurance Marketplace. This is a solicitation for insurance. © 2023 WellCare Health Plans of Kentucky, Inc. All rights reserved.